

# PHẦN I. VĂN HÓA VẬT CHẤT, TINH THẦN CỦA CÁC TỘC NGƯỜI Ở TÂY NGUYÊN.

**BÍCH NGỌ. Lễ cúng ruộng của người Churu ở Đức Trọng / Bích Ngo,  
Phương Uyên // Báo Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 5 tháng 3.- Tr.3.**

*Lễ hội Mơ nhum ha ma (lễ cúng ruộng) của người Churu ở xã Tà Năng, huyện Đức Trọng là một sinh hoạt văn hóa truyền thống mang tính cộng đồng cao do đồng bào Chu ru trong các buôn làng chủ động tổ chức mở hội và hành lễ. Mơ nhum ha ma là lễ hội lớn nhất tổ chức khi đã kết thúc chu kỳ sản xuất trong năm. Đối với người Churu ở xã Tà Năng, huyện Đức Trọng thì không phải gia đình nào cũng tổ chức lễ Mơ nhum ha ma hàng năm, mà phải được thầy cúng làm lễ hỏi thần linh cho phép gia đình nào thì gia đình đó mới được tổ chức. Người Churu tin rằng nếu không làm theo ý của thần linh thì dân làng sẽ bị phạt và gia đình sẽ gặp họa. Đây là một lễ hội lớn của người Churu nhằm mục đích tạ ơn thần linh, cầu an cho gia đình, dòng tộc và cả cộng đồng mong muốn mùa màng bội thu. Lễ hội Mơ nhum ha ma không cố định mà tuyệt đối phải được sự mách bảo của thần linh qua lời thầy cúng. Thường thì từ 10 đến 15 năm mới tổ chức một lần. Có gia đình đến 30 năm mới tổ chức. Lễ vật cũng không hoàn toàn giống nhau. Có gia đình thần đòi trâu đen nhưng cũng có gia đình thần đòi trâu trắng. Thời điểm diễn ra vào khoảng tháng 2 tháng 3 dương lịch trong năm, sau khi mùa màng đã thu hoạch xong. Ngày nay, trong nông nghiệp do áp dụng trồng giống lúa ngắn ngày nên thường thu hoạch vào cuối tháng 11 đầu tháng 12, vì thế lễ hội thường tổ chức vào tháng 12 dương lịch trong 3 ngày 3 đêm (ngày nay rút lại còn 2 ngày 2 đêm). Lễ hội Mơ nhum ha ma (lễ cúng ruộng) của người Churu ở xã Tà Năng, Đức Trọng trong dịp cuối năm thực sự là sinh hoạt văn hóa truyền thống mang tính cộng đồng cao do đồng bào Churu trong các buôn làng chủ động tổ chức mở hội và hành lễ. Họ thực sự là chủ thể tổ chức và hưởng thụ giá trị văn hóa do lễ hội mang lại. Các già làng, nghệ nhân văn hóa dân gian đóng vai trò chủ chốt có sự giao lưu với một số buôn và xã lân cận. Và được tổ chức vui tươi, dân dã, đoàn kết, tiết kiệm; không quá cầu kỳ và lạm dụng các hình thức sinh hoạt văn hóa mới lấn lướt văn hóa truyền thống, các hủ tục lạc hậu không phù hợp với nếp sống văn hóa mới đã được loại trừ. Nó thực sự là một nét đẹp văn hóa tinh thần của đồng bào dân tộc Churu ở Lâm Đồng.*

**Báo Lâm Đồng / 2014**

**ĐẶNG HƯỜNG. Các tôn giáo lớn ở Tây Nguyên / Đặng Hường, Đinh Văn Thiên // Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên.- H : Quân đội Nhân dân, 2014.- Tr.27-32.**

*Có một thời kỳ rất dài, các tôn giáo chưa có mặt ở mảnh đất này. Nơi đây là mảnh đất của tín ngưỡng thờ đa thần, với một hệ thống nghi lễ phức tạp, chặt chẽ, trói buộc con người vào các tập tục. Từ đầu thế kỷ XX đến nay, các tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Phật giáo Hòa hảo, Cao đài... mới thâm nhập vào Tây Nguyên. Song lượng người tin theo rất hạn chế. Đến nay, tín đồ các tôn giáo trên 1,8 triệu người, 3500 chức sắc, trong đó có một bộ phận đồng bào các dân tộc tại chỗ theo Công giáo, Tin lành. Phật giáo được truyền vào Tây Nguyên từ đầu thế kỷ XX, theo hai hướng: Từ Lâm Đồng qua Đắc Lắc; từ Bình Định lên Gia Lai, Kon Tum. Trên vùng đất Tây Nguyên chức sắc, phật tử luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, sát cánh cùng các dân tộc kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch, chức sắc cực đoan, hòng gây mất ổn định an ninh chính trị địa bàn, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Về đạo Công giáo được truyền vào Tây Nguyên cùng với quá trình đặt ách cai trị và khai thác tài nguyên của thực dân Pháp. Trung tâm truyền đạo đầu tiên đặt tại Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, về sau phát triển lên Đắc Lắc, Kon Tum xuống Gia Lai. Đến nay, Tây nguyên có 3 giáo phận (Kon Tum, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt). Đạo Tin lành được truyền vào Tây Nguyên từ đầu thập niên 30 của thế kỷ XX. Nơi truyền đạo đầu tiên là Đà Lạt, sau đó truyền lên các tỉnh cao nguyên. Đạo Tin lành phát triển nhanh dưới chế độ Mỹ - ngụy. Với giáo lý, giáo luật, lễ nghi giản đơn, phù hợp với mong muốn thoát khỏi sự ràng buộc của luật tục với dân tộc, đạo Tin lành tạo được sức lôi cuốn một bộ phận đồng bào đi theo, nhất là phụ nữ, thanh niên. Đạo Tin lành có ảnh hưởng lớn trong đời sống tinh thần các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên.*

**303.80095976**

**T310H**

**ĐẶNG HƯỜNG. Dân tộc Ba Na / Đặng Hường, Đinh Văn Thiên // Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên.- H : Quân đội Nhân dân, 2014.- Tr.39-53.**

*Người Ba Na là cư dân tại chỗ, thuộc nhóm ngôn ngữ Môn – Kơ Me có mặt từ lâu đời trên mảnh đất Tây Nguyên. Với dân số khoảng 145.224 người, cư trú chủ yếu ở hai tỉnh Kon Tum, Gia Lai. Là một trong những tộc người chính tạo ra văn hóa Tây Nguyên, người Ba Na sớm hình thành hệ thống phong tục, tập quán, tín ngưỡng phù*

hợp với môi trường nơi sinh sống. Phương thức sản xuất chính của người Ba Na là trồng trọt trên rẫy, có một số nhóm chuyển sang làm ruộng nước. Ngoài làm rẫy, đồng bào đã biết chăm nuôi trâu, bò, dê, lợn, gà, chó. Nghề thủ công khá phát triển, với các nghề: rèn, làm gốm, dệt vải, đan lát các vật dụng trong nhà. Người Ba Na ở nhà sàn. Đến nay, nhà sàn của người Ba Na có rất nhiều thay đổi, loại hình nhà sàn dài nhiều thế hệ cùng sống hầu như biến mất nhường chỗ cho loại hình nhà sàn nhỏ, một đến hai thế hệ cùng sống. Tuy nhà sàn đã có những biến đổi về cấu trúc lẫn bố trí bên trong, song ở một vài nơi vẫn tìm được ngôi nhà sàn còn giữ được những đặc trưng nhà sàn cổ truyền Ba Na. Đó là những ngôi nhà sàn có nóc hình mai rùa hoặc hai mái chính kết với hai mái phụ thành hình mai rùa, đầu nóc có trang trí hình sừng trâu, vách che nghiêng theo thế “thượng thác hạ thu”. Buôn của người Ba Na không phải là nơi cư trú của những người cùng huyết thống mà là một công xã láng giềng, gồm những người cùng dân tộc tự nguyện cư trú với nhau. Về trang phục của người Ba Na con trai đóng khố hình chữ “T”, được vắt múi cả trước và sau; mặc áo cộc tay, chui đầu, xẻ hở ngực, trang trí sọc ngang đỏ xen trắng ở gấu áo; trời lạnh khoác thêm tấm áo choàng. Nữ mặc váy ngắn hay dài tùy theo từng nhóm. Váy được làm bằng một tấm vải đen, có sọc ngang ở gấu váy, khi mặc quấn quanh người, giắt múi về phía trước. Chị em mặc áo chui đầu, ngắn tay, có hoa văn sọc ở khủy tay cổ và ngực. Phụ nữ Ba Na thích đeo vài chiếc vòng ở bụng và cài tẩu thuốc. Người Ba Na ăn uống giản đơn. Bữa ăn hàng ngày thường có cơm, canh, cá suối. Ngày lễ có thêm các món thịt nướng, tái, luộc. Tuy chế độ phụ quyền đã được xác lập nhưng tiếng nói của người phụ nữ cao tuổi luôn được coi trọng, người sinh ra sau phải nghe lời người sinh ra trước. Trước đây, đến tuổi trưởng thành, con trai, con gái làm lễ cà răng, căng tai, con gái ra ngủ ở gian giữa nhà, con trai ngủ ở nhà rông. Nam nữ được tự do tìm hiểu nhau, nhưng đi đến xây dựng gia đình phải qua các bước: Dạm hỏi, cưới, lại mặt. Nguyên tắc hôn nhân của người Ba Na như sau: Hôn nhân đang nghiêng sang chế độ phụ hệ. Chị em gái lo chồng cho con gái nhưng phải hỏi ý kiến anh em trai. Họ phê phán trai gái ăn ở với nhau trước hôn nhân, vợ chồng cưới chưa đầy năm đã có con. Hôn nhân một vợ, một chồng bền vững. Người trong họ không được lấy nhau. Những nguyên tắc hôn nhân trên cũng được áp dụng cho cả anh em, chị em, gia đình kết nghĩa, người được nhận đỡ đầu. Đồng bào người Ba Na theo tục chôn người chết, nuôi người chết và nuôi mộ. Thời gian chưa làm lễ bỏ mả người nhà hàng ngày ra mộ quét dọn, đốt lửa, khóc than tỏ lòng thương tiếc người đã khuất. Đồng bào Ba Na theo tín ngưỡng đa thần. Giống như các dân tộc ở Tây Nguyên, họ tin rằng mọi vật xung quanh đều do một vị thần cai quản, con người có trách nhiệm cúng tế thần, mong thần linh phù trợ. Người Ba Na có một kho tàng văn học dân gian phong phú, nhất là các loại hình sử thi.

**ĐẶNG HUỜNG. Dân tộc Brâu / Đặng Hường, Đinh Văn Thiên // Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên.- H : Quân đội Nhân dân, 2014.- Tr.53-61.**

*Người Brâu ở nước ta chỉ có 313 người. Đồng bào cư trú tại buôn Đắc Mé, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Cũng như các dân tộc khác ở Tây Nguyên người Brâu chủ yếu canh tác trên rẫy. Nhà của người Brâu có những đặc điểm rất dễ nhận, ít thấy ở nhà những dân tộc khác. Nhà của họ là kiểu nhà sàn, mái dốc, cạnh nhà chính có nhà phụ là nơi ở của những người già và cất giữ lương thực, đồ dùng. Buôn làng của người Brâu được dựng trên gò cao, cả tộc người ở chung một buôn, trên bãi đất bằng hình tròn, có một cổng ra vào, bên cạnh cổng dựng cây “soóc roóc” cúng thần, xua đuổi ma quỷ xâm nhập vào buôn. Trung tâm buôn là nhà rông – nơi hội họp, vui chơi của buôn. Trang phục của người Brâu, đàn ông đóng khố như người Ca Dong, không mặc áo. Phụ nữ mặc váy quấn ngang bụng buông xuống đến bắp chân, ngực để trần, căng tai. Gia đình người Brâu là gia đình nhỏ phụ hệ, mỗi gia đình có nếp nhà riêng, quyền lực trong nhà tập trung vào người cha, chồng. Tuy nhiên ý kiến của người mẹ, vợ vẫn được coi trọng. Con gái được đối xử như con trai, khi đi lấy chồng được chia của hồi môn. Trong phong tục ma chay, người chết được đưa ra khỏi nhà, cho vào quan tài độc mộc và quàn tại một căn nhà riêng do dân làng dựng lên. Mọi người đến chia buồn, gõ công, chiêng mấy ngày sau mới mai táng. Những ché, gùi, dao, rìu... được bỏ lại trong nhà mồ được coi là số của cải gia đình dành cho người đã mất. Người Brâu theo tín ngưỡng đa thần, với quan niệm mọi vật và hiện tượng diễn ra xung quanh cuộc sống con người đều do các vị thần sai khiến. Các nhạc cụ cổ truyền của dân tộc Brâu có công và chiêng gồm nhiều loại khác nhau. Đặc biệt có bộ chiêng tha (chỉ gồm hai chiếc) nhưng có thể trị giá từ 30 đến 50 con trâu. Chiêng tha, gồm chiêng vợ và chiêng chồng, là một biểu tượng tinh thần, quyền uy tối linh trong đời sống cộng đồng thông qua sinh hoạt lễ hội. Đó là "vật chủ" thông linh giữa thế giới phàm tục của con người và thế giới các thần trên cao, nên nó được ký thác chức năng phán truyền. Do đó bộ chiêng được đặt ở vị trí trang trọng không chỉ lúc diễn xướng mà cả khi cất giữ. Các thiếu nữ Brâu thường chơi không dứt là nhạc cụ gồm 5-7 ống lồ ô dài ngắn không đều nhau đem ghép với nhau, tạo âm thanh bằng đôi bàn tay vỗ vào nhau ngoài miệng ống. Khi ru con hoặc trong đám cưới, người Brâu có những điệu dân ca thích hợp.*

**303.80095976**

**ĐẶNG HUỜNG. Dân tộc Cơ Ho / Đặng Hùng, Đinh Văn Thiên // Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên.- H : Quân đội Nhân dân, 2014.- Tr.61-75.**

*Người Cơ Ho là cư dân có mặt từ lâu đời ở Nam Tây Nguyên. Dân số trên 246 nghìn người. Địa bàn cư trú chủ yếu ở tỉnh Lâm Đồng, với trên 124 nghìn người. Người Cơ Ho chia ra thành mấy nhóm, phân biệt bởi địa bàn cư trú và sinh hoạt cũng như ngôn ngữ. Đó là các nhóm Cơ Ho Srê, Cơ Ho Nộp, Cơ Ho Cơ Dòn, Cơ Ho Chin, Cơ Ho Lạt. Kinh tế của người Cơ Ho là chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, ngoài ra còn có săn bắt và hái lượm lâm thổ sản và một số nghề thủ công như rèn, đan lát, dệt. Buôn là tổ chức xã hội cao nhất, có một phạm vi cư trú nhất định, khoảng vài km<sup>2</sup>, giữa các buôn có ranh giới tự nhiên được xác định bằng khe suối, sườn đồi do các chủ buôn quy định với nhau. Đứng đầu buôn là già làng (Kuang bon). Về quyền lợi kinh tế, già làng cũng giống như mọi thành viên khác của làng nhưng về mặt tinh thần, người này lại có uy tín gần như tuyệt đối so với các thành viên khác trong làng. Già làng là hiện thân của truyền thống và là một yếu tố tinh thần đưa đến sự thống nhất của cộng đồng (bon) trong xã hội truyền thống của người Cơ Ho. Trong xã hội truyền thống thì chủ làng, cùng với chủ rừng (Tombri), thầy cúng và các gia trưởng hợp thành tầng lớp trên của người Cơ Ho. Sự khác biệt giữa các tầng lớp trong xã hội truyền thống chủ yếu dựa vào sự khác biệt chút ít về những tư liệu sinh hoạt như chiêng, ché, nôi đồng, chứ không phải là các tư liệu sản xuất chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp. Trong xã hội truyền thống của người Cơ Ho đã tồn tại hai hình thức gia đình theo chế độ mẫu hệ: gia đình lớn và gia đình nhỏ. Người phụ nữ đóng vai trò chủ động trong hôn nhân, sau hôn lễ, người đàn ông về nhà vợ ở, con cái tính dòng họ theo mẹ, con gái là người thừa kế. Tập tục cổ truyền của người Cơ Ho tuyệt đối cấm kỵ việc kết hôn giữa những người có cùng một dòng họ, nhất là ở cùng một địa phương. Con chú, con bác, con dì, không được lấy nhau. Trái lại, con cô, con cậu từ hai phía có thể có quan hệ hôn nhân với nhau theo luật tục. Sau khi vợ chết, người chồng có thể kết hôn với người em gái của vợ. Và ngược lại, nếu chồng chết, người vợ góa có thể kết hôn với người em trai của chồng nếu đôi bên ưng thuận. Hôn nhân của người Cơ Ho dựa trên cơ sở sự ưng thuận giữa hai bên trai gái, cha mẹ không quyết định. Người Cơ Ho coi cái chết là việc hệ trọng, phải tổ chức các lễ hiến sinh cho người chết và người nhà phải thực hành một số kiêng kỵ. Người Cơ Ho tin rằng mọi mặt của đời sống đều do các thế lực siêu nhiên quyết định. Việc tốt là do thần linh ban cho, việc xấu là do các thế lực ác xui khiến. Thế giới siêu tự nhiên trong nhận thức của đồng bào được chia làm hai loại: Thần linh (yang) là thế lực phù hộ cho con người vị và các loại ma quỷ (chà) lại gây tai họa. Với quan niệm “vạn*

vật hữu linh” nên trong cuộc sống của người Cơ Ho phải kiêng kỵ nhiều thứ liên quan đến nơi ở, làm nhà, cưới xin, ma chay, ốm đau... Là cư dân nông nghiệp, nên các nghi lễ liên quan đến cuộc sống con người đều gắn với sản xuất nương, ruộng, rẫy. Mỗi nhóm với hình thức canh tác khác nhau có các loại lễ khác nhau, nhưng đúc kết lại có các lễ chính sau: Lễ chọn đất làm rẫy, ruộng; gieo hạt giống; cúng thần lúa; cúng khi lúa trở bông; trồng cây nêu tại ruộng, rẫy; cúng thần gió; cúng hồn lúa. Ngoài lễ nghi nông nghiệp, đồng bào còn tiến hành nhiều nghi lễ liên quan đến vòng đời con người như: sinh đẻ, làm nhà, cưới xin, ma chay...

**303.80095976**

**T310H**

**ĐẶNG HƯỜNG. Dân tộc Kinh (Việt) / Đặng Hường, Đinh Văn Thiên // Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên.- H : Quân đội Nhân dân, 2014.- Tr.33-39.**

Người Kinh có dân số đông nhất trong các dân tộc ở Tây Nguyên, với trên 3 triệu người chiếm 62,2% dân số toàn vùng. Người Kinh vốn là cư dân nông nghiệp lúa nước, với kiêng kỵ đủ thứ, luôn cầu mong cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, con người lo đủ. Gặp hạn hán, sâu bọ, chuột phá hoại, họ cũng làm lễ cầu mưa, cúng thần giải trừ tai ách, cấm cờ xí, hình nhân ở ruộng để xua đuổi. Lập nghiệp trên mảnh đất Tây Nguyên, người Kinh bắt đầu học trồng cây công nghiệp, buôn bán, sản xuất thủ công nghiệp và họ đã thành công với sự chuyển hướng này. Thôn xóm của người Kinh có kiến trúc đa dạng nhưng không khép kín. Cổng thôn không bao giờ đóng trước các biến thiên của thời cuộc. Nơi đây diễn ra các mối quan hệ trong làng ngoài xã, với các sinh hoạt cộng đồng từ dòng họ, đình làng, việc nước, tạo mối liên kết bền vững trước các biến động của lịch sử. Ngày nay, không chỉ ở Tây Nguyên, thôn người Kinh đang tiếp nhận quá trình đô thị hóa. Quan hệ mọi nhà trong thôn không còn như trước. Cổng thôn luôn rộng mở để tiếp nhận yếu tố văn hóa mới. Nơi hội họp dân trong thôn không ở đình làng mà ở nhà văn hóa, nhà truyền thống, hội trường. Người Kinh sống theo triết lý Phật giáo, Khổng giáo, Nho giáo, luôn sống với tư duy mở, tấm lòng khoan dung, độ lượng, nhưng vẫn tin mọi vật xung quanh đều có “hồn”, có khả năng chi phối vào cuộc sống con người. Tín ngưỡng thờ thần có công với nước, xã, làng là một tín ngưỡng mang tính cộng đồng cần được gìn giữ, bảo tồn. Đại đa số người Kinh theo tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, cúng các nghi lễ theo vòng đời, ma chay theo sách “Thọ mai gia lễ”. Hôn nhân của người Kinh theo chế độ một vợ một chồng, phụ hệ rất nghiêm ngặt, mọi việc trong nhà, trong dòng họ đều do người đàn ông, con trai trưởng quyết định. Trai gái được tự do yêu nhau, nhưng đi đến hôn nhân phải trải qua các bước: lễ

dạm ngô, lễ ăn hỏi, lễ xin dâu, lễ cưới. Các lễ nghi liên quan đến người chết của người Kinh cũng giống như các dân tộc khác. Họ theo tục địa táng, chôn người chết trong nghĩa địa dòng họ. Lễ chính gồm lễ đưa ma, lễ ba ngày, 49 ngày, 100 ngày, giỗ một năm, giỗ mãn tang, giỗ thường niên. Là cư dân nông nghiệp nên người Kinh có nhiều lễ hội trong năm, tập trung chủ yếu vào mùa xuân và ít nhiều mang tính phồn thực. Sống dưới bầu trời Tây Nguyên nhiều nắng, gió, người Kinh Tây Nguyên hình thành tính cách sống phóng khoáng, vui vẻ, gặp mặt vui mừng, chia tay hẹn ngày gặp lại, cùng nhau nhâm nhi ly cà phê Buôn Mê đặc sánh hương vị đất trời Tây Nguyên.

**303.80095976**

**T310H**

**ĐẶNG HƯỜNG. Lễ ăn trâu (Lễ đâm trâu) / Đặng Hường, Đinh Văn Thiên // Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên.- H : Quân đội Nhân dân, 2014.- Tr.211-218.**

“Ăn trâu” là cách gọi một lễ hiến sinh mà con vật là con trâu của các dân tộc ở Tây Nguyên. Nhiều người đơn giản gọi đây là “lễ đâm trâu” thì không chính xác, vì đồng bào rất quý con trâu, con vật liên quan đến cúng thần. Đồng bào quan niệm thần linh cũng như con người luôn thích ăn thịt và uống rượu, con người có nghĩa vụ cung cấp thịt cho thần, trong đó “đâm trâu” chỉ là một công đoạn trong giết trâu lấy thịt. Lễ ăn trâu là một tục phổ biến trong hệ thống nghi lễ cổ truyền của các dân tộc ở Tây Nguyên và ven dãy Trường Sơn. Đây cũng là một sinh hoạt văn hóa dân gian mang tính tổng hợp cao. Tham gia vào lễ ăn trâu có công, chiêng, các loại nhạc cụ, các làn dân ca, điệu múa, nghệ thuật tạo hình. Lễ ăn trâu được đồng bào tổ chức trong các dịp lập buôn, dựng nhà rông, chúc sức khỏe cho người già, mừng chiến thắng, cầu xin thần linh thoát khỏi mọi tai họa, lễ nghi vòng đời con và một số lễ nghi nông nghiệp. Lễ ăn trâu của các dân tộc ở Tây Nguyên tập trung chủ yếu vào hai hoạt động sau: Mừng thắng lợi, mừng chiến thắng chung của cộng đồng và hoạt động tín ngưỡng ở gia đình. Trong mừng thắng lợi, mừng chiến thắng của đồng: Lễ ăn trâu được tổ chức tại một bãi đất bằng trước nhà rông, kéo dài từ 2 đến 3 ngày nhân các dịp lập buôn, dựng nhà rông, mừng thắng lợi vụ mùa hay trong các cuộc xung đột với các buôn khác. Sau khi làm các nghi lễ, con trâu được xẻ thịt, đem thui, dành một phần để cúng thần, một phần đãi khách tại nhà rông, số còn lại chia đều cho các nhà. Lễ cúng thần có thịt nướng, thịt thăn, gan da, tiết được đặt cạnh ché rượu dưới chân cây nêu. Bên cạnh lễ mừng thắng lợi, mừng chiến thắng của cộng đồng còn có lễ ăn trâu ở gia đình. Mục đích của lễ là sự trả ơn thần linh của gia đình. Cách tổ chức lễ giống với lễ ăn trâu của cả buôn. Mọi thủ tục đều đầy đủ. Mặc dù, là lễ ăn trâu của gia đình, nhưng sự góp

*công, của người trong buôn rất lớn, diễn ra trong tất cả các công đoạn của lễ. Mọi người quan niệm, lễ ăn trâu của cả buôn hay của gia đình đều có một mục đích chung là tạ ơn thần linh, cầu mong sức khỏe, mùa màng tươi tốt, vạn sự bình yên, nên sự góp công, góp sức, góp của là trách nhiệm của tất cả mọi người cùng chung sống trong một buôn. Tinh cộng đồng trong lễ ăn trâu bao giờ cũng được mọi người đề cao, nhằm tạo ra sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, vươn lên một cuộc sống tốt đẹp trong tình làng nghĩa xóm.*

**303.80095976**

**T310H**

**ĐẶNG HƯỜNG. Lễ hội công, chiêng / Đặng Hường, Đinh Văn Thiên // Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên.- H : Quân đội Nhân dân, 2014.- Tr.201-206.**

*Công, chiêng là loại nhạc cụ gắn bó với con người Tây Nguyên từ khi chào đời cho đến khi nhắm mắt về “thế giới ma”. Bất kỳ dân tộc nào, tiếng công, chiêng luôn phản ánh tâm tư, nguyện vọng, là nỗi niềm thương, lời mời gọi mọi người xa gần về với Tây Nguyên, về vui lễ hội. Công, chiêng đi theo con người đến với các lễ nghi đặt tên, cắt việc, bắt chồng cưới vợ, làm nhà, chúc sức khỏe cho người già, lễ hội ăn trâu, ăn mừng chiến thắng, tang ma, bỏ mả, các lễ nghi nông nghiệp. Công chiêng là phương tiện giao tiếp với thần linh, giao lưu cộng đồng, anh em, bạn bè, là văn hóa đa màu sắc chung của người Tây Nguyên. Mỗi dân tộc có cách diễn tấu công, chiêng mang sắc thái riêng như tiếng công, chiêng của người Ba Na trầm hùng như cơn gió thổi ào qua cánh rừng già. Tiếng công, chiêng của người Gia Rai lại náo nức như lời mời gọi con trai, con gái nắm tay nhau bước vào vòng xoang cho sát vai, hồng kê hông. Tiếng công, chiêng của người Xơ Đăng thì lại hùng dũng như bước chân người dũng sĩ bước vào cuộc đua tranh. Công, chiêng được sử dụng theo bộ, hợp thành một dàn, thường có trống da giữ nhịp, các loại nhạc cụ khác hòa theo. Mỗi dân tộc có kết cấu bộ công, chiêng riêng. Người Gié – Triêng có bộ 12 chiếc gồm 3 công, 9 chiêng; bộ chiêng 7 chiếc, 6 chiếc, 4 chiếc. Người Mạ có bộ 6 chiêng, khi dùng thường sử dụng 3 chiêng, 2 chiêng hòa với trống. Người Gia Rai có bộ công 3, 6 chiếc; bộ chiêng 7,9 chiếc. khi hòa tấu dùng 3 công 7 chiêng, lễ lớn dùng 9 công 15 chiêng. Mỗi chiếc công, chiêng trong bộ công, chiêng đều có tên gọi riêng. Vào dịp lễ hội, âm nhạc của các dân tộc thuộc loại đa thanh, đa nhạc cụ, có giai điệu rõ nét, thang bậc ổn định; trong đa thanh ấy, tiếng công, chiêng luôn là âm thanh nổi trội. Tiếng của dàn công, chiêng là lời ca trữ tình rực lửa của con người Tây Nguyên sinh sống trên cao nguyên bazan đầy nắng, gió, là hơi thở của núi rừng cuối dãy Trường Sơn hùng vĩ. Hiện nay, văn hóa công, chiêng các*



*dân tộc Tây Nguyên được Đảng và Nhà nước ta khuyến khích bảo tồn, phát huy, truyền lại cho con cháu muôn đời. Văn hóa công, chiêm được xếp vào di sản văn hóa phi vật thể không chỉ khu vực Tây Nguyên mà còn là di sản chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, được UNESCO và bạn bè trên thế giới ghi nhận, đánh giá cao.*

**303.80095976**

**T310H**

**ĐẶNG HƯỜNG. Lễ hội đua voi / Đặng Hường, Đinh Văn Thiên // Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên.- H : Quân đội Nhân dân, 2014.- Tr.206-211.**

*Với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, voi là vật quý hiếm, là hiện thân của sự giàu có, địa vị xã hội của chủ gia đình trong mỗi dân tộc, trong khu vực cư trú. Từ một giống vật hoang dã, con người bắt và thuần dưỡng, voi trở thành con vật thân thiện trong gia đình, giúp con người đi lại và sản xuất, là vật dùng để trao đổi đắt giá nhất trong xã hội cổ truyền của các dân tộc. Lễ hội đua voi được diễn ra vào tháng ba hàng năm vào tiết xuân mát dịu, khi con người và thiên nhiên đang trong những tháng ngày nghỉ ngơi, đón cơn mưa đầu mùa kéo về, hứa hẹn một mùa nương rẫy bội thu. Đến ngày hội, từng đàn voi được quản tượng dẫn đường kéo về bản Đôn tập trung ở các bãi hoặc cánh rừng thưa ven sông Sêrêpôc. Bà con các dân tộc trong vùng, với quần áo nhiều màu sắc và khách thập phương cùng về dự hội. Bãi đua voi là một bãi bằng hoặc cánh rừng thưa, ít cây to, đủ chỗ cho đàn voi 10 con dàn thành một hàng ngang, có độ dài khoảng 2km. Ngày hội đua voi là ngày hội lớn của các dân tộc Tây Nguyên, là hoạt động văn hóa đặc sắc chỉ có ở nơi đây, phản ánh tinh thần thượng võ, đức tính dũng cảm, trí thông minh của người Mnông – một dân tộc giàu kinh nghiệm giải quyết các tình huống trong săn bắt, thuần dưỡng voi. Trong khung cảnh hùng vĩ của núi rừng Tây Nguyên, y phục kiểu chiến binh xưa của các chàng mơ gát đã làm tăng bội phần chất hùng tráng của lễ hội đua voi, lôi cuốn khách mọi nơi về dự lễ hội cổ truyền của người Mnông trên đất Đắc Lắc. Tại lễ hội, ngoài đàn voi diễu hành, còn có các trò chơi voi đá bóng, voi ném gỗ đã gây ngạc nhiên và thích thú cho hàng vạn khách xa gần. Ngày nay, ngày hội đua voi được tổ chức hàng năm ở tỉnh Đắc Lắc, trở thành ngày hội văn hóa không chỉ đối với các dân tộc ở Tây Nguyên mà còn là ngày sinh hoạt văn hóa vùng miền cho mọi người trên cả nước.*

**303.80095976**

**T310H**

**ĐẶNG HƯỜNG. Một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên / Đặng Hường, Đinh Văn Thiên // Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên.- H : Quân đội Nhân dân, 2014.- Tr.33-200.**

*Giới thiệu 12 dân tộc có những đặc trưng văn hóa, tín ngưỡng có ảnh hưởng đến đời sống tinh thần các dân tộc cư trú trên mảnh đất này như dân tộc Kinh, Ba Na, Brâu, Cơ Ho...*

**303.80095976**

**T310H**

**ĐẶNG HƯỜNG. Văn hóa tinh thần / Đặng Hường, Đinh Văn Thiên // Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên.- H : Quân đội Nhân dân, 2014.- Tr.19-27.**

*Trong đời sống tinh thần của đồng bào Tây Nguyên, tín ngưỡng thờ thần linh đóng vai trò quan trọng. Đồng bào còn lưu giữ tục thờ đa thần của thời kỳ bộ lạc ở cả gia đình và cộng đồng. Tín ngưỡng đa thần phản ánh quan niệm của đồng bào về thế giới hai tầng: Tầng mặt đất và tầng trời. Chỉ có dân tộc Ba Na, Ê Đê có quan niệm thế giới ba tầng. Đối với thế giới tầng trời, mỗi dân tộc có một hệ thống thần riêng, có thần thiện, thần ác, có hình tượng, tên gọi riêng, có khả năng tác động đến con người và cộng đồng. Đối với thế giới mặt đất, cũng có những quan niệm về thần linh riêng, gồm các thần núi, nước, lúa, thần trông coi nghĩa địa, cai quản hồn ma, thần buôn làng, nhà ở, thần rừng... Hệ thống thần linh của các dân tộc khá phức tạp, với quan niệm những hiện tượng tự nhiên, siêu nhiên bao quanh con người, tác động đến đời sống con người và cộng đồng mà đồng bào không giải thích được đều gán cho một vị thần. Thờ cúng thần linh to hay nhỏ, ở gia đình hay cộng đồng đều do Hội đồng già làng, chủ nhà quyết định và được thể hiện ở con vật hiến tế. Bên cạnh đó, các dân tộc Tây Nguyên có những quan niệm và thực hành trong tang lễ. Về cơ bản, tang lễ của các dân tộc ở Tây Nguyên cũng gần giống với đa số các dân tộc ở nước ta về các bước tiến hành, chỉ khác ở quan niệm về thế giới người chết. Quan niệm về thế giới người sống và thế giới người chết của đồng bào là hai thế giới biệt lập, khép kín nhưng lại có mối liên hệ với nhau. Người chết, linh hồn lìa khỏi xác, chỉ quanh quẩn bên xác, chưa đi sống ở “thế giới ma”. Linh hồn người chết là bất tử, cả khi chưa an táng và sau khi an táng vẫn có nhu cầu ăn uống và sử dụng bình thường khi còn sống. Người sống có nhiệm vụ cung cấp nhu cầu đó cho người chết. Họ không thờ cúng tổ tiên, người chết trong nhà mà kéo dài mối liên hệ với người chết ở ngoài mộ. Một số nét đặc trưng trong tang lễ của các*

dân tộc Tây Nguyên là: Nuôi người chết trước khi an táng: Người chết sau khi được tắm nước lá thơm, mặc quần (váy), áo mới, đặt nằm trên giường phẳng. Đến bữa cơm, con cháu thay nhau bón cơm và thức ăn cho người chết. Tục bón cơm duy trì cho đến khi đưa người chết ra mộ. Với quan niệm người chết nhưng linh hồn còn sống, vẫn có nhu cầu ăn uống, sinh hoạt nên hàng ngày người nhà mang cơm ra mộ, sửa sang và trồng cây, đốt lửa bên mộ. Hình thức này được gọi là nuôi mộ. Như vậy, trong quan niệm của người đồng bào, từ khi an táng người chết đến khi làm lễ bỏ mả, linh hồn người chết vẫn “sống” ở khu nghĩa địa bên cạnh thế giới người sống. Sau khi làm lễ bỏ mả, hồn người chết mới chuyển về “thế giới ma” – thế giới dành riêng cho người chết. Từ tháng 10 trở đi, khi nương rẫy thu hoạch xong, mùa khô ở Tây Nguyên đã về, cái ăn đã có, khắp các buôn làng bước vào mùa ninh nang – lễ bỏ mả. Người Tây Nguyên tin rằng, sau lễ bỏ mả, mối quan hệ giữa người sống với người chết chấm dứt. Người chết đi về “thế giới ma” ở phía tây của buôn. Khu nghĩa địa của buôn bao giờ cũng ở phía tây, tuyệt đối không đặt ở phía đông và phải ở gần nơi có nước để tiện khi tiến hành các nghi lễ. Hồn người chết về buôn ma, chịu sự quản lý của hai bà già là Yang Dung và Yang Dei (Gia Rai) theo chế độ mẫu hệ. Tang ma các dân tộc ở Tây Nguyên kéo dài, lễ bỏ mả được xem là lễ quan trọng mà bất kỳ người con nào cũng phải làm cho bằng được. Cha nghèo túng chưa thể làm, con phải làm thay cha. Đây là một nghi lễ kết hợp cả nhận thức về thế giới quan, nhân sinh quan với nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, các bài văn cúng và vũ điệu công chiêng, các điệu múa dân tộc, mang đậm tính cộng đồng, tạo nên bản sắc văn hóa độc đáo của dân tộc Tây Nguyên.

**303.80095976**

**T310H**

**ĐẶNG HƯƠNG. Văn hóa vật chất / Đặng Hương, Đinh Văn Thiên // Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên.- H : Quân đội Nhân dân, 2014.- Tr.16-19.**

Hàng trăm năm nay, Tây Nguyên luôn là miền “đất hứa” của cư dân các vùng điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, thiếu đói quanh năm đến lập nghiệp. “Đất lành chim đậu”, các dân tộc ăn ở cùng nhau, sướng khổ, no đói có nhau, đoàn kết một lòng, chung vai góp sức chinh phục thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm bảo vệ buôn làng, phát triển kinh tế, văn hóa xã hội. Tây Nguyên trở thành một vùng văn hóa mở, luôn diễn ra quá trình tiếp biến văn hóa cộng đồng – cốt lõi văn hóa của mỗi dân tộc có mặt trên mảnh đất này. Nói đến văn hóa Tây Nguyên trước tiên ta phải nhắc đến văn hóa vật chất. Cư dân cư trú lâu đời ở Tây Nguyên luôn coi trọng cuộc sống cộng đồng theo từng dân tộc, nhóm tộc người, ít cư trú xen cư giữa các dân tộc. Nơi cư trú của đồng

bào được gọi là Plei (Plây - buôn) ở phía bắc ; bol (bon - buôn) ở phía nam. Đặc trưng nơi quần cư của đồng bào Bắc Tây Nguyên là nhà rông, ở Nam Tây Nguyên là nhà dài. Nhà rông là nơi sinh hoạt cộng đồng, là linh hồn của các dân tộc, nơi diễn ra các lễ nghi theo tập tục dân tộc, nơi trai gái đến tuổi dựng vợ gả chồng tìm hiểu nhau, là nỗi nhớ niềm mong của người con đi xa hướng về nơi sinh thành. Nhà dài là nơi sinh hoạt của những người cùng huyết thống theo chế độ mẫu hệ, ngày nay, nhà dài còn rất ít, có nơi không tồn tại. Đa số các dân tộc tại chỗ ở nhà sàn, theo chế độ mẫu hệ, người phụ nữ gần như quyết định mọi công việc trong gia đình. Mỗi buôn có một Hội đồng già làng, được dân tự nguyện bầu lên để thay mặt họ chăm lo mọi việc trong buôn và quan hệ với người khác buôn. Văn hóa Công - chiêng, văn hóa truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên không chỉ được xác định là một lễ hội các dân tộc mà đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của thế giới. Một Tây Nguyên vươn lên, với sức sống mới trong quá trình đổi mới của cả nước, ánh điện ban đêm đã đẩy lùi bóng tối, đáp ứng khát vọng đổi đời của các dân tộc nơi đây. Văn hóa Tây Nguyên đang tạo thành một sức hút mạnh mẽ đối với khách thập phương và du khách quốc tế.

**303.80095976**

**T310H**

**Hội Đua Voi Buôn Đôn / <http://vhttdldaklak.gov.vn/>.- 2011.- Ngày 20 tháng**

**2.**

Buôn Đôn là một làng trên cao nguyên Đăk Lăk, nằm ở xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, cách Buôn Ma Thuột khoảng 40 km về hướng Bắc. Buôn Đôn mang sắc thái của nhiều dân tộc cộng cư như Lào, Khome, Êđê, M' Nông, Gia Rai..... rồi dân tộc Kinh và cả một số dân tộc phía Bắc cũng đến lập nghiệp nơi đây. Xưa kia nói tới Buôn Đôn là nói tới cả một khu vực rộng lớn, vươn dài theo dòng sông Sêrêpôk quanh năm nước chảy hiền hòa, con gái, con trai, người già, trẻ nhỏ say sưa với những vũ điệu dân gian trong lễ hội cùng nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng nổi tiếng. Ngày hội đua voi thường diễn ra vào tháng 3, tháng của những con ong rừng đi lấy mật và cũng là thời điểm bắt đầu phát rẫy trồng nương. Đây là mùa khô ráo, nắng đẹp, đường sá đi lại dễ dàng. Đồng bào Buôn Đôn mở hội đua voi cùng với các lễ hội khác như đâm trâu, công chiêng... là để chuẩn bị và cầu mong cho một mùa vụ mới tốt tươi. Cuộc đua chỉ diễn ra một buổi sáng, buổi chiều là những hoạt động vui chơi với voi là nhân vật trung tâm như: voi bơi vượt sông Sêrêpôk, voi đá bóng, voi quăng kéo vật nặng và vui nhất là Voi kéo co với người tham dự lễ hội.

*Đến ngày hội, đồng bào các buôn xa, buôn gần nườm nượp đổ về buôn Đôn. Dân làng tại chỗ cũng náo nức tham gia ngày hội đua Voi. Họ kéo về nơi đua voi với chiêng, với trống đánh dồn dập liên hồi, như thúc giục các chú Voi làm cuộc đua thêm hào hứng và sôi nổi. Các chàng trai, cô gái mặc áo thổ cẩm thêu hoa văn của dân tộc bản địa mở màn với điệu múa Soan theo nhịp trống và Chiêng dồn dập, ngân vang khắp đại ngàn như thúc giục những người ở xa nhanh chân đến với lễ hội.*

*Cuộc đua diễn ra trên một khu đất rộng rãi, bằng phẳng. Mỗi đợt đua có từ 3 đến 5 voi tùy thuộc vào số lượng voi tham gia. Những voi chạy về nhất mỗi đợt giành quyền vào đua vòng sau. Cứ như thế cho đến khi chọn được voi về nhất, nhì và ba của cuộc đua. Điều khiển mỗi voi có 1 Gru (Nài Voi) ngồi trên cổ, hai chân quặp vào cổ voi và dùng chân điều khiển, 1 người phụ giúp ở phía sau đuôi.*

**<http://vhттdldaklak.gov.vn/TinTuc/tabid/59/id/110/Default.aspx>**

**Lễ cúng sức khỏe cho Voi / <http://vhттdldaklak.gov.vn/>.- 2011.- Ngày 17 tháng 3.**

*Hưởng ứng chương trình lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 3 năm 2011. Tại khu du lịch Thanh Hà, huyện Buôn Đôn đã tổ chức lễ cúng sức khỏe cho voi. Trong lễ cúng sức khỏe cho voi, thầy cúng được mời phải là thầy cúng giỏi, có uy tín và am hiểu tập tục của đồng bào. Thầy cúng cùng với các Nài voi trong buôn đến nhà chủ voi chuẩn bị lễ vật, cùng ăn và uống rượu với gia đình. Lễ cúng được coi là sang trọng và tươm tất khi gia chủ làm trâu ăn mừng, bình thường là heo, nếu không cũng phải là gà... tùy thuộc vào gia cảnh của chủ voi. Các lễ vật bắt buộc đi kèm là rượu cần ít nhất 3 ché, 1 chén gạo có gắn đèn sáp ong, 1 chén cơm, 1 bầu nước, một vài đĩa lòng lợn... Lễ cúng sức khỏe cho voi mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp, thể hiện lòng yêu thương quý trọng của con người đối với vật nuôi có giá trị và qua đó nhắc nhở mọi người hãy chăm sóc và bảo vệ đàn voi. Lễ cúng sức khỏe cho Voi mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc tại chỗ cần được gìn giữ, bảo tồn và phát huy.*

**<http://vhттdldaklak.gov.vn/TinTuc/tabid/59/id/173/Default.aspx>**

**Lễ rước Kpan / <http://vhттdldaklak.gov.vn/>.- 2011.- Ngày 20 tháng 2.**

Kpan là một chiếc ghế bằng gỗ nguyên khối dài khoảng 15m, rộng chừng 70 cm với độ dày khoảng 10cm. Đối với người Ê Đê, Kpan và chiêng ché tượng trưng cho sự giàu có của gia đình. Để làm Kpan phải chọn loại cây gỗ tốt, thân cao, to, thẳng và đòi hỏi sự giúp đỡ của cả buôn trong thời gian nhiều ngày. Người chủ phải lo đủ cơm, thịt và rượu phục vụ cho bà con trong những ngày làm Kpan. Vì thế, làm được Kpan là sự kiện lớn của mỗi gia đình của người Ê Đê cùng với một lễ hội khá đặc sắc.

Vì người Ê Đê theo chế độ mẫu hệ nên việc tìm và chặt cây phải được bàn định trước với gia đình bên vợ, sau đó, đẽo một mảnh nhỏ vỏ cây mang về cúng Yàng xin được ngã cây. Ngày đi chặt cây phải là ngày đẹp trời, không mưa gió, ở trong buôn không có đám cưới, đám ma, tiếng mang kêu, vợ nủ hay tiếng con chim lạ. Chủ nhà dẫn đầu đoàn người chặt cây gồm 7 người mang theo rìu và dùi sắt, tiếp đó là thầy cúng và anh em trai bên vợ giúp việc quản lý, cuối cùng là dân làng và người nhà mang lương thực phục vụ.

Người xưa vẫn xem chiếc Kpan có hồn, thiêng lắm. Bởi làm ra nó là cả một quá trình cầu kỳ, nhiều quy định và chế tài, lắm công phu và có không ít điều cấm kỵ. Chủ nhà bỏ nhất rìu đầu tiên rồi đến mọi người. Khi hạ cây không được đỡ ngang dòng suối mà phải cho cây đổ dọc mới được. Khi cây được dọn sạch cành lá, chủ nhà và thầy cúng đi lên thân cây 7 lần để đuổi tà ma. Tiếp đó, những người thợ dùng rìu đẽo cây thành chiếc Kpan hai đầu hơi cong lên như con thuyền lướt sóng với những đường nét khoẻ khoắn. Sau khi thầy cúng cầm rìu bỏ nhẹ vào Kpan theo tục lệ, mấy chục trai tráng trong buôn cùng khênh Kpan về buôn trong khi những thanh niên nam nữ khác vừa đi vừa múa hát, gõ chiêng đi theo. Đến đầu buôn, đám rước đặt Kpan xuống cho thầy cúng phủ vải đỏ lên rồi mới đưa về, đặt ở phía cửa sau nhà. Sáng hôm sau, chiếc Kpan tiếp tục được chạm khắc với những đường nét hoa văn tinh tế mang tính biểu tượng truyền thống. Buổi trưa, khi chiếc Kpan chính thức hoàn thành, mọi người trong buôn tập trung lại đưa ra cửa trước, đặt ghéch một đầu lên sàn nhà. Người chủ ăn mặc đẹp, cầm láy khiên, kiếm đã được bày sẵn trên chiếu, đi lại trên Kpan 7 lần để trừ tà. Chủ nhà đặt tên Kpan như một sự thông báo chính thức rằng, mình là chủ của Kpan. Thầy cúng bước ra và làm lễ khấn báo thần linh rằng, Kpan đã có chủ. Kpan được các thanh niên trong buôn khênh vào gian khách, đặt dọc vách phía Tây nhà. Lúc này, lễ cúng Yàng mới chính thức bắt đầu. Lễ cúng gồm 1 con trâu, 7 ché rượu được buộc vào 7 chiếc cột. Ché to nhất buộc ở cột ngoài cùng, thân cột bôi huyết trâu thành 7 khúc. Thầy cúng ngồi ở đầu Kpan, cầm chiếc que dài nhúng vào bát đồng đựng tiết lợn pha rượu và bôi dọc theo Kpan để yểm giữ tài sản cho chủ nhà. Khi việc cúng Yàng kết thúc cũng là lúc bà con ăn mừng chủ Kpan. Sau 2 ngày, chủ nhà mở một ché rượu ngon mời người thân tới uống mừng sự hoàn thành tốt đẹp ghé Kpan.

**LINH NGA NIÊ K DAM. Âm nhạc dân gian trong đời sống văn hóa truyền thống Tây Nguyên / Linh Nga Niê Kdam // Văn hóa Tây Nguyên giàu đẹp.- H: Văn hóa Dân tộc, 2012.- Tr.206-212.**

*Âm nhạc dân gian Tây Nguyên gắn liền với sinh hoạt của cộng đồng. Có lẽ bởi đặc trưng của một vùng miền biết lập mà 6 tháng mùa mưa đối lập hẳn với 6 tháng mùa khô nên âm nhạc trở thành một trong những thứ không thể thiếu, bù đắp cho đời sống tinh thần vốn chỉ bó hẹp trong khuôn khổ buôn, bon, plei, kon... Âm nhạc dân gian có mặt ở hầu hết mọi hoạt động của con người, trong các lễ nghi và trong sinh hoạt hàng ngày. Không có một dân tộc dân tộc thiểu số nào cư trú trên dãy Trường Sơn – Tây Nguyên mà không có bộ Ching chêng. Đây là nhạc cụ tiêu biểu nhất dùng trong nghi lễ của đồng bào Tây Nguyên. Cùng với chiếc trống cái, đây chính là phương tiện để thông báo, mời gọi các vị thần linh về chứng kiến một việc cần cầu xin hay một sự báo đáp. Ching, trống cũng bao hàm cả sự thông tin cho cộng đồng về một sự việc sẽ diễn ra ở một gia đình, một buôn, bon, plei... nào đó. Mỗi chiếc ching, tùy theo tộc người và vùng miền, đều có tên gọi riêng. Một nhạc cụ khác không thể thiếu trong lễ nghi là những chiếc trống cái h'gor – sgor, panâng, tấp m'niê... như người nhạc trưởng điều khiển sự ngừng nghỉ và nhịp điệu nhanh chậm của cả dàn ching chêng. Bên cạnh đó một nhạc cụ khác dùng trong lễ nghi là những chiếc tù và bằng sừng trâu. Nó mang tính kêu gọi, tập hợp, hiệu lệnh chiến đấu hay báo tin nghi lễ quan trọng, tiếng kip ah (Ê Ê), nung (của người Mnông), tdiệp, tnuốt (của người Bahnar)... vang xa, âm lượng lớn, mạnh mẽ. Âm thanh nghe sáng khoái, hào hùng. Bên cạnh các hoạt động lễ nghi, âm nhạc còn có mặt trong sinh hoạt hàng ngày của các dân tộc ở Tây Nguyên. Các nhạc cụ ngoài nương rẫy có thể kể đến như đàn t'rưng nước (ting glinh), khing kung... nhờ vào sức nước chảy của suối bên cạnh rẫy. Một số nhạc cụ gõ như: ching còk cing đình, glong glói bằng gỗ, bằng nứa; nhạc cụ dùng hơi thổi bằng cọng lúa như đình puốt mdiê; loại dùng tay vỗ như klông pút, t'pol.... Ngoài ra còn có các nhạc cụ dùng giao duyên, tỏ tình như các loại đàn dây kéo kni, dây gảy như ting ning, goong, bró.... Một số nhạc cụ dùng tay gảy như: goong đê, goong reeng, tôn alao... Khó có thể kể hết tên các loại đàn đã được các nghệ nhân Tây Nguyên chế tác, tự tạo ra niềm vui tinh thần cho cuộc sống của chính mình và cộng đồng. Nhưng có một điều dễ nhận thấy rằng chính âm nhạc đã làm cho cuộc sống giữa đại ngàn xanh của người Tây Nguyên thêm phong phú và không hề đơn điệu.*

**LINH NGA NIÊ KDAM. Dân ca Tây Nguyên / Linh Nga Niê Kdam // Văn hóa Tây Nguyên giàu đẹp.- H: Văn hóa Dân tộc, 2012.- Tr.262-283.**

Trong kho tàng âm nhạc dân gian các tộc người Tây Nguyên, dân ca chiếm một vị trí đáng kể. Dân ca như hơi thở của con người, như miếng cơm nướng thơm trong ống nira trên bếp lửa hồng, bầu nước suối trong mát ngọt lành. Dân ca không chỉ quen thuộc, mà còn gắn bó hàng ngày với cuộc sống của bà con các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Nội dung của các bài dân ca của dân tộc Tây nguyên có thể đề cập tới mọi vấn đề liên quan đến đời sống của con người, với rất nhiều làn điệu khác nhau. Có thể chia dân ca các dân tộc Tây nguyên ra làm hai thể loại chính : Loại hát nói (recitativ) và loại hát có nhịp điệu (tempo). Thể loại hát nói phổ biến nhất chính là phương tiện thể hiện trường ca – sử thi. Hát nói thường không có nhạc cụ đệm, như một thứ tự sự, nghĩ gì nói đấy, với khách đến thăm, với cha mẹ già héo, với người thân đi về thế giới bên kia, dặn dò con cháu những điều hay lẽ phải, phán xử theo luật tục, bày tỏ niềm vui mừng, nỗi buồn bã với bất cứ sự việc gì diễn ra trong làng buôn, kon, plei, bon... hay trong gia đình. Ngược lại, những bài dân ca có nhịp điệu thường được đệm bằng các loại ting ning, t’rung, đình năm . . . rộn ràng. Nội dung của các bài dân ca rất đa dạng, bất cứ một điều gì trong cuộc sống cũng có mặt trong lời hát. Chỉ cần có một cuộc tụ tập, một chút rượu cho la đà, hoặc đơn giản là có mặt cả hai phía nam và nữ, là có thể khởi hứng cho ca hát. Dân ca xuất hiện trong mọi hoạt động của con người. Từ trong lao động sản xuất. Đại đa số các dân tộc ở Tây nguyên (trừ một số dân cư trú tại những vùng trũng dọc theo các triền sông ĐăkKrông, Sông Ba, sông Ayun Pa, Sông Krông ana . . . có canh tác lúa nước một vụ) sản xuất theo phương thức luân canh nương rẫy, chọc lỗ tra hạt và theo tín ngưỡng “vạn vật hữu linh”, thì việc cúng kiến các Yàng để cầu cho mùa màng tươi tốt là điều không thể thiếu. Những bài cầu cúng trong các lễ nghi theo nông lịch, cũng có xuất xứ giai điệu từ dân ca và là nguồn gốc của thể loại hát- kể trường ca. Đến dân ca trong cuộc sống đời thường. Nhiều dân tộc Tây nguyên có hệ thống luật tục bằng văn bản, do những người thông thái trong buôn, plêi nắm giữ. Khi có việc xảy ra ở trong cộng đồng cần có sự phán xử, họ là người đứng ra thay mặt chủ làng “cầm cân nảy mực”. Đây là sự tập hợp những câu răn dạy về phương thức đối nhân xử thế giữa cá nhân với cộng đồng, với thiên nhiên. Có thể điểm sơ qua một vài nét cơ bản của dân ca các dân tộc như: Dân ca Bâhnar. Đây là loại hình dân ca mang nhiều yếu tố trữ tình, mềm mại, tính cách nông nản da diết. Giai điệu bình ổn, ít có đột biến, tốc độ vừa phải. Thường là những khúc nhạc ngắn, mang nhịp điệu đơn giản, có chu kỳ. Dân ca Ê Đê thì lại được trình bày ở điệu trường, với thang âm ngũ cung quen thuộc. Những quãng nửa cung chỉ thỉnh thoảng mới xuất hiện, tạo nên sự biến đổi giai điệu một cách nhẹ nhàng nhưng rất ấn tượng, kết hợp cả hai yếu tố trữ tình và mạnh mẽ, dàn trải. Dân ca Mnông có nhiều điểm gần gũi với dân ca Ê Đê, có lẽ do sự giao



thoa trong địa bàn cư trú. Tuy nhiên dân ca Mnông thường được biết đến với điệu thứ. Giai điệu chỉ đơn giản, không có những đột biến. Tộc người Jrai lại có những làn điệu dân ca phong phú nhất, mang tính phổ biến nhất. Giai điệu dân ca Jrai mềm mại, uyển chuyển, nồng nhiệt, tha thiết, dễ đi sâu vào lòng người.

VN.26473

**LINH NGA NIÊ K DAM. Lễ hội ở Tây Nguyên / Linh Nga Niê Kdam // Văn hóa Tây Nguyên giàu đẹp.- H: Văn hóa Dân tộc, 2012.- Tr.133-192.**

Các tộc người thiểu số bản địa Tây Nguyên có lối sống có kết cộng đồng rất bền vững. Do vậy, trong toàn bộ các lễ thức – lễ hội diễn ra dày đặc trong năm đều là để cầu xin và đáp ứng hệ thống vô số các vị thần linh, mọi lễ hội liên quan đến việc phục vụ cho lợi ích toàn thể cộng đồng, luôn luôn được đề cao, thường chủ yếu tập trung vào những lễ thức theo nông lịch. Đây là lúc đời sống văn hóa tinh thần của người Tây Nguyên biểu hiện tập trung nhất, sâu thẳm nhất và cũng rực rỡ nhất. Lễ hội đầu tiên được kể đến đó là lễ cầu mưa. Lễ này thường được diễn ra vào dịp tháng 3, tháng 4 hàng năm, khi thiên nhiên bắt đầu chuyển mùa, sau khi một nửa số gia đình trong buôn, bon, kon, plei đã làm xong việc dọn cỏ, đốt rẫy. Chủ làng sẽ cùng với các thầy cúng và một số già làng chuẩn bị cho buổi lễ. Lễ có thể diễn ra gần bến nước ngoài buôn, cũng có thể tổ chức tại sân nhà rông, hoặc ngay tại sân nhà hay trong nhà của chủ bến nước. Lễ vật hiến sinh chỉ là một con heo từ 3-5 gang (60kg), gà, rau và rượu cần, không hạn chế số lượng, do toàn thể cộng đồng đóng góp. Lễ này ít yếu tố cấu thành hội, tuy nhiên cũng có đánh chiêng, có sự giao lưu giữa toàn thể thành viên trong cộng đồng tụ tập tại nơi diễn ra lễ thức, để chứng kiến. Lễ thường diễn ra chỉ trong một ngày. Lễ hội thứ hai là lễ mừng lúa mới. Đối với các tộc người theo nhóm ngữ hệ Môn – Khmer (Nam Á), lễ ăn cơm mới thường được chủ làng, chủ giọt nước đứng ra tổ chức chung cho cả cộng đồng và thường được tổ chức vào dịp cắt những gùi lúa đầu tiên. Lễ diễn ra ở sân nhà rông, hoặc ở nhà chủ giọt nước (chủ làng), vào dịp tháng 11 hoặc đầu tháng 12 dương lịch, có thể kéo dài trong 2-3 ngày, tùy theo mức độ mùa màng dự kiến sẽ thu được. Đây là một trong những lễ hội cộng đồng lớn của mọi tộc người trong năm. Trong lễ hội này, người ta thường mời cả các buôn cận kề, họ hàng, hoặc con cái đã đi lấy vợ, lấy chồng ở các làng khác tới cùng chung vui, giao lưu. Lễ hội thứ ba là lễ cúng bến nước (uống nước giọt, cúng máng nước). Đây là lễ tạ ơn rất quan trọng của cả cộng đồng đối với các vị thần linh coi sóc bến nước, giọt nước hay máng nước. Lễ có thể diễn từ 1-2 ngày, vào những ngày cuối năm khoảng tháng 12 dương lịch, nhưng cũng có thể được tổ chức vào đầu năm mới, khoảng tháng 2, tháng 3 sau khi đã thu hoạch hoàn tất mùa vụ. Hình thức cúng diễn ra ở mỗi tộc người có thể khác một số tiểu tiết,

*nhưng chủ yếu vẫn là tổ chức ngay cạnh giọt nước, bên nước, gốc đa hoặc gốc cây blang giữa đường từ giọt nước về, để cảm tạ thần bên nước và tiếp tục cầu xin một năm mới có đủ nước dùng cho người, cây cối. Con vật hiến sinh trong lễ này thường là heo, không ăn trâu bò. Bên cạnh ba lễ thức quan trọng nhất, tùy từng hoàn cảnh và thời gian còn có lễ mừng dựng xong nhà rông mới, lễ mừng chiến thắng, lễ mở cửa rừng, nghi lễ vòng đời, lễ cúng hồn lúa của người Xơ Đăng, lễ hội Ka doong của người Jê Triêng ở Kon Tum, lễ hội Tăm nghê của người Mnông ở Đăk Nông, lễ bỏ mả của người Ê Đê, lễ Chraih – cúng tạ ơn và xá xui của người Mnông Gar ở Đăk Lăk...*

**VN.26473**

**LINH NGÀ NIÊ K DAM. Luật tục các tộc người ở Tây Nguyên / Linh Nga Niê Kdam // Văn hóa Tây Nguyên giàu đẹp.- H: Văn hóa Dân tộc, 2012.- Tr.51-63.**

*Người Tây Nguyên sống giữa núi rừng, gắn bó chặt chẽ sự tồn tại của mình với núi, rừng, sông suối. Để bảo tồn điều kiện sống của mình, con người rất cần có thái độ ứng xử đúng mực với thiên nhiên. Khác với người dân miền núi phía Bắc (như người Tày, người Mông) đã có nghề làm giấy nên có văn tự từ lâu đời, các dân tộc thiểu số Tây Nguyên mới chỉ có chữ viết từ thế kỷ XX, nhưng các bộ luật bắt thành văn, mà gọi chung là luật tục, tồn tại theo dạng văn vần truyền miệng có từ hàng trăm năm nay, đã chi phối toàn bộ đời sống tinh thần của mọi cộng đồng và do những người có hiểu biết sâu rộng của buôn làng nắm giữ, để điều hành mọi hoạt động của cộng đồng. Luật tục chính là biểu hiện cao nhất của di sản văn hóa tộc người Tây Nguyên. Trong đó, ngoài những quy định về mối quan hệ giữa con người với con người, con người với xã hội, với những tập quán canh tác còn có cả những thái độ ứng xử đối với môi trường công cộng như với việc bảo vệ rừng. Luật tục của người Ê Đê quy định đối với những kẻ làm cháy rừng bị bắt được: “Chân sẽ bị trói lại ngay/ Tay sẽ bị xiềng lại ngay/ Buộc phải bồi thường nặng” hay đối với sản vật rừng, luật tục cũng có những quy định cụ thể như: “Bắt con éch chừa con mẹ/ Chặt cây tre phải chừa cây con/ Đốt tổ ong phải chừa ong chúa...”. Trong việc bảo vệ môi trường xung quanh, luật tục cũng có những quy định riêng như người mà gây ra hỏa hoạn thì: “Nếu đàn ông sẽ bị xử chém/ Nếu đàn bà sẽ bị bán đổi lấy trâu bò, của cải”, luật tục Mnông có quy định rõ ràng “Nuôi heo phải làm chuồng. Nuôi voi phải có cọc/ Nuôi trâu bò không được thả rông”. Bên cạnh đó với lễ hội qua luật tục chúng ta có thể thấy từ xa xưa người Tây Nguyên đã tự học cách chung sống hòa hợp với rừng; với vấn đề hôn nhân và gia đình. Tuy không hề được ghi lại bằng bất cứ văn bản hay văn tự nào, nhưng luật tục truyền miệng của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên đều có những chương, điều quy định về thái độ ứng xử của mỗi thành viên cộng đồng đối với hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, luật tục các dân tộc thiểu số*

Tây Nguyên còn có những quy định cụ thể về việc vợ chồng không có con cái, nhận con nuôi thì cả dòng họ phải coi đó như con đẻ. Luật tục cũng có những quy định xử phạt những kẻ đánh vợ, những phụ nữ lén lút phá thai... Cho dù không có một tòa án chính thức nào của “chính quyền buôn làng”, cũng không có sự huấn thị giáo lý thường xuyên của các vị chức sắc hoặc các già làng và các bộ luật cũng không nghề có văn tự nhưng luật tục Tây Nguyên, sử dụng toàn bộ những lời nói vần, vẫn đang được lưu truyền trong trí nhớ thông tuệ của các già làng, được toàn thể cộng đồng tuân theo một cách tự nguyện. Đó cũng chính là điểm rất đặc biệt trong đời sống “công xã nguyên thủy” của Tây Nguyên. Luật tục Tây Nguyên ra đời trong một xã hội chưa phân chia giai cấp, do trình độ dân trí, do mẫu hệ, có những điểm ngày nay không còn phù hợp. Nhưng một số những quy định về hôn nhân, gia đình trong luật tục thực sự có giá trị ràng buộc, đảm bảo sự bền vững của một gia đình, của cả cộng đồng, mà không phải hương ước của vùng nào cũng có.

VN.26473

**LINH NGA NIÊ K DAM. Nghệ thuật diễn xướng dân gian ở Tây Nguyên / Linh Nga Niê Kdam // Văn hóa Tây Nguyên giàu đẹp.- H: Văn hóa Dân tộc, 2012.- Tr.193-205.**

Thể loại diễn xướng hát – kể dân gian là một hình thức khá phổ biến của một số dân tộc vùng Tây Nguyên với những tên gọi khác nhau ở từng dân tộc: người Ê-đê gọi là Khan, Người JRai gọi là Hori, người Ba-na gọi là Hơ Amon v.v... Thường các hình thức sinh hoạt và biểu đạt của nghệ thuật diễn xướng, đều mang tính cộng đồng rất cao. Nghệ thuật diễn xướng dân gian ở Tây Nguyên xuất hiện trong ba môi trường chính là: Trong lao động sản xuất: Các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên có những điệu hát, loại nhạc cụ chỉ sử dụng trên nương rẫy và thường được chế tác bằng nguyên vật liệu vô cùng đơn giản, có ngay trên rẫy như kèn bình buột plé làm bằng cọng bí, đình buột mdiê làm bằng thân rạ... Cứ như thế, âm nhạc đồng hành cùng mọi hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người Tây Nguyên. Ở trong các sinh hoạt đời thường. Khí hậu Tây Nguyên chia làm hai mùa rõ rệt, thiên nhiên chi phối mọi hoạt động của con người. Chính vì vậy trong những ngày mưa dầm hay những tháng nắng hạn những hoạt động sinh hoạt văn hóa dân gian của đời sống buôn làng đặc biệt là nghệ thuật diễn xướng đã xua đi cái nhàm chán đơn điệu hàng ngày. Sinh hoạt đời thường chính là một trong những môi trường rộng lớn để nghệ thuật diễn xướng dân gian tồn tại và phát huy. Trong các lễ thức theo tín ngưỡng và các lễ hội của cộng đồng. Thì đây chính nơi phát huy cao nhất truyền thống văn hóa của mỗi tộc người và là môi trường tốt nhất cho nghệ thuật diễn xướng sinh sôi, phát triển.

**LINH NGA NIÊ KDAM. Nhà sàn Tây Nguyên / Linh Nga Niê Kdam // Văn hóa Tây Nguyên giàu đẹp.- H: Văn hóa Dân tộc, 2012.- Tr.117-132.**

*Văn hóa Tây nguyên mang bản sắc độc đáo. Núi rừng hùng vĩ được phản ánh qua nhiều thể loại nghệ thuật, trong đó có kiến trúc. Hơn 100 năm qua, những kiến trúc nổi tiếng ở Tây nguyên là khát vọng đưa sự hùng vĩ của núi rừng vào tác phẩm. Những nhà dài, nhà rông của các dân tộc Tây nguyên cũng phảng phất ngọn núi, thiên nhiên kỳ ảo, trở thành những tác phẩm văn hóa - nghệ thuật đặc sắc. Vùng Tây nguyên có trên 20 dân tộc thiểu số sinh sống, trong đó chủ yếu là đồng bào K'Ho (Lâm Đồng), Ê đê (Đắk Lắk), Ja Rai, M'Nông, Ba Na, Giẻ Triêng... (Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông). Mỗi tộc người lại chia thành nhiều chi, nhánh khác nhau. Họ ảnh hưởng, chi phối đến nhiều mặt đời sống của các dân tộc anh em, trong đó có dân tộc Kinh. Kiến trúc Tây Nguyên vô cùng độc đáo với những mái nhà sàn dài, nhà rông đầy bí ẩn. Nhà rông của các dân tộc Bahnar và Xơ Đăng, được coi là biểu tượng đặc trưng của Tây Nguyên. Hình ảnh thường thấy là những mái nhà hình lưỡi rìu, hoặc mái tròn cao hàng vài chục mét, chỉ lợp hoàn toàn với tre nứa và lạt buộc. Cầu thang của nhà dài, nhà rông là nửa thân gỗ được đẽo bằng tay và thường được trang trí hình ngực phụ nữ và trăng lưỡi liềm, thể hiện tín ngưỡng phồn thực và khẳng định chế độ mẫu hệ của đồng bào dân tộc thiểu số. Có thể phân biệt sự khác nhau của nhà rông Jrai, Bahnar và Xơ Đăng, bằng cách xem xét độ cong của vòm mái, nhất là những hình trang trí ghép bằng nứa hoặc bằng gỗ trên đỉnh nóc nhà rông. Nhà dài của người Ê Đê thì lại là hệ thống xã dọc gồm toàn những cây gỗ to một vòng tay ôm, dài hàng chục mét được dùng rìu gọt nhẵn đến bóng láng, kê gác lên nhau, không có đỉnh mà vẫn đứng hàng chục năm giữa cao nguyên lộng gió. Trong nhà dài của người Ê Đê có một hiện vật không thể thiếu, đó là chiếc ghế dài để các nghệ nhân ngồi khi đánh chiêng, tiếng Ê Đê gọi là Kpan. Kpan được làm từ một thân cây cổ thụ lớn, có thể dài đến hơn 10m, rộng từ 0,60-0,80m. Một đầu thân ghế cong lên như hình dáng mũi thuyền, chân ghế liền vào thân, không hề có đục, gá. Người Lào vùng buôn Đôn (Đắk Lắk) còn lợp nhà bằng hàng trăm mảnh gỗ nhóm 1 xếp lớp lên nhau, mỗi mảnh to bằng một viên gạch. Những tấm "ngói gỗ" này tồn tại hàng trăm năm, trong sự khắc nghiệt của mưa nắng cao nguyên. Nhà rông, nhà dài là một trong những di sản văn hóa rất tiêu biểu, gắn với lịch sử cư trú lâu đời của các dân tộc Tây Nguyên, với kỹ thuật đơn giản, kiến trúc khá đa dạng tạo nên vẻ đẹp đặc sắc trước hết ở kiểu dáng, nó không chỉ hấp dẫn bởi kiểu dáng đẹp cùng các hình thức trang trí đặc sắc mà còn đặc biệt ở tập quán sử dụng; nó hàm chứa những giá trị tinh thần và ý nghĩa tâm linh đặc biệt, vừa thiêng*

liêng cao quý, vừa đậm đà sâu lắng trong mỗi thành viên cũng như toàn thể cộng đồng.

VN.26473

**LINH NGA NIÊ KDAM. Nhạc cụ dân gian Tây Nguyên / Linh Nga Niê Kdam // Văn hóa Tây Nguyên giàu đẹp.- H: Văn hóa Dân tộc, 2012.- Tr.288-334.**

*Âm nhạc Tây Nguyên còn mang rõ những đặc tính của xã hội nguyên thủy. Bất kỳ một ai trong cộng đồng cũng có thể trở thành tác giả, diễn viên, là khán giả giữa những cuộc biểu diễn. Bởi âm nhạc dân gian Tây Nguyên gắn bó chặt chẽ với mọi sinh hoạt vui buồn của cả cộng đồng, nó cuốn hút được sự tham gia, thưởng thức và sáng tạo của đông đảo quần chúng. Đây chính là một nền âm nhạc mang tính cộng đồng và dân chủ cao. Có thể tạm phân loại một số nhạc cụ tiêu biểu trong hệ thống những nhạc cụ dân gian của các dân tộc ở Tây Nguyên như sau: Thứ nhất là nhóm gõ. Đây là nhóm chiếm ưu thế trong các loại nhạc cụ dân gian Tây Nguyên với nhiều chất liệu chế tác khác nhau, từ công phu như các dàn chiêng đồng, đến đơn giản bằng tre, nứa, gỗ. Một số nhạc cụ gõ phổ biến là: Nhạc cụ gõ bằng đồng và đá; bằng gỗ; mặt da. Nhóm thứ hai là nhóm hơi. Đó là các loại nhạc cụ dùng hơi thổi như: Tù và bằng sừng trâu; kèn; đình tút; kèn r lét; các loại sáo dọc; các loại sáo ngang; đàn môi... Các loại nhạc cụ dùng hơi vỗ như đàn klông pút của người Xơ Đăng. Nhóm thứ 3 là nhóm các nhạc cụ dây và dây gảy. Nhóm này có nhiều loại như: Đàn kni; đàn bro; đàn goong reeng; ting ning...*

VN.26473

**LINH NGA NIÊ KDAM. Phác họa chân dung ching chêng Tây Nguyên/ Linh Nga Niê Kdam // Văn hóa Tây Nguyên giàu đẹp.- H: Văn hóa Dân tộc, 2012.- Tr.213-231.**

*Chưa ở đâu trên đất nước ta có một tập hợp đông đảo về số lượng một dàn và nhiều đến như thế về ching chêng như ở Tây Nguyên. Không chỉ đơn thuần là việc các nghệ nhân tài hoa tập hợp nhau lại để “chơi” những bản nhạc truyền thống, mà song hành với âm điệu của các dàn ching chêng là cả một nền văn hóa đa dạng, phong phú, mang một vẻ đẹp huyền ảo cả về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, của những phong tục tập quán, nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật diễn xướng, trò chơi dân gian... Chiêng, hay còn gọi là ching chêng không chỉ là phương tiện giao lưu với thần linh (Yang), mà còn gắn bó với con người Tây Nguyên từ thuở lọt lòng, làm lễ thổi tai đặt tên, đến tuổi thành*

niên, cưới hỏi, sản xuất, giao đãi với bộ tộc, với bạn bè... cho đến tận khi tiễn đưa linh hồn về với bến nước làng trời. Nói một cách khác, ching chêng chính là tiếng nói tâm linh, tâm hồn của mỗi dân tộc. Văn hóa ching chêng là một trong những nét đặc trưng nhất của văn minh nương rẫy, của cộng đồng các cư dân thiểu số ở miền núi. Ching chêng là loại âm nhạc đặc trưng nhất gắn liền với nhiều sinh hoạt văn hóa cộng đồng của người Tây Nguyên. Bởi môi trường diễn xướng của ching chêng thường đi đôi với hệ thống các lễ hội. Ở đó, mọi loại hình nghệ thuật dân gian đều có thể được phô diễn xung quanh nghệ thuật ching chêng. Không gian văn hóa ching chêng cùng với nghệ thuật dân gian và văn chương truyền miệng độc đáo, phương thức sản xuất, tín ngưỡng, các nghề thủ công truyền thống... đã tạo nên nét riêng biệt của một nền văn minh nương rẫy, khác biệt hẳn với nền văn minh sông nước của người Việt ở đồng bằng. Tập đoàn các dàn ching chêng Tây Nguyên thường gồm những chiếc có nùm (tạm gọi là chiêng nùm) và không có nùm (tạm gọi là chiêng bằng). Giá trị của ching chêng, được tính theo xuất xứ của chúng, đắt nhất là ching Lao, vì bà con tin là có pha bạc hoặc tỷ lệ đồng cao hơn, độ tin cậy vào nghề đúc của người Lào cũng cao hơn. Tiếp đến là bộ ching Kuôr (chiêng của người Campuchia). Ít giá trị nhất là ching Joăn (chiêng của người Kinh). Có thể chia ching chêng Tây Nguyên làm ba nhóm theo hình thức diễn tấu: Nhóm thứ 1: Là nhóm diễn tấu riêng biệt ching có nùm và không có nùm, có ở các tộc người Mnông, K'Ho, Mạ... Nhóm này có cấu tạo âm thanh và cách đánh tương đối giống nhau, chỉ khác về hàng âm và bài bản. Thường diễn tấu động vòng quanh bếp lửa hoặc cột nêu. Tiêu biểu trong nhóm này là bộ chưng bo của người Mnông. Nhóm thứ 2: Là nhóm hòa tấu cùng lúc của các ching nùm và không có nùm, có ở các tộc người Bâhna, Xơ Đăng, Jrai... luôn diễn tấu động vòng quanh cột nêu. Tiêu biểu trong nhóm này là bộ ching của người Xơ Đăng. Nhóm thứ 3: Là nhóm tấu tĩnh, là dàn ching char của người Ê Đê. Khi trình tấu, toàn bộ dàn chiêng gồm một chiêng có nùm lớn (mđú) và một chiêng không có nùm lớn (char) chịu trách nhiệm phân đệm. 6 chiêng knah không có nùm đối đáp nhau giữ phân giai điệu, nghệ nhân gõ vào mặt lõm bằng dùi cứng. Trống cái h'gor đặt đầu ghé kpan có vai trò giữ nhịp và báo chuyển bài bản hoặc ngừng nghỉ của cả dàn. Ching chêng Tây Nguyên có kích thước nhỏ nhất là bộ ching prác của người Mnông, có 3 cặp, đường kính chiêng là 15cm; lớn nhất là ching arap của người Jrai, hoặc ching char của người Ê Đê, có đường kính 1,2m. Tiếng ching chêng gắn bó với đời sống tâm linh của người Tây Nguyên. Đặc biệt nó song hành với mọi nghi lễ liên quan tới sản xuất nông nghiệp. Số lượng và xuất xứ của các dàn ching chêng đã từng là những giá trị đo sự giàu có của một gia đình Tây Nguyên.

**LINH NGA NIÊ KDAM. Thổ cẩm nhìn từ góc độ bảo tồn di sản văn hóa / Linh Nga Niê Kdam // Văn hóa Tây Nguyên giàu đẹp.- H: Văn hóa Dân tộc, 2012.- Tr.64-116.**

*Trang phục thổ cẩm, là nét đẹp của văn hoá vật thể ở mỗi vùng, mỗi dân tộc. Trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, thổ cẩm không chỉ có mặt trong đời sống hàng ngày, trong sản xuất, làm vật mua bán trao đổi của phương thức sản xuất tự cung, tự cấp, mà bao giờ cũng có mặt trong các lễ cưới hỏi, lễ hội. Nó không chỉ làm đẹp, mà còn chứng tỏ bàn tay tài hoa, chăm chỉ của những người phụ nữ. Trong khi thổ cẩm phía Bắc rực rỡ sắc màu, tạo nên sự ấm áp trong cái lạnh khắc nghiệt của vùng núi cao. Thì thổ cẩm Tây Nguyên lại lấy màu nền đen, chàm, trắng làm chủ đạo, mảng hoa văn nhàn nhạt hơn, để phù hợp với ánh nắng gay gắt của cao nguyên miền Tây Trường Sơn. Tuy không rực rỡ sắc màu như hoa văn thổ cẩm của các dân tộc thiểu số phía Bắc, nhưng thổ cẩm Tây Nguyên cũng độc đáo không kém, với những đường nét hoa văn đan cài vô cùng đa dạng. Ở nhiều vùng sâu, vùng xa như tại các huyện miền núi của nhiều vùng ở Kon Tum... phụ nữ Tây Nguyên vẫn mặc chiếc váy làm từ bông tự trồng, tự se và dệt. Lấy nền đen, bằng tất cả những nguyên vật liệu của rừng đại ngàn Trường Sơn, phụ nữ Tây Nguyên đã tạo ra cho mình những bộ trang phục mang vẻ đẹp rất riêng của núi rừng. Hình tượng cuộc sống và môi trường xung quanh được dệt hết lên những tấm váy áo. Đơn sơ như trang phục nữ Jrai lại khoe tài trên mảnh hoa văn nơi cặp mông đánh đũa uyển chuyển trong mỗi bước đi hay dáng múa. Những cô gái Bahnar thả cho hai tay áo hững hờ đĩnh trên vai để khoe bắp tay tròn lẳn. Hay bộ váy ngắn ngang bắp chân, áo cộc tay khỏe khoắn của những thiếu nữ Mnông, Bih chẳng khác gì thời trang hiện đại. Phụ nữ Ê Đê dường như kín đáo hơn trong áo cổ thuyền dài tay, khiến mỗi bước đi rất cần khép nép. Tấm váy chỉ đủ cao che nang bầu ngực của các thiếu nữ Cơ Tu thật quyến rũ. Đặc biệt là chiếc áo nam của tù trưởng Ê Đê với hai màu đỏ đen và những chiếc nút vàng thật rực rỡ và oai vệ... Chỉ những bộ váy áo đó thôi cũng đủ là những mẫu thời trang lạ và không kém phần độc đáo, tôn vẻ khỏe đẹp và duyên dáng của người dân Tây Nguyên.*

**VN.26473**

**LINH NGA NIÊ KDAM. Trò chơi dân gian ở Tây Nguyên / Linh Nga Niê Kdam // Văn hóa Tây Nguyên giàu đẹp.- H: Văn hóa Dân tộc, 2012.- Tr.241-244.**

*Trong những lễ hội ở Tây Nguyên, ngoài nghệ thuật diễn xướng còn có các trò chơi dân gian. Đây là những cuộc đua tài cao thấp nhằm tìm ra những thanh niên dũng cảm, khỏe mạnh nhất để khi cần thiết, không chỉ tham gia mà còn lãnh đạo chống lại các cuộc chiến tranh bộ lạc, để tranh giành đất đai và ảnh hưởng cá nhân. Các trò chơi*

*có thể kể tới như: Thi phóng lao; bắn nỏ; đánh quay và đẩy cây... Mục tiêu thi bắn nỏ và phóng lao lúc đầu là những thân cây chuối và đầu con gà. Đỉnh cao là mũi dao cắm cách chỗ đứng 30-40m. Người bắn tên, phóng lao trúng đích nhiều lần được cả buôn làng cổ vũ nồng nhiệt, các bạn trai trẻ kéo theo công kênh rất hào hứng. Trò đẩy cây cũng được nhiều thanh niên ưa thích. Một thân gỗ lớn, mỗi đầu 3-5 thanh niên xúm đẩy hoặc hai người nắm hai đầu của một thanh tre, hay gỗ ra sức đẩy người bên kia ra khỏi vòng tròn quy định. Bên nào đẩy lùi được bên kia là thắng cuộc, được trao phần thưởng của các già làng. Trò múa khil đao, đánh kiếm cũng rất hấp dẫn. Các chàng trai đầu quấn khăn đỏ có cắm nhiều lông chim trĩ hay lông công dài, mình khoác chéo tám chắn thổ cẩm đỏ rực rỡ. Tay trái cầm khil, tay phải cầm kiếm hoặc lao. Các chàng đứng nghiêm chào khán giả rồi múa bài xung trận, tay cầm kiếm hoặc lao múa vù vù, vừa đưa khil ra đỡ vừa chém trái, phải, trước, sau, tiến lui nhịp nhàng. Các cô gái đem nước tạt vào các chàng trai đang múa kiếm. Ai dùng khil che chắn không bị nước tạt ướt người là thắng trong cuộc đua tài, được công nhận là “Dam” - người con trai khoẻ mạnh dũng cảm. Có tặng phẩm của già làng hoặc chủ buôn, chiếm được cảm tình của các cô gái. Ở những vùng cạnh sông hồ như Sông Srê Pôk, Krông Ana...còn có trò đua thuyền độc mộc. Thuyền được làm bằng nguyên một thân cây gỗ, khoét, rồi đốt, tạo nên độ cong cần thiết của lòng thuyền. Hai hoặc ba chàng trai trên cùng một chiếc thuyền, cùng nhanh tay chèo đến đích quy định. Có thể đua nhiều thuyền trong cùng một buôn, cũng có khi đua giữa nhiều buôn. Cuộc đua diễn ra trong tiếng reo hò cổ vũ của hàng ngàn người xem, đặc biệt là sự khích lệ của các cô gái là niềm cổ vũ lớn lao cho các chàng trai. Bên cạnh đó một trong những trò hấp dẫn nhất ở Tây Nguyên là đua voi. Có nhiều hình thức cho voi đua tài như: Voi thi kéo gỗ; Voi thi chạy; Voi thi kéo co. Ngoài những trò chơi trên, trong những ngày lễ hội, bà con còn có trò đua đi cà kheo và múa rối. Ngày nay các trò chơi dân gian đang dần được khôi phục lại trong những ngày hội văn hoá thể thao dân tộc, cùng với các hình thức thi bắn nỏ, một vài vùng còn có đua ngựa...Đây cũng là một trong những biện pháp góp phần bảo tồn văn hóa dân tộc.*

**VN.26473**

**LINH NGA NIÊ KDAM. Trường ca, sử thi Tây Nguyên / Linh Nga Niê Kdam // Văn hóa Tây Nguyên giàu đẹp.- H: Văn hóa Dân tộc, 2012.- Tr.64-106.**

*Tây Nguyên là một vùng đất ẩn chứa nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể quý báu, trong đó nổi bật hơn cả là sử thi, mà trước đây chúng ta thường gọi là Trường ca, anh hùng ca, một thể loại tự sự dân gian truyền miệng, cho tới nay vẫn được lưu giữ trong trí nhớ của người dân và thường được diễn xướng trong các dịp sinh hoạt cộng*



*đồng. Là sản phẩm đích thực của nền văn minh nương rẫy, trường ca thường là những câu chuyện kể dài, có vần, có điệu thậm chí có vùng còn được diễn tả hoặc minh họa bằng động tác, bằng hành động. Độ dài ngắn của trường ca cũng khác nhau. Trường ca Tây Nguyên ở khía cạnh nào đó, được coi như là những biên niên sử về quá trình hình thành và phát triển kinh tế, xã hội và cuộc sống cộng đồng của cư dân các tộc người trên dãy núi Trường Sơn. Vì vậy nó mang trong mình tính sử thi. Nhưng nếu gọi toàn bộ trường ca là sử thi thì có lẽ chưa hoàn toàn chính xác, nên tách trường ca Tây Nguyên ra làm hai hệ thống. Đó là hệ thống những trường ca mang tính sử thi và hệ thống các trường ca sinh hoạt. Nội dung của các trường ca, sử thi cũng rất đa dạng và phong phú. Thông qua vai trò diễn xướng của nghệ nhân, người nghe có thể hiểu được sự ra đời của con người; sự hình thành trời đất; biết rõ về phong tục tập quán; cách đối nhân xử thế; tính cộng đồng, khát vọng chống kẻ thù, gìn giữ, xây dựng và bảo vệ buôn, plei giàu có, vững mạnh. Đặc biệt là khát vọng tự do hôn nhân, tình yêu lứa đôi thủy chung...*

**VN.26473**

**LINH NGA NIÊ KDAM. Tục uống rượu cần / Linh Nga Niê Kdam // Văn hóa Tây Nguyên giàu đẹp.- H: Văn hóa Dân tộc, 2012.- Tr.232-240.**

*Rượu cần là sản vật – nghi vật – lễ vật, có mặt ở mọi lúc, mọi nơi trong đời sống sinh hoạt xã hội, trong tình cảm, tâm linh của mỗi gia đình và toàn thể cộng đồng. Không có rượu cần thì không có lễ lạt, cưới xin, ma chay, bạn bè... Rượu cần giữ vai trò là lễ vật kính dâng lên các vị thần linh, thậm chí giao tiếp với các đấng siêu linh, làm nghĩa vụ thông báo, cầu xin chứng giám hoặc ban phước. Là nghi vật, phương tiện để thay người vi phạm lỗi lầm tạ tội với bị hại trong các cuộc phán xử. Là phương tiện chia sẻ niềm vui, nỗi buồn của mọi thành viên trong cộng đồng, nhấn nhủ công việc, hẹn hò, giao kết tình bạn, tình đôi lứa... Dù sử dụng trong thời gian nào, hoàn cảnh nào, không gian nào, tục uống rượu cần vẫn là một nét văn hóa đẹp của đời sống đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.*

**VN.26473**

**NGÔ ĐỨC THỊNH. Các giá trị của luật tục ở Tây Nguyên / Ngô Đức Thịnh // Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2007.- Tr.252-261.**

*Luật tục Tây Nguyên là sản phẩm của xã hội cổ truyền – xã hội ở thời kỳ tiền giai cấp, tiền quốc gia, một xã hội còn mang tính chất khép kín. Luật tục đề cập đến hầu hết*

*các lĩnh vực khác nhau của đời sống tộc người, từ môi trường thiên nhiên, việc bảo vệ môi trường đến sản xuất, quan hệ sở hữu, tổ chức và quan hệ xã hội, hôn nhân và gia đình, tín ngưỡng và phong tục, lễ nghi... Đó là các chuẩn mực ứng xử đã được hình thành và định hình trong quá trình lịch sử lâu dài của tộc người, nó cũng được mọi người chấp nhận và tự giác tuân theo như một thói quen, một tập quán. Bên cạnh đó, luật tục cũng là nơi phản ánh môi trường sinh tồn cũng như toàn bộ đời sống kinh tế của mỗi tộc người. Trong luật tục, từ các quy định thưởng phạt, các lời khuyên răn... đều gắn liền với phạm vi và cơ cấu tổ chức làng bon. Và hình phạt nặng nhất đối với kẻ phạm tội là đuổi ra khỏi cộng đồng làng bon. Nếu nói luật tục là hệ thống các quy ước nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, thì hệ thống đó thấm đậm ý thức cộng đồng, chi phối toàn bộ các lĩnh vực xã hội, các mối quan hệ xã hội khác nhau. Trong luật tục cũng quy định việc cấm buôn bán “con ở” và coi đó là một tội lỗi. Ở luật tục, các phạm trù thiện – ác, đúng – sai đều được quy định rất cụ thể. Ngoài ra luật tục còn cung cấp cho người đọc bức tranh văn hóa tộc người khá độc đáo và đa dạng. Bên cạnh những giá trị tư liệu để nghiên cứu xã hội tộc người, luật tục Tây Nguyên còn có giá trị về văn hóa và là di sản quý báu và độc đáo của các tộc người ở Tây Nguyên. Có thể nói, luật tục như bộ sách bách khoa về mọi mặt của đời sống tộc người, chứa đựng những tri thức dân gian vô cùng phong phú, đúc rút ra từ kinh nghiệm sống của nhiều thế hệ.*

**VN.26473**

**NGÔ ĐỨC THỊNH. Trang phục các tộc người ở Tây Nguyên, kho vốn chung, sắc thái riêng / Ngô Đức Thịnh // Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2007.- Tr.69-82.**

*Tây Nguyên là vùng đất sơn nguyên nằm ở phía tây của Trung bộ nước ta, nay thuộc địa phận các tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Đắc Nông, Lâm Đồng. Ở đây, từ lâu đã là nơi sinh sống của nhiều dân tộc nói các ngôn ngữ Nam Đảo và Nam Á (Ê Đê, Giarai, Raglai, Bana, Xơ – Đăng, Hre...). Những thập kỷ gần đây lại có thêm đồng bào Việt và các dân tộc khác tới phát triển Tây Nguyên. Cũng như nhiều hiện tượng sinh hoạt kinh tế, xã hội và văn hóa khác, trang phục của các dân tộc Tây Nguyên có rất nhiều nét chung, tương đồng, từ khâu nguyên liệu, phương thức làm ra vải mặc, màu sắc, đường nét hoa văn... Tuy nhiên, ở mỗi dân tộc vẫn có và bảo lưu những sắc thái riêng. Về nguyên liệu, trước khi có nghề trồng bông, lanh, gai để xe sợi dệt vải thì các dân tộc ở Tây Nguyên đã có kinh nghiệm trong việc thu lượm những thứ cây có sợi mọc hoang dại trong rừng về chế biến thành sợi dệt vải. Bông sau khi thu hoạch về được phơi khô và chế biến thành vải. Người ta cũng dùng bột gạo để hồ sợi trước khi đem nhuộm. Khác với nhiều vùng, ở đây người ta nhuộm sợi trước khi dệt. Cũng như nhiều*

dân tộc khác còn ở trình độ phát triển tiền công nghiệp, các màu sắc để nhuộm sợi đều tìm kiếm trong các sản vật tự nhiên. Màu nền của trang phục là màu đậm: đen, chàm. Về phương thức làm ra vải, các dân tộc ở Tây Nguyên dệt vải bằng khung dệt khá thô sơ, kỹ thuật dệt tương tự như kỹ thuật đan nên trong ngôn ngữ các dân tộc ở đây đều có cùng một từ chỉ dệt và đan. Về loại hình trang phục, các dân tộc Tây Nguyên, nam cũng như phụ nữ sử dụng phổ biến các y phục kiểu choàng quần, áo chui đầu. Đây là loại hình y phục vừa đặc trưng cho các dân tộc Đông Nam Á. Ở Tây Nguyên, tùy theo từng vùng dân tộc và đặc biệt là theo từng trường hợp, đàn ông mặc các loại khố khác nhau, chất liệu vải và trang trí trên khố cũng khác nhau. Thường đi làm người ta mặc loại áo khố ngắn, vải mộc hay nhuộm chàm; dịp hội hè, tiếp đãi khách hay đi chơi xa thì mặc loại khố vạt dài, có tua chỉ màu, trên mặt khố trang trí hoa văn. Có sự phân biệt khá rõ giữa áo nam và áo nữ, nhưng chúng đều cùng một kiểu cắt, đó là loại chui đầu. Phụ nữ Tây Nguyên mặc loại áo cánh ngắn may kiểu chui đầu, không có ve cổ, tùy theo từng dân tộc, từng loại áo có những trang trí tua màu hay hoa văn khác nhau. Áo của đàn ông các dân tộc sinh sống ở Tây Nguyên cũng thuộc loại ngắn may kiểu chui đầu, không viền cổ, có tay hoặc không có tay. Và cũng tùy theo từng dân tộc mà trên thân áo có trang trí hoa văn hay để màu chàm. Nét đặc trưng chung của trang phục các dân tộc ở Tây Nguyên không chỉ thể hiện trên các loại hình trang phục chính mà còn thông qua các kiểu cách phục sức của cả nam và nữ. Ta cũng bắt gặp những mô típ trang trí hoa văn trên mặt vải, không phải bằng kỹ thuật vẽ màu, ghép vải màu, mà chủ yếu là kỹ thuật dệt hiếm thấy các sản phẩm thêu. Các mô típ trang trí quen thuộc là những hiện tượng thiên nhiên xung quanh như: chim, nhện, bò cạp, ong, đài hoa...

VV.2925

**NGÔ VĂN DOANH. Lễ bỏ mả - Lễ hội đặc thù của Tây Nguyên / Ngô Văn Doanh // Lễ hội bỏ mả bắc Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 1995.- Tr.13-86.**

Lễ bỏ mả (Pthi atau, brur, muk atau...) của các dân tộc Tây Nguyên (Ê đê, Giarai, Bana...) là một lễ hội lớn mang tính tang lễ mà người sống tổ chức để từ biệt người chết, “tiễn” người chết về nơi cư trú vĩnh viễn (làng ma). Đây là dịp sinh hoạt văn hóa cổ truyền với nhiều hoạt động như: hiến tế bằng súc vật, lễ cúng và chia của cải cho người đã khuất, trình diễn âm nhạc, múa hát... Đó cũng là dịp thông báo với cộng đồng về sự giải phóng người góa bụa trước tục lệ khất khe của buôn làng. Lễ hội bỏ mả thường diễn ra từ 3-7 ngày, nhưng việc chuẩn bị cho ngày lễ được mọi người sắp xếp trước đó cả tháng.

VN.26473

**NGÔ VĂN DOANH. Những giá trị độc đáo của lễ hội bỏ mả / Ngô Văn Doanh // Lễ hội bỏ mả bắc Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 1995.- Tr.13-86.**

*Lễ bỏ mả không chỉ thuần túy là nghi thức tang ma, mà còn là cả một bức tranh văn hóa độc đáo của Tây Nguyên. Lễ bỏ mả mang một giá trị độc đáo, đó là nghệ thuật tượng mồ và nhà mồ, nghệ thuật cồng chiêng và múa; nghệ thuật trình diễn rói và mặt nạ; là văn hóa ứng xử giữa người sống với người chết và giữa người sống với nhau.*

**VN.26473**

**VĂN PHONG. Lễ bỏ mả / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.128.**

*Cũng giống như các dân tộc Tây Nguyên khác, người Ê Đê và M'Nông cũng tổ chức lễ bỏ mả cho người chết sau từ 1-3 năm. Lễ bỏ mả diễn ra vào tháng giêng từ tháng 1-3 hàng năm khi đã thu hoạch vụ xong và khi tiết trời mát mẻ, hoa rừng nở rộ. Người ta chuẩn bị rất chu đáo có khi cả tháng từ việc vào rừng chọn, dẫn gỗ tốt đến tạc tượng nhà mồ, làm cây nêu đến làm nhà mồ, đến khâu hậu cần như ăn uống, vui chơi ca hát tiễn người thân về thế giới bên kia. Trải qua thời gian, lễ bỏ mả của các dân tộc Đắc Lắc không còn giữ được nét hoành tráng và đậm nét như ở 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum những cũng không thể thiếu được trong cuộc sống của đồng địa phương.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Lễ mừng năm mới / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.128.**

*Hằng năm, vào tháng 12 sau khi thu hoạch xong lúa nương (hoặc các loại hoa màu từ nương rẫy) là dịp đồng bào Đắc Lắc tổ chức ăn mừng vụ mùa. Người Ê Đê gọi là Mnăm thun còn người M'Nông gọi là Nhămbar, Brirhai. Xưa lễ hội kéo dài cả tháng từ nhà này qua nhà khác trong làng theo một trật tự được thỏa thuận qua già làng. Tùy theo khả năng hoặc tùy theo năm được mùa lớn nhỏ, các gia đình mổ heo hay trâu ăn mừng và múa hát, đánh chiêng, trống, đàn sáo... Đây là dịp tỏ lòng biết ơn tổ tiên, ông bà, ơn thần lúa, ơn Giàng và là dịp mới bà con họ hàng, bà con trong làng đến cùng chia vui. Cũng có thể hiểu đây là dịp cầu chúc cho một năm mới tốt đẹp sẽ đến. Ngày nay lễ hội mừng vụ mùa chỉ diễn ra trong vài ngày.*

## PHẦN II: . MỘT SỐ DI TÍCH, DANH LAM THẮNG CẢNH CỦA NĂM TÂY NGUYÊN.

### A. MỘT SỐ DI TÍCH, DANH LAM THẮNG CẢNH CỦA TỈNH ĐẮK LẮK.

**ĐÌNH KHANG.** Điểm du lịch mới - Du lịch sinh thái, văn hóa cộng đồng KoTam / Đình Khang // <http://vhttdldaklak.gov.vn/>.

*KoTam tọa lạc tại Km4, Quốc lộ 26, phường Tân Hòa và xã Ea Tu, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột 9km về phía Đông Nam (hướng đi Nha Trang). Nơi đây được thiên nhiên ban tặng cho một vị trí địa lí, khí hậu hấp dẫn và thổ nhưỡng rất hợp với cà phê và nhiều loại cây ăn quả... Điểm tham quan du lịch sinh thái, văn hóa cộng đồng Kotam tổ chức các chương trình tham quan phục vụ khách du lịch như: giới thiệu những nét văn hóa truyền thống dân tộc bản địa, dã ngoại tham quan vườn hoa, rau, quả, cà phê, cánh đồng lúa... tìm hiểu quy trình sản xuất, chế biến và thưởng thức cà phê với hương vị thơm ngon từ những hạt cà phê đầu nguồn nước KoTam. Ngoài ra, còn tổ chức thưởng thức ẩm thực địa phương, giao lưu văn hóa công chiêng, cưỡi voi tham quan, chèo thuyền thúng, bơi, câu cá và trò chơi dân gian dành cho thiếu nhi. Điểm tham quan du lịch sinh thái, văn hóa cộng đồng Kotam đang trong giai đoạn vừa hoạt động vừa đầu tư xây dựng. Trong tương lai, KoTam sẽ là nơi tham quan, nghỉ dưỡng hấp dẫn và lý tưởng với du khách trong và ngoài nước.*

**[<http://vhttdldaklak.gov.vn/TinTuc/tabid/59/id/618/Default.aspx>]**

**Huyền thoại Hồ Lắk / <http://lehoicaphe.vn/>.- 2010.- Ngày 3 tháng 11.**

*Nói đến Đắk Lắk, người ta thường nhắc đến huyền thoại về hồ Lắk - một trong những hồ nước ngọt tự nhiên lớn, nối với sông Krông Ana, rộng khoảng 500ha, nằm ở*

độ cao hơn 500m so với mặt nước biển. Nơi đây là điểm du lịch sinh thái độc đáo thu hút du khách trong và ngoài nước, với một vẻ đẹp tự nhiên thơ mộng của núi và rừng bao quanh. Vẻ đẹp hồ Lắc khởi nguồn của những mạch nước từ dãy núi Chư Chang Sin, sau khi len lỏi qua các cánh rừng của đại ngàn Tây Nguyên hùng vĩ, tất cả đã cùng nhau hội tụ ở vùng đất trũng bên thị trấn Lạc Thiện của huyện Lắc, hình thành nên hồ Lắc rộng mênh mông trên tuyến đường giao thông nối giữa hai thành phố Buôn Ma Thuột và Đà Lạt. Từ xa nhìn lại, hồ Lắc lấp lánh xanh như một dải lụa mềm mại, điểm xuyết cho vẻ đẹp của núi rừng cao nguyên. Vào mùa mưa, khi nước hồ lên cao, tạo ra khoảng không gian hồ nước mênh mông, xanh thẳm, in bóng mây trời. Lại được bao quanh bởi những vạt hoa sen, hoa súng bừng nở khoe sắc trong ánh nắng vàng làm hồ Lắc càng thêm lộng lẫy. Được bao bọc bởi những cánh rừng nguyên sinh của đại ngàn Tây Nguyên với diện tích hơn 12 nghìn ha nên khi tham quan hồ Lắc du khách còn được ngắm nhìn hệ động - thực vật đa dạng. Theo thống kê ở đây có 548 loài thực vật thuộc 118 họ, 132 loài chim, 61 loài thú, 43 loài lưỡng cư bò sát, trong đó có một số loài đặc hữu và quý hiếm. Bên cạnh đó, hồ Lắc còn là nơi trú ngụ của vô số loài thủy sinh, tôm cua cá và là nguồn lợi kinh tế lớn cho cư dân địa phương sinh sống ở khu vực quanh hồ.

Đến với hồ Lắc, du khách có thể cưỡi voi hoặc đi thuyền độc mộc để ngắm cảnh hồ. Khi lên bờ du khách có thể thực hiện những cuộc dã ngoại vào buôn làng Mơ Nông hoặc đi sâu vào trong rừng để khám phá những điều bí ẩn cuộc sống của chim chóc, muông thú.

Tới đây, du khách không chỉ khám phá vẻ đẹp tự nhiên, nghe huyền thoại bí ẩn mà còn được khám phá những nét văn hoá truyền thống của người Mơ Nông – nét văn hóa của dân tộc Tây Nguyên. Hiện nay, cư dân sống xung quanh hồ chủ yếu là người Mơ Nông và một số buôn làng như buôn Jun và buôn M'Liêng vẫn giữ được những nét văn hoá dân tộc truyền thống. Những nghề thủ công, lễ hội truyền thống, nghề dệt thổ cẩm, nhiều vật dụng sinh hoạt như ghé Kpal, tròng H'gor, chiêng, ché cổ và những ngôi nhà dài truyền thống của người Mơ Nông sẽ là điểm đến thu hút sự quan tâm của du khách.

Hồ Lắc ngay cái tên đã nói lên vẻ đẹp huyền bí. Ngoài cảnh đẹp tự nhiên, không khí trong lành cùng những cuộc phiêu lưu hồ nước trên bành voi và trên thuyền gổ với những chuyến dã ngoại khám phá nét văn hoá, đặc sắc của dân làng Mơ Nông, đã, đang và sẽ đưa hồ Lắc trở thành điểm đến không thể thiếu trong các tour du lịch Đắk Lắk nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung.

**[[http://lehoicaphe.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=67%3Ahuynh-thoi-h-lk-&catid=31%3Adanh-lam-thng-cn&Itemid=40&lang=vi](http://lehoicaphe.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=67%3Ahuynh-thoi-h-lk-&catid=31%3Adanh-lam-thng-cn&Itemid=40&lang=vi)]**

**MINH KHOA. Dray K'nao - Một thắng cảnh đẹp của M'Đrăk / Minh Khoa // <http://vhttdldaklak.gov.vn/>.- 2012.- Ngày 25 tháng 4.**

*K'nao là một dòng thác thuộc địa phận hành chính xã Krông Jin, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Chỉ cách trung tâm huyện chưa tới 5km, thác Dray K'nao đã được thiên nhiên ban tặng cho một cảnh quan thơ mộng, bí ẩn và hoang sơ, mang đậm sắc thái của núi rừng Tây Nguyên. Dray K'nao nằm trên dòng suối Ea Krăng, là hợp lưu của các con suối Ea Toong, Ea Thu và Ea K'sumg. Thác đổ ra sông Krông Hding. Đầu nguồn của thác là đỉnh núi Cư Pã và dãy núi Cư Yang Sin hùng vĩ, gần với nhiều huyền thoại. Xuất phát từ thành phố Buôn Ma Thuột tới km 85, quốc lộ 26 sẽ có một con đường rẽ trái để đi vào thác. Ẩn mình dưới những tán cây rừng nguyên sinh, Dray K'nao trải dài gần 2km, hoang sơ, bí ẩn, thôi thúc, gọi mời. Không mạnh mẽ như Dray Sáp, Drai Kpơ, Dray K'nao mang trong mình một sắc thái riêng với dòng thác chảy dài hiền hoà, thơ mộng. Tiếng nước chảy va đập vào đá tạo ra những âm thanh mạnh vang vọng trong không gian hun hút, mênh mang. Đến với Dray K'nao, ta không chỉ thưởng ngoạn sự thơ mộng của dòng nước mà còn được núp mình dưới những tán cây cổ thụ để cảm nhận thấy sự nhỏ bé của con người và tấm lòng bao dung của thiên nhiên kỳ vĩ. Tới lúc này, nước, đá, cây như hoà vào làm một trong bức tranh thủy mặc tuyệt tác, sinh động. Thưởng ngoạn, thám hiểm xong du khách có thể thưởng thức rượu cần, cơm lam và những đặc sản Tây Nguyên ngay tại nhà hàng của khu du lịch sinh thái Dray K'nao. Du khách còn có thể đi tham quan điền dã tại các buôn làng người bản địa ở xung quanh thác. Tại đó chúng ta sẽ khám phá những phong tục, tập quán, những sinh hoạt văn hoá truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc Tây Nguyên. Với vẻ đẹp cảnh quan và những giá trị khoa học của mình, thác Dray K'nao sẽ là một địa chỉ hấp dẫn trong những chuyến du xuân, thưởng ngoạn của du khách gần xa.*

**[<http://vhttdldaklak.gov.vn/TinTuc/tabid/59/id/421/Default.aspx>]**

**NGUYỄN THANH HÙNG. Thác Bìm Bịp một điểm du lịch mới và ấn tượng / Nguyễn Thanh Hùng // <http://lehoicaphe.vn/>.- 2010.- Ngày 3 tháng 11.**

*Có thể nói rằng đây là một điểm du lịch khá mới mẻ và hấp dẫn, thiên nhiên còn rất hoang sơ dường như chưa có sự xâm lấn của con người. Với khu rừng nguyên sinh bao bọc bởi thác Bìm Bịp thật hùng vĩ tuôn chảy suốt đêm ngày.*

*Đến với thác Bìm Bịp bên cạnh việc được chiêm ngưỡng vẻ đẹp thơ mộng dịu dàng của thác, được hòa mình vào thiên nhiên của núi rừng hoang sơ với thảm thực vật rất đa dạng và phong phú. Du khách còn được tận hưởng những tuyệt tác mà thiên nhiên ban tặng cho con người với những ngọn thác đẹp vốn đang ngủ yên trong rừng sâu nên chưa hề được ai đặt tên, được thưởng thức những món ăn rất độc đáo với nhiều loại gia vị mới lạ mà chỉ nơi đây mới có.*

**[http://lehoicaphe.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=69%3Athac-bim-bp-mt-im-du-lch-mi-va-n-tng-&catid=31%3Adanh-lam-thng-cnh&Itemid=43&lang=vi](http://lehoicaphe.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=69%3Athac-bim-bp-mt-im-du-lch-mi-va-n-tng-&catid=31%3Adanh-lam-thng-cnh&Itemid=43&lang=vi)**

**NGUYỄN THỊ THU HIỀN. Buôn Tuô / Nguyễn Thị Thu Hiền // Địa danh du lịch Việt Nam.- H: Từ điển Bách khoa.- 2005.- Tr.226.**

*Buôn Tuô của đồng bào Êđê có những ngôi nhà sàn duyên dáng, tiêu biểu cho kiến trúc cổ truyền của địa phương. Điều thú vị là trên đường Buôn Tuô, du khách có dịp chiêm ngưỡng cảnh đẹp và thác Dray Say, câu cá và dùng bữa ăn trưa trên thuyền. Bên cạnh đó, du khách còn được thưởng thức tiệc rượu cần và các điệu múa được đệm bằng công chiêng ngay tại nhà sàn.*

**VN.018459**

**NGUYỄN THỊ THU HIỀN. Di tích Chăm / Nguyễn Thị Thu Hiền // Địa danh du lịch Việt Nam.- H: Từ điển Bách khoa.- 2005.- Tr.226-228.**

*Di tích Chăm bao gồm các di tích: Tháp Yang Proong; Quần thể di tích ở xã Cư Ea Vi, huyện Krông Ana; Giếng cổ của người Chăm. Tháp Yang Proong ẩn mình trong rừng Xanh, thuộc xã Ea Rok, huyện Ea Súp. Đây là một vùng bình nguyên rộng lớn, nhiều nơi trũng nước và có cả đầm lầy. Chạy ngang qua bình nguyên là con sông Ea Hleo hùng vĩ. Tháp Chăm ở Ea Rok chịu ảnh hưởng ít nhiều của phong các Khơ Me. Đó là một ngọn tháp khá đồ sộ, cao chừng 13m, còn nguyên vẹn, đứng sừng sững giữa đại ngàn Tây Nguyên bao la. Tháp Chăm ở Đắk Lắk là trung tâm sinh hoạt tôn giáo của một bộ phận người Chăm thời bấy giờ. Bên cạnh đó còn có quần thể di tích ở xã Cư Ea Vi, huyện Krông Ana. Quần thể di tích này gồm 12 ngôi mộ khá đồ sộ nằm rải rác trên một dải đồi thấp, xung quanh là thung lũng trũng và lầy lội. Những ngôi mộ được xây bằng gộp, mới nhìn tưởng như đó là những gò đất bình thường. Có thể đó là do*



người Chăm cố ý nguy trang trước khi rời khỏi vùng này. Kiến trúc các ngôi mộ hình chữ nhật, phía trên có vòm cuốn hình bán nguyệt. Trong quần thể di tích này, người ta còn phát hiện thấy những sân gạch lớn giống loại gạch lát sân đình của người Việt. Trong khu di tích có một bức tường hình chữ nhật, cao khoảng 3m, dày 0,45m, diện tích khoảng 500m<sup>2</sup>. Toàn bộ khu tường thành được phủ một lớp đất dày. Phía ngoài tường thành cứ 3m có một ụ đất hình chạy theo hình vòng cung. Ngoài ra người ta đã tìm thấy 2 chiếc giếng cổ của người Chăm ở xã Giang Mao, huyện Krông Bông, cách Buôn Ma Thuột 30km đường chim bay. Hai giếng này nằm trong một thung lũng lớn, bằng phẳng, cạnh đó là những gò đồi thấp, ba mặt là các dãy núi, giữa thung lũng là một dòng suối lớn chảy qua. Hai giếng này sâu 8m, miệng giếng rộng 1m. Thành giếng được ghép những viên đá cuội thường thấy trong vùng. Xung quanh 2 giếng cổ này, người ta còn tìm thấy nhiều mảnh gạch Chăm hình chữ nhật. Điều đó chứng tỏ nơi đây là một điểm tụ cư của đồng bào Chăm xưa.

**VN.018459**

**NGUYỄN THỊ THU HIỀN. Hồ Lắc / Nguyễn Thị Thu Hiền // Địa danh du lịch Việt Nam.- H: Từ điển Bách khoa.- 2005.- Tr.228.**

Hồ Lắc nằm ở phía nam tỉnh Đắk Lắk, rộng trên 500ha, lòng hồ sâu không quá 6m, mặt hồ ở độ cao 400m so với mặt nước biển. Xung quanh hồ là đồi núi, nhưng cũng có cả những vùng đầm lầy khiến cho mùa khô, các đàn cò, sếu bay về đây đậu trắng cả một vùng. Trong hồ có rất nhiều, nhân dân địa phương gọi đây là “Nồi cá của Tây Nguyên”. Ở đây cũng có cá sấu nhưng chưa bao giờ gây nguy hiểm cho con người. Hàng năm vào mùa xuân, nhân dân vùng ven hồ mở hội đua thuyền, đua voi quanh hồ. Trên ngọn đồi ở gần hồ có tòa biệt thự là nơi trước đây vua Bảo Đại thường đến nghỉ ngơi và săn bắn.

**VN.018459**

**QL. Hồ Ea Kao - Một danh thắng tiềm năng / QL // <http://vhttdldaklak.gov.vn/>. 2012.- Ngày 24 tháng 5.**

Là một danh thắng cách thành phố Buôn Ma Thuột không xa (khoảng 12 km) theo hướng Đông Nam. Với diện tích tự nhiên khoảng 66 ha, được chia thành hai khu vực chính. Hồ Ea Kao là tên gọi được đồng bào Êđê sống gần khu vực hồ như buôn H'Ve, buôn Huê, buôn Ea Kao, buôn Cư Mblim, buôn Tong Ju đặt theo tên của dòng suối Ea Kao - là dòng suối lớn tạo nên thắng cảnh của hồ. Hồ Ea Kao còn có ý nghĩa là hồ nước không bao giờ cạn, hồ nước dâng cao hay vùng núi có vực nước sâu.

*Hồ Ea Kao được nằm trong phạm vi hành chính thuộc địa bàn xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với phía Đông giáp xã Ea Tiêu, phía Tây giáp xã Hoà Khánh, phía Nam giáp xã Dray Sáp (huyện Krông Ana) và phía Bắc giáp phường Ea Tam (thành phố Buôn Ma Thuột).*

*Muốn đến với thắng cảnh hồ Ea Kao bạn đi theo lộ trình sau: Từ trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột đi theo đường Quốc lộ 14 khoảng 4 km đến ngã ba Ea Kao, rẽ trái đi theo đường vào UBND xã Ea Kao (thành phố Buôn Ma Thuột) khoảng 8 km là bạn sẽ được tha hồ khám phá những nét huyền bí của danh thắng. Đến với Ea Kao là bạn sẽ được cảm nhận ở đó một không khí trong lành và mát rượi. Cái thoáng mát, bao la của hồ nước đã gợi cho ta một nỗi nhớ mênh mang về cảnh đẹp sơn thủy hữu tình nơi đây. Nếu bạn đứng trên bờ hồ phía Tây để phóng tầm mắt ra bốn phía, cảnh quan hồ hiện ra với một vẻ đẹp lung linh: Trời mây, hồ nước, đồi núi, ruộng đồng hoà quyện như một bức tranh thủy mặc. Trên bờ hồ phía Đông là một rừng cây xanh ngút ngàn, xa xa những dãy đồi, núi nhấp nhô, đôi chỗ nhô ra tạo thành những đảo nhỏ thật nên thơ. Phía Bắc bờ hồ thấp thoáng những mái nhà của đồng bào Êđê xen lẫn những cánh đồng lúa xanh ngát đang thì con gái hay như bức thảm vàng trĩu hạt mùa thu hoạch. Xa xa bên những mái nhà là những vườn cà phê, hoa nở trắng trời. Đâu đó, phía chân trời những đám mây nhón nhơ, nghiêng mình soi bóng trên mặt hồ.*

*Đến với danh thắng hồ Ea Kao vào mỗi buổi sớm mai khi bình minh thức giấc bạn có thể ngắm nhìn mặt hồ với những con sóng nhỏ lăn tăn, khẽ chạy nhẹ trên mặt nước mỗi khi có cơn gió đùa vui cùng nó. Ngược mắt nhìn lên, bạn sẽ thấy đâu đó sau ánh nắng mặt trời từng giọt sương đêm long lanh, lấp lánh giấu mình trong kẽ lá, khẽ đung đưa, đung đưa. Trưa đến, khi cả rừng cây quanh hồ đã nhuộm nắng vàng thì mặt hồ lại trở lên hùng vĩ hơn, những con sóng nối đuôi nhau từng đợt, làm rung chuyển cả mặt hồ. Chiều về, rừng cây quanh hồ bỗng xẫm lại nhường chỗ cho vẻ dịu mát, trong lành. Đêm đến, mặt hồ yên ả, đặc biệt mỗi khi trăng lên mặt hồ như được gội rửa bỗng trở nên thơ mộng, huyền ảo và lung linh biết nhường nào. Hồ Ea Kao là một trong những hồ nhân tạo lớn của tỉnh Đắk Lắk có cảnh quan đẹp, không khí trong lành, mát mẻ. Hồ không chỉ có giá trị lớn về mặt thủy lợi, là nơi cung cấp nước tưới cho một diện tích lúa rộng lớn của xã Hoà Xuân mà còn phục vụ tưới tiêu cho một diện tích cây công nghiệp của thành phố Buôn Ma Thuột.*

**<http://vhттdldaklak.gov.vn/TinTuc/tabid/59/id/438/Default.aspx>**

**SON HUNG. Giới thiệu về điểm thăm quan du lịch thác Dray Nur / Sơn Hưng // <http://vhттdldaklak.gov.vn/>. 2012.- Ngày 20 tháng 6.**

*Điểm thăm quan du lịch thác Dray Nur, tọa lạc trên địa bàn xã Dray Sáp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk và nằm cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 25km về phía Nam, cách thủy điện Buôn Kuốp gần 3km và nằm trong hệ thống thác Dray Sáp - Dray Sáp Thượng - Trinh Nữ trên dòng sông Srêpôk nối liền 2 tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông.*

*Đến với Dray Nur, cảm giác đầu tiên đến với bạn sẽ là một ngọn thác thật hùng vĩ, nước từ độ cao 30m đổ xuống lòng sông sâu thẳm tạo ra một âm thanh thật hùng dũng, khói nước bay trắng xóa xâm chiếm ngay ống kính máy ảnh làm cho nhiều du khách khó lòng chụp được những kiểu hình oai vệ của nó. Với chiều dài trên 200m nối liền từ bờ Đắk Lắk sang phía bờ Đắk Nông, nhìn từ xa thác Dray Nur trông như một bức tường nước khổng lồ nối liền 2 tỉnh cao nguyên đầy tiềm năng du lịch cũng như đầy nắng, đầy gió này.*

**[\[http://vhттdldaklak.gov.vn/TinTuc/tabid/59/id/469/Default.aspx\]](http://vhттdldaklak.gov.vn/TinTuc/tabid/59/id/469/Default.aspx)**

**Tháp Chăm Yang Prong, Đắk Lắk / <http://lehoicaphe.vn/>.- 2010. Ngày 3 tháng 11.**

*Là tháp Chăm duy nhất ở Tây Nguyên, thuộc huyện Ea Súp cách Buôn Ma Thuột 100 km. Tháp được xây dựng vào cuối thế kỷ XIII để thờ thần Siva dưới dạng Mukhalinga, cầu mong sự nảy nở của giống nòi và ấm no hạnh phúc. Tháp Yang Prong là một khối kiến trúc bằng gạch nung đỏ trên nền cao bằng đá xanh, uy nghi bên dòng Ea Hleo. Tháp cao 9m, có đáy vuông, mỗi mặt tường ngoài là 3 cửa giả, một cửa duy nhất mở về hướng Đông, nơi ngự trị của các vị thần linh. Phía trên mở rộng và thon vút hình tháp bút, khác biệt với kiến trúc của các tháp Chăm khác ở Trung Bộ. Đến thăm tháp Yang Prong du khách sẽ cảm nhận một nét độc đáo, hiếm thấy. Hiện nay đây là điểm thu hút nhiều nhà nghiên cứu và khách du lịch khi đến với cao nguyên*

**[\[http://lehoicaphe.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=68%3Athap-chm-yang-prong-k-lk-&catid=31%3Adanh-lam-thng-cnh&Itemid=38&lang=vi\]](http://lehoicaphe.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=68%3Athap-chm-yang-prong-k-lk-&catid=31%3Adanh-lam-thng-cnh&Itemid=38&lang=vi)**

**Thác Krong Kmar (Đắk Lắk) / <http://lehoicaphe.vn/>.- 2010. Ngày 3 tháng 11.**

Cách trung tâm huyện Krông Bông khoảng 2km, dưới chân dãy núi Chư Yang Sin là dòng thác hùng vĩ Krông Kmar. Kéo dài từ đỉnh núi xuống tận chân dãy Chư Yang Sin, thuộc vườn quốc gia Chư Yang Sin, thác Krông Kmar chia làm 3 tầng với vô vàn các tảng đá lớn nhỏ nằm xen hai bên thác. Cứ mỗi tầng hình thành một hồ chứa rộng với dòng nước xanh biếc. Nơi đây, vào mùa hè, du khách có thể ngâm mình dưới hồ để tận hưởng cảm giác mát lạnh dòng nước đầu nguồn, hưởng một bầu không khí trong lành và yên tĩnh. Nếu muốn khám phá đầu nguồn của dòng nước, du khách sẽ phải vượt qua ba tầng thác với những tảng đá khổng lồ cao hơn một tầng nhà. Thi thoảng, du khách có thể gặp một vài chú voi của đồng bào ngang qua đây.

**[[http://lehoicaphe.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=70%3Athac-krong-kmar-k-lk-&catid=31%3Adanh-lam-thng-cnh&Itemid=55&lang=vi](http://lehoicaphe.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=70%3Athac-krong-kmar-k-lk-&catid=31%3Adanh-lam-thng-cnh&Itemid=55&lang=vi)]**

**VĂN PHONG. Biệt điện Bảo Đại / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.123.**

Nằm trên đường Lê Duẩn ngay trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột. Biệt điện Bảo Đại nguyên là nhà ở của Công sứ Pháp tại Buôn Ma Thuột, năm 1940 ngôi nhà được xây dựng lại theo lối kết hợp giữa kiến trúc truyền thống Tây Nguyên và kiến trúc hiện đại: Tầng hầm làm bằng bê tông cốt thép, sàn gỗ; nhìn từ phía trong như sàn nhà, phía sau lại giống ngôi biệt thự cổ châu Âu thế kỷ 19. Biệt điện được bao quanh bằng những cây cổ thụ. Khi Tây Nguyên thuộc Hoàng triều Cương thổ thì đây là nơi nghỉ ngơi, tiếp khách của cựu hoàng Bảo Đại mỗi lần lên Buôn Ma Thuột. Đây là nơi diễn ra các cuộc hội họp, gặp gỡ quan trọng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đắc Lắc từ năm 1945-1975. Sau ngày giải phóng Buôn Ma Thuột 10/3/1975 Biệt điện Bảo Đại được đổi tên thành Nhà khách Biệt điện dành cho các vị lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước và lãnh đạo các địa phương bạn. Di tích này đã được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch xếp hạng cấp quốc gia.

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Chùa Khải Đoan / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.123.**

Chùa nằm trên đường Quang Trung ở trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột, do bà Từ Cung (vợ vua Khải Định, mẹ cựu hoàng Bảo Đại) xây dựng năm 1951. Tên Khải

*Đoan là ghép từ tên vua Khải Định và vợ ông là Đoan Huy hoàng thái hậu (tên hiệu của bà Từ Cung). Theo Việt Nam Danh Lam Cổ Tự của Võ Văn Tường, trên toàn quốc Việt Nam từ Bắc chí Nam có 247 ngôi danh lam cổ tự, Đắc Lắc có 02 chùa được liệt vào danh sách này, trong đó có chùa Khải Đoan. Chùa có kiến trúc Á Đông do chính những người thợ từ cố đô Huế làm nên. Trước cổng là tam quan, giữa là chính điện, sau là nhà hậu tổ. Cổng tam quan gồm 2 tầng với ba vòm cửa cao 7 m, rộng 10,5 m. Điện Quan Âm xây tách biệt với bố cục chính của chùa, hình lục giác với 6 cột trang trí hình rồng mây. Chính điện gồm hai phần, mặt trước chùa được xây theo kiểu nhà dài của người Êđê. Ngôi chùa có 2 lớp mái, phần giữa được nâng cao hơn đầu hồi lên đến 1 mét, được bố trí cấu trúc mặt bằng theo dạng hình chữ tam. Trên đỉnh trang trí hai con rồng theo kiểu lưỡng long triều nguyệt. Chùa sử dụng gỗ lim kết cấu trong sườn mái tạo cảm giác mát mẻ bên trong chính điện. Nửa sau của chùa được thiết kế theo kiểu nhà rường của người Huế. Toàn bộ phần gỗ được đặt trên các cột đá. Chính điện được chia làm 5 gian thờ Phật Thích ca. Chuông trống được đặt ngoài gian chính điện. Đây là chiếc đại hồng chung nặng 380 kg bằng đồng đúc năm 1954, được hoàn thành bởi các nghệ nhân Huế. Chùa Khải Đoan là trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng dưới sự bảo trợ của Hội Phật học Trung phần. Hòa thượng Thích Đức Thiệu là vị trụ trì đầu tiên của Chùa Khải Đoan. Người thay thế ông là Hòa thượng Thích Quảng Hương, ngày 17/8/1963, đại đức Thích Quảng Hương đã tự thiêu tại Chợ Bến Thành - Sài Gòn. Từ đây ngôi tháp ngưỡng vọng công đức vì đạo pháp của đại đức đã được dựng lên trong chùa Khải Đoan.*

*Từ đó đến nay, Chùa Khải Đoan đã trở thành điểm tham quan cho những du khách đến Buôn Ma Thuột. Lịch sử Chùa Khải Đoan cũng gắn liền với quá trình di dân của cộng đồng tộc người Việt lên định cư tại đây, góp phần giới thiệu tiếp biến, giao lưu văn hóa trong môi trường sống cộng cư của tộc người Việt với các tộc anh em tại đây.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. CỤM HỒ LẮC – BUÔN JUN / VĂN PHONG // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.125.**

*Hồ Lắc không chỉ được biết đến là vùng đất huyền thoại đã làm say lòng biết bao bước chân du khách mà còn là biểu tượng của một nền văn hóa dân tộc đặc sắc ở Đắc Lắc qua âm thanh thánh thót của đàn đá, của công chiêng M'ông. Nằm bên hồ Lắc thơ mộng là buôn Jun, nơi đây mang vẻ đẹp nguyên sơ của một buôn làng Tây Nguyên trông giống như một thiếu nữ miền sơn cước. Nơi đây có nhiều ngôi nhà sàn theo kiến*

*trúc truyền thống cổ của đồng bào Tây Nguyên vừa uy nghi, vừa gần gũi nép mình dưới những cây cổ thụ; trên những ngôi nhà sàn các thiếu nữ M'ông chần chĩ bên những khung dệt thổ cẩm. Ở buôn Jun vẫn còn lưu giữ được nhiều nét sinh hoạt văn hóa truyền thống với những lễ hội công chiêng ngày ngắt, những điệu múa uyển chuyển, với thú đi dạo ngạo nghễ trên lưng voi.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Cùm thác Diệu Thanh, Thủy Tiên / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.126-127.**

*Cách thành phố Buôn Ma Thuột 150km, thuộc huyện Đắc Nông. Thác Diệu Thanh gồm một dòng thác lớn cao 30m cùng nhiều thác nhỏ, nằm trên dòng suối Đắc Tít. Thác chảy tạo nên hơi sương mát lạnh tạo một cảm giác dễ chịu sau cuộc hành trình cho du khách đến từ phương Nam. Trong ngàm thác còn có những hang động nhỏ, bên ngoài có những tảng đá lớn bằng phẳng dùng làm chỗ nghỉ chân cho khách tham quan, dã ngoại rất tốt. Bên cạnh thác Diệu Thanh là Thác Thủy Tiên, thác gồm 3 tầng: Tầng thứ nhất có những bậc đá thấp như những bậc tam cấp, lòng thác nhỏ nước chảy êm đềm giữa những vòm cây xanh mát; tầng thứ hai trải rộng với nhiều bậc đá nước chảy tuôn trào trắng xóa và tầng thứ 3 nước đổ thẳng dốc từ trên xuống tạo thành một hồ sâu trước khi tỏa ra chảy hiền hòa, uốn lượn giữa rừng như một nàng tiên nữ ẩn mình giữa núi rừng Tây Nguyên như mời như gọi.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Khu du lịch Bản Đông / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.124.**

*Nằm trên địa bàn huyện Buôn Đôn, cách Buôn Ma Thuột hơn 40km về phía Tây. Bản (hay buôn) là gọi theo tiếng Lào hoặc Ê Đê, Đôn là đảo: Dịch ra là làng đảo – một làng đảo nằm giữa 3 nhánh của con sông Sê Rê Póc. Nơi đây gần giáp với biên giới Lào, Campuchia nên từ cách đây nhiều thế kỷ đã trở thành một khu vực giao thương phát triển theo đường sông và đường bộ. Đặc điểm này đã tạo ra nên sự giao thoa văn hóa của các dân tộc Lào, M'ông, Ê Đê, Khowme và Giarai khá rõ nét. Vì nằm trên đường giao thương ấy nên mới du nhập được nghề săn bắt và thuần dưỡng voi. Nghề này vốn có nguồn gốc từ bên Lào do một người mang 2 dòng máu Lào và Việt là Khunjunóp du nhập vào. Ông được mệnh danh là Vua săn voi (do vua Xiêm trao tặng). Vào khoảng nửa đầu thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20, Bản Đôn là một nơi duy nhất xuất khẩu voi và là trung tâm mua bán – trao đổi voi của cả vùng Đông Dương. Đến cuối*

*thế kỷ 19, khi người Pháp mới đến vùng đất Đắc Lắc họ đã chọn Bản Đôn làm nơi đặt cơ quan hành chính và mãi đến năm 1904 mới dời về Buôn Ma Thuột. Đến với khu du lịch Bản Đôn, khách sẽ được nghe giới thiệu, khám phá về nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng; đi dạo trên lưng voi trong làng hoặc lội qua sông Sê Rê Pốc vào rừng già nguyên sinh; tìm hiểu đời sống văn hóa của người Ê Đê, Mnoong, Lào, Khome, Giarai... Và vào ngày 26/3 hàng năm hoặc ngày giải phóng Buôn Ma Thuột tại đây thường tổ chức các lễ hội đua voi hấp dẫn.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Ngã Sáu lịch sử / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.123-124.**

*Nằm ngay trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột – nơi ghi dấu những sự kiện lịch sử của nhân dân các dân tộc Đắc Lắc trong lịch sử đấu tranh cách mạng mà đỉnh điểm là trận đánh chiến lược Buôn Ma Thuột mở đầu cho chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa xuân năm 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam. Ngày 10-11/3/1975, nơi đây diễn ra nhiều trận đánh quyết liệt giữa ta và địch. Hiện có một chiếc xe tăng dựng ngay trước đài chiến thắng Buôn Ma Thuột ở giữa ngã 6 để nhắc người dân địa phương và du khách không bao giờ quên những ngày tháng lịch sử ấy.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Ngôi nhà dài của Ama Y Thuột / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.122.**

*Cái tên địa danh Buôn Mê Thuột ngày nay chính là tên của một tù trưởng dân tộc Ê Đê: Ama Y Thuột. Vào những năm cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 đây là một buôn hùng mạnh của người Ê Đê và khi người Pháp đặt chân lên cao nguyên đã gặp phải sự kháng cự của các buôn; Ama Y Thuột đã vận động đồng bào nổi dậy chống sự cai trị của người Pháp. Mãi đến năm 1904 thực dân Pháp mới bình định xong và sau đó mới chính thức thành lập tỉnh Đắc Lắc và chuyển cơ quan cai trị từ Buôn Đôn về vùng đất của Ama Y Thuột. Cái tên địa danh Buôn Ma Thuột (hay Buôn Mê Thuột) bắt đầu từ đó. Ngôi nhà của tù trưởng xưa kia nằm trên đường Ama Khê thuộc buôn Ko Sia, thành phố Buôn Ma Thuột do 5 chị em H' rúi Kon Klor' núi, Ma Xuân, H'Mlô, Hwú, Ý Bút là hậu duệ đời thứ 4 của Ama Y Thuột trông coi. Hiện ngôi nhà đã bị xuống cấp khá nhiều. Hiện vật còn một cái ghế k'pan bằng gỗ sao dài hơn 30m; 3 chiếc giường gỗ; 2 cái trống to do chính Âm Y Thuột để lại.*

**VĂN PHONG. Nhà Đày Buôn Ma Thuật / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.122+123.**

*Nằm ngay trong nội ô thành phố Buôn Ma Thuật. Cách đây hơn 80 năm, khu vực thành phố Buôn Ma Thuật chỉ là những cánh rừng hoang vu, dân cư rất thưa thớt được coi là chốn rừng thiêng nước độc; người đồng bằng ít ai dám đặt chân đến đất này và thực dân Pháp đã chọn nơi đây để xây dựng một nhà tù chính trị với chế độ giam hãm tàn bạo. Năm 1900 thực dân Pháp cho xây dựng một nhà lao và đến năm 1930 cho mở rộng thêm để trở thành nơi giam cầm những người Việt Nam yêu nước, nhất là từ sau khi cách mạng Việt Nam có Đảng Cộng sản lãnh đạo đến trước tháng 8/1945. Nhà Đày Buôn Ma Thuật không chỉ là chứng tích về tội ác của bọn thực dân đế quốc mà còn là trường học lớn đào tạo, rèn luyện phẩm chất của những chiến sĩ cách mạng kiên cường của cách mạng Việt Nam như Hồ Tùng Mậu, Phan Đăng Lưu, Tố Hữu, Nguyễn Chí Thanh và nhiều người con ưu tú của Tổ quốc Việt Nam trong cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước chống giặc ngoại xâm. Nơi đây vẫn còn những hiện vật sống như những chiếc cùm, gông, xích sắt, những phòng biệt giam...*

**VĂN PHONG. Vườn Quốc gia Yoc Đôn / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.124-125.**

*Nằm gần khu du lịch Buôn Đôn nhưng diện tích trải dài trên nhiều huyện như Đắc Mìn, Buôn Đôn, Ea Súp; Vườn quốc gia Yoc Đôn có diện tích hơn 100.000ha. Với 464 loài thực vật trong đó có nhiều loại gỗ và phong lan quý hiếm. Hệ thực vật của vườn cũng đa dạng với các tiểu khu hệ: Rừng ẩm thương xanh, rừng rụng lá vào mùa khô, rừng cây bụi. Vào mùa khô nắng gắt khi cái nóng ngự trị xung quanh thì trong rừng quốc gia vẫn mát mẻ, hoa phong lan nở thơm ngát. Người ta ví vườn Quốc gia Yoc Đôn như “hòn ngọc xanh” của Tây Nguyên. Về động vật cũng rất phong phú với 62 loài thú, 46 loài bò sát, 15 loài cá nước ngọt... trong đó có 196 loài chim. Trong số 56 loài động vật quý hiếm của Đông Dương thì Yoc Đôn có đến 38 loài trong đó có 17 loài được xếp vào sách đỏ của thế giới. Đây là nơi thích hợp cho các tour du lịch sinh thái, dã ngoại hay nghiên cứu thực vật.*

**B. MỘT SỐ DI TÍCH, DANH LAM THẮNG CẢNH CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG.**



**A. Đ. Thác Lư ly / A.Đ // <http://daknong.gov.vn/>.- 2011.- Ngày 24 tháng 5.**

Tây Nguyên nơi núi rừng hùng vĩ có các dân tộc thiểu số người Ê-đê, Ba-na, Gia-rai, M'nông sinh sống... Nơi đây bạt ngàn rừng vàng và thẳm sâu khoáng sản quý; người Tây Nguyên chủ nhân của không gian công chiêng, là di sản văn hoá nhân loại, được thiên nhiên ban tặng những cảnh quan với nhiều thác nước tuyệt đẹp là điểm đến của du khách trong và ngoại tỉnh. Dòng thác Lư Ly thơ mộng dưới chân dãy núi Nam Nung hùng vĩ, du khách sẽ được cảm nhận khoáng không gian tĩnh lặng, trong xanh cùng hòa mình vào khung cảnh thiên nhiên thơ mộng và hùng vĩ của núi rừng, tìm hiểu về nét đẹp văn hóa của các dân tộc Tây Nguyên...giúp du khách thư giãn sau những ngày làm việc mệt nhọc. Từ thị xã Gia Nghĩa đi theo Quốc lộ 14 đến ngã ba cầu 20, rẽ phải, hơn 10 cây số nằm về phía Đông Bắc của xã Năm N'Jang, du khách đã đến với khu du lịch sinh thái thác nước Lư Ly. Tại đây, du khách được đắm chìm trong vẻ đẹp của núi rừng và nghe âm thanh thác đổ, tiếng chim rừng hót, khẽ lung lay cành lá của muôn loài chim thú ... Đẹp như một bức tranh sơn thủy mà thiên nhiên ban tặng, quần thể thác Lư Ly nằm trong Khu du lịch sinh thái - văn hóa - lịch sử Nam Nung có tổng diện tích lên tới trên 5.000ha. Khởi nguồn dòng nước từ chân đỉnh núi Năm Nung uốn lượn, những dòng chảy của thác nước len theo các khe đá tạo thành bức tranh sơn thủy hữu tình. Đỉnh thác là suối nước trong xanh, chân thác là dòng nước chảy xiết cao trên 20m đổ xuống mặt hồ, tạo nên những bọt trắng xóa tan dần vào những mỏm đá trải dài, uốn lượn. Đến với thác Lư Ly du khách sẽ lạc vào chốn cảnh quan thiên nhiên diệu kỳ, hiền hòa, môi trường sinh thái trong lành, khám phá, chinh phục thiên nhiên hoang dã, tìm hiểu các giá trị về lịch sử, văn hóa của đồng bào dân tộc M'nông... Các giá trị đó được thể hiện qua những huyền thoại, truyền thuyết dân gian đầy tính nhân văn của người dân tộc bản địa và nó đang ngày càng được gìn giữ và phát triển thành điểm đến ấn tượng và khó quên đối với du khách. Ngoài ra nơi đây còn có quần thể nhiều loài thực vật, động vật phong phú, quý hiếm, đa dạng gắn liền với Khu bảo tồn thiên nhiên Năm Nung, thiền viện Trúc lâm Đạo nguyên Cuối dòng thác là các dãy đá trải dài, dưới bóng cây rừng xanh mát hòa cùng dòng khói nước từ thác nước đổ xuống, du khách có thể đi dọc theo dòng chảy của thác để ngắm cảnh núi rừng và cùng bên nhau ca hát, thưởng thức những ly rượu cần trên những tảng đá. Từ thiên nhiên hùng vĩ của núi rừng Tây Nguyên, đặc biệt sự mến khách của các dân tộc bản địa với chén rượu cần thơm ngon cùng với cơm lam dẻo thơm, du khách sẽ được thưởng thức những món ẩm thực của người dân bản địa. Bên cạnh việc vẫn giữ nguyên hiện trạng những gì vốn có do thiên nhiên ban tặng, bằng trí tưởng tượng phong phú của mình, con người đã tái tạo, chỉnh sửa để tạo cho nơi đây trở thành một khu du lịch đúng nghĩa. Không những giúp du khách có cơ hội cảm nhận được hết vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên mà còn

*thấy như mình được đón tiếp, phục vụ một cách chu đáo, nhiệt tình khi đặt chân đến đây...*

**[<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=1&ItemID=180&PublishedDate=2012-05-24T16:00:00Z>]**

**M. H. Đồi 722 – Đăk Săk / M.H. // <http://daknong.gov.vn/>.- 2012.- Ngày 27 tháng 11.**

*Đồi 722- Đăk Săk là một ngọn đồi có độ cao 722 m so với mực nước biển, diện tích khoảng 1km<sup>2</sup>, hiện tọa lạc tại Thôn Thỏ Hoàng 4, xã Đăk Săk, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đồi 722 là căn cứ biệt kích của Mỹ-ngụy và là nơi diễn ra trận chiến ác liệt của bộ đội chủ lực cùng lực lượng quân sự địa phương tiến công tiêu diệt căn cứ biệt kích vào ngày 22-23/8/1968. Từ chiến công oanh liệt đó, đồi 722-Đăk Săk đã được tỉnh Đăk Nông công nhận là Di tích lịch sử cấp tỉnh.*

**[<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?List=bf9e63c0-7840-4a74-ac30-a2642e526b88&ID=238&Web=3c870d4b-e589-4324-95aa-86243c804312>]**

**M. H. Hồ Ea Snô / M.H // <http://daknong.gov.vn/>.- 2011.- Ngày 29 tháng 9.**

*Ea Snô là một hồ nước tự nhiên có phong cảnh sơn thủy hữu tình còn hoang sơ thuộc xã Đăk Rô, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông. Ea Snô có diện tích mặt hồ hơn 80ha, là một thắng cảnh thiên nhiên kỳ thú. Đứng từ trên đỉnh đèo nhìn xuống, mặt hồ tựa chiếc gương bạc khổng lồ lấp lánh, được bao quanh bởi màu xanh của những ngọn đồi nhấp nhô, bóng xa xa là núi rừng hùng vĩ in xuống mặt hồ. Xung quanh bờ hồ là những cánh rừng đặc dụng với nhiều loại cây, loài thú hiếm: rắn, ba ba, khỉ, nai, heo rừng, trăn, khỉ và vô số chim muông về trú ngụ ... Khi đến đây, du khách sẽ được du thuyền trên mặt hồ để thưởng ngoạn cảnh đẹp hoang sơ của núi rừng, thả hồn theo làn gió mát rượi để xua tan những lo toan, vướng bận. Hoặc cũng có thể du thuyền từ cửa hồ này ra sông Krông Nô rồi xuôi về bên trái để xuống thác Gia Long, Đ'ray Sap hay ngược dòng để lên buôn Choah thăm quê hương của tù trưởng Nơ Trang Gưh. Bạn cũng có thể theo dòng Krông Nô qua dòng Krông Na để về hồ Lăk hay đến vùng Ea Rbine của Đăk Lăk. Ngoài việc du ngoạn cảnh hồ, thưởng thức các món ăn đặc sản của núi rừng, sông nước, du khách còn có thể đi tham quan các buôn làng nổi tiếng như buôn Ol, buôn Choah, buôn Leng, nơi lưu giữ nhiều truyền thuyết về hồ Ea Snô, thăm mảnh đất giàu truyền thống cách mạng của dân tộc M'Nông mà tận đến bây giờ vẫn*

còn lưu giữ nhiều bia mộ của những người Tây Nguyên yêu nước và nhiều di tích lịch sử, văn hóa vô cùng giá trị.

**<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=1&ItemID=204&PublishedDate=2011-09-29T17:00:00Z>**

**M. H. Hồ Tây - Đăk Mil / M.H // <http://daknong.gov.vn/>.- 2011.- Ngày 28 tháng 9.**

Hồ Tây nằm cách thị xã Gia Nghĩa 67 km về hướng đông bắc, cách thành phố Ban Mê Thuột 60 km về hướng tây nam, ngay trên Quốc lộ 14, con đường huyết mạch nối các tỉnh Tây nguyên với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông nam bộ; cách cụm thác Gia Long - Dray Sap - Dray Nur - Trinh Nữ 30 km theo đường tỉnh lộ 3; cách Vườn quốc gia Buôn Đôn 50 km theo Quốc lộ 14C; cách cửa khẩu Đăk Per đi tỉnh Moldunkiri – Vương quốc Campuchia 5 km về hướng đông. Nằm trọn trong lòng thị trấn Đăk Mil (quận Đức Lập xưa), Hồ Tây như một chiếc gương khổng lồ, sâu thăm thẳm, nước trong xanh ngắt. Là hồ nước bán tự nhiên, được các chủ đồn điền người Pháp tạo lập từ 45-50 năm trước để cung cấp nước cho các đồn điền cà phê; đến năm 1982, huyện Đăk Mil đã đầu tư nâng cấp, mở rộng mặt hồ để hồ Tây có dáng vẻ hôm nay. Hồ Tây có mặt thoáng 108 ha, chu vi hơn 10km, điểm sâu nhất của hồ khoảng 15-17 m, do không có nguồn nước các sông suối đổ vào mà chỉ có các mạch nước ngầm và nước mưa lắng đọng nên nước hồ Tây quanh năm trong xanh, sạch sẽ và chưa bao giờ cạn. Phía đông của hồ là khu vực trung tâm của thị trấn Đăk Mil, phía nam và tây nam hồ là rừng cà phê, ca cao bạt ngàn xanh biếc, trong lòng hồ có một bán đảo rộng 120 ha thơ mộng. Ngày nay, hồ Tây được huyện Đăk Mil quan tâm đầu tư công viên, đài phun nước quanh bờ, hồ cũng được kè đá, xây dựng đường dạo bộ, trồng cây bóng mát bao quanh, xung quanh hồ là những nhà hàng, những quán cà phê thơ mộng, những ngôi biệt thự vườn theo phong cách kiến trúc Pháp, Thái Lan hay Gothic, có dáng vẻ của một Hồ Xuân Hương – Đà Lạt, xứng đáng với tên gọi của Bí thư Tỉnh ủy dành cho thị trấn Đăk Mil là Garden City. Hồ Tây là địa điểm lý tưởng để đầu tư các khu resort, nhà hàng, khách sạn, vui chơi giải trí hay thể thao liên hợp vì chắc chắn Hồ Tây Đăk Mil sẽ là điểm nghỉ dưỡng, tham quan, dừng chân tuyệt đẹp, là điểm trung chuyển trung tâm của một loạt các danh lam thắng cảnh quanh vùng. Dừng chân hay nghỉ lại quanh hồ, được đắm mình trong không gian bao la của trời, hoa cà phê ngát hương của đất, mệnh mang tinh lạnh của mặt hồ, được viếng thăm khu di tích lịch sử Ngục Đăk Mil, được gặp gỡ những cư dân hiền lành, dễ thương và mến khách, thăm các nhà vườn xinh xắn ẩn hiện trong những vườn cây sum suê hoa lá, được thưởng thức ly cà phê chính

hiệu Đức Lập hay những trái bơ, xoài, sầu riêng đặc sản Đắk Mil, chúng ta như cảm thấy thư thái hơn, bình yên hơn và thêm yêu cuộc sống hơn bao giờ hết.

**[<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=1&ItemID=207&PublishedDate=2011-09-28T23:00:00Z>]**

**M. H. Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng / M.H // <http://daknong.gov.vn/>- 2011.- Ngày 27 tháng 9.**

*Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng thuộc 2 xã Đắk P'lao và Đắk Som, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Với diện tích 22.103 ha, trong đó 86,7% là diện tích rừng xanh đại ngàn. Đây là nơi lý tưởng cho các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, leo núi cho du khách. Tà Đùng là dãy núi cao nhất tỉnh Đắk Nông, với đỉnh cao nhất là 1.982m, nằm giữa cao nguyên Đắk Nông và cao nguyên Di Linh thuộc vùng địa lý sinh học Nam Trung Bộ, đây là điểm giao thoa về địa lý và sinh học giữa khu vực Nam Tây Nguyên và khu vực Miền Đông Nam Bộ. Tà Đùng là thượng nguồn của hệ thống sông Đồng Nai, có các dự án thủy điện Đồng Nai 3, 4 đang hoạt động tạo ra những hồ nước có diện tích khoảng 3.620ha mặt nước và hình thành nên 36 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có một số đảo có diện tích khá lớn thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái trên đảo. Đây cũng là khu vực có trên 1.000 loài động thực vật. Trong đó, nhiều loài có tên trong sách đỏ Việt Nam và thế giới. Đặc biệt, Tà Đùng là một trong bốn vùng chim đặc hữu, chứa tới 1/8 số loài chim của Việt Nam và là một trong 222 vùng chim đặc hữu trên toàn thế giới. Bên trong khu rừng là dòng suối Đắk N'teng chảy qua tạo thành hai ngọn thác hấp dẫn và kỳ bí. Đứng trên cao nhìn xuống những sườn dốc là các buôn làng của bà con xã Đắk P'lao, Đắk R'măng, Đắk Som còn lưu giữ nhiều giá trị truyền thống văn hóa đặc sắc nằm thấp thoáng trong mây mờ.*

**[<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=1&ItemID=211&PublishedDate=2011-09-27T16:00:00Z>]**

**M. H. Thác Đắk G'lun / M.H. // <http://daknong.gov.vn/>- 2011.- Ngày 27 tháng 9.**

*Thác Đăk G'lun nằm trên dòng suối Đăk R'tih, thuộc thôn 5, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Cách thị xã Gia Nghĩa 60 km và cách cửa khẩu Bu P'răng hơn 40km. Với diện tích 91,6 ha, thác Đăk G'lun tuyệt đẹp tung mình ở độ cao hơn 50m rồi được tẽ thành hai dòng nước treo lơ lửng trên vách đá trông rất quyến rũ. Chiều rộng thác khoảng 15m, độ dốc: 90<sup>0</sup>, chảy liên tục quanh năm, hơi nước tỏa ra trông giống như những hạt mưa phùn. Đến với Đăk G'lun là đến với cảnh non nước hữu tình. Bên trên dòng thác là những khối đá lớn và bằng phẳng tựa những tấm thảm trải rộng. Phía dưới chân thác là những mô đá lớn nhỏ nhấp nhô với muôn vàn dáng vẻ, tựa những vũ khúc điệu dàng. Khi mặt trời lên, những bụi nước lóng lánh làm thành những chiếc cầu vồng lúc ẩn lúc hiện. Thác Đăk Glun được bao bọc bởi hơn 1.000ha rừng đặc dụng nên hệ sinh thái ở thác rất đa dạng và phong phú. Bao bọc xung quanh thác là các loại cây có tán rộng và những bụi le rừng mát mẻ. Nơi đây còn có những bãi đất rộng và bằng phẳng để du khách cắm trại nghỉ qua đêm, hay để thưởng ngoạn mặt trời lên...Từ nhiều năm nay, dù nằm ở nơi khuất vắng, nhưng với vẻ đẹp hoang sơ và thơ mộng của mình, thác Đăk G'Lun đã cuốn hút và làm say lòng biết bao du khách.*

**[<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=1&ItemID=210&PublishedDate=2011-09-27T17:00:00Z>]**

**M. H. Thác Liêng Nung / M.H // <http://daknong.gov.vn/>.- 2011.- Ngày 26 tháng 9.**

*Thác Liêng Nung cách thị xã Gia Nghĩa 12 km theo đường quốc lộ 28 hướng đi tỉnh Lâm Đồng. Thượng nguồn của thác Liêng Nung bắt nguồn từ một nhánh sông nhỏ của hệ thống sông Đồng Nai, một trong những thắng cảnh thiên nhiên kỳ thú và hấp dẫn của tỉnh Đắk Nông hiện nay. Liêng Nung là điểm du lịch rừng nguyên sinh tuyệt đẹp của tỉnh Đắk Nông. Ngoài thác lớn nhất từ độ cao 30 m đổ xuống vực sâu tạo thành cột nước trắng xóa tạo nên những dải lụa mềm mại thướt tha đang trải rộng giữa đại ngàn, thác Liêng Nung còn có nhiều dòng thác nhỏ đổ xuống suối, quanh năm tung bọt trắng xóa. Men theo con đường mòn dẫn lên đỉnh thác, du khách được chiêm ngưỡng cảnh núi rừng trùng điệp, tiếng chim hót véo von và tiếng gầm vang của dòng thác đang tuôn trào xuống vực sâu. Dưới chân thác là một khoảng không gian mênh mông nước, đó đây nổi lên nhiều mô đá nhấp nhô tạo nên hàng trăm dòng chảy ra nhiều hướng, ở đây du khách có thể nghỉ ngơi, thư giãn ngay dưới những bóng cây cổ thụ sum suê cành lá. Quanh chân thác còn có các buôn làng người M'Nông, người Mạ vẫn lưu giữ nhiều nét văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa của người dân tộc bản địa, nơi thường diễn ra các lễ hội trình diễn cồng chiêng và múa hát, nơi có già*

*làng thường kể những câu chuyện cổ của người M'Nông về gốc tích tên thác Liêng Nung.*

**[<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=1&ItemID=212&PublishedDate=2011-09-26T15:00:00Z>]**

**Ngơ ngẩn với vẻ đẹp Đắk Nông / <http://daknong.gov.vn/>.- 2012.- Ngày 18 tháng 12.**

*Nằm cách thành phố Hồ Chí Minh 230km, ở phía tây nam Trung Bộ, đoạn cuối dãy Trường Sơn, trên một vùng cao nguyên khí hậu mát mẻ quanh năm, Đắk Nông là một nơi lý tưởng để du khách có thể tham quan và nghỉ dưỡng. Trong hành trình khám phá Tây Nguyên, không thể bỏ qua hàng loạt những ngọn thác hoang sơ, hùng vĩ hay rừng Nậm Nung huyền ảo, cao su bạt ngàn. Đến đây, du khách không chỉ cảm nhận được vẻ hoang sơ, bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp trước những ngọn thác hùng vĩ mà còn có thể du thuyền ra sông Krông Nô, xuôi về thăm dòng thác Đ'ray Sáp hay ngược dòng để lên Buôn Choah thăm quê hương tù trưởng Nơ Trang Gùh - người đã kiên cường cùng đồng bào đứng lên kháng chiến trong suốt 14 năm ròng (1900-1914), là một trong những cuộc kháng chiến lớn nhất ở Tây Nguyên thời bấy giờ. Từ Gia Nghĩa đi theo quốc lộ 14 hoặc tỉnh lộ 4, du khách đến với hệ thống ba dòng thác Dray Sáp, Gia Long, Trinh nữ nằm dọc sông Sêrêpôk. Không những là cụm thác nổi tiếng nhất Tây Nguyên, ba ngọn thác này còn lưu giữ những truyền thuyết đẹp và các câu chuyện tình yêu lãng mạn. Dòng thác khối Dray Sáp hùng vĩ nhất Tây Nguyên gắn liền với chuyện tình lãng mạn của đôi trai gái người dân tộc Ê Đê. Hơi nước tỏa mịn mù khiến cả khu vực thác mang vẻ đẹp rất riêng. Đó là những chiếc cầu vồng nhiều màu sắc, những chuyển động mờ ảo, những âm thanh không thực khiến du khách không khỏi liên tưởng đến chốn thiên cung. Dòng Trinh Nữ thì nhẹ nhàng, thơ mộng hiền hòa chảy dưới những phiến đá ngầm như bức tranh của thiếu nữ miền sơn cước khiến cho du khách cũng phải đắm say, nhìn ngắm. Nếu không thích những hình thức thư giãn mang tính hoạt động như cưỡi voi, câu cá, du khách có thể duỗi thẳng chân trong mái chòi lợp tranh hay chênh vênh trên những tảng đá nghe gió rừng nỉ non. Đặc biệt, với khí hậu đặc thù của xứ sở Tây Nguyên, đứng trên cao, nhìn xuống, du khách đã thu vào tầm mắt những sườn dốc uốn lượn, những ngôi nhà sàn thấp thoáng trong sương, trong mây. Ngoài rừng Nậm Nung, Đắk Nông còn có thảo nguyên Trảng Ba Cây thích hợp cho các hoạt động ngoài trời như cưỡi ngựa, săn bắn, cắm trại...*

*Hoa cà phê nở trắng khắp những sườn đồi đất đỏ Bazan cùng mùi thơm ngào ngạt giữa trời Tây Nguyên. Ta có thể tham quan những đồi cà phê chín đỏ, tận mắt chứng kiến kỹ thuật sơ chế những hạt cà phê của người dân và có thể tham quan những nhà máy chế biến cà phê nếu muốn. Đến đây vào đúng dịp diễn ra lễ hội mừng lúa mới của bà con người M' nong. Du khách sẽ được thưởng thức tiếng công, tiếng chiêng và những điệu múa đặc trưng của buổi lễ. Trong ngày này, bà con trong xóm làng đều có mặt, ai cũng góp phần đóng góp thức ăn của mình phục vụ buổi lễ như một chén rượu cần hoặc miếng thịt. Riêng cơm thì phải nấu bằng hạt lúa mới vào đầu buổi lễ hay cúng già làng.*

**[<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=1&ItemID=241&PublishedDate=2012-12-18T09:30:00Z>]**

**N.T. Căn cứ kháng chiến B4 - liên tỉnh IV / N.T // <http://daknong.gov.vn/>-  
2011.- Ngày 12 tháng 10.**

*Di tích lịch sử căn cứ kháng chiến B4 - liên tỉnh IV (1959 - 1975) tại Nậm Nung nằm trên địa bàn hai xã Nậm Nung (huyện Krông Nô) và xã Quảng Sơn (huyện Đắk G'long), tỉnh Đắk Nông. Căn cứ kháng chiến B4- liên tỉnh IV từng là địa bàn hoạt động an toàn của các cơ quan ban ngành, huyện uỷ, tỉnh uỷ, liên tỉnh; là nơi đưa đón các đồng chí lãnh đạo từ Trung ương vào thành lập chủ lực Miền, để chỉ đạo cuộc tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975. Đồng thời là hành lang chiến lược đưa sức người, sức của từ hậu phương ra tiền tuyến, đóng vai trò như bản lề nối Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ, miền Bắc với miền Nam. Ngày nay, di tích lịch sử căn cứ kháng chiến B4 - liên tỉnh IV nằm lọt giữa thảm rừng nguyên sinh, với những cây cổ thụ như ôm áp và che chở các dấu tích của một thời lịch sử oai hùng. Quần thể khu di tích bao gồm hai địa điểm: Địa điểm Tỉnh uỷ B4, Liên tỉnh IV và địa điểm Tỉnh đội B4. Khu căn cứ Tỉnh đội nằm ở chân đồi Yok K'Lé Lay. Vành đai ngoài khu vực Tỉnh đội hiện tại vẫn còn những vết tích hầm, hào hình chữ Z, bếp Hoàng Cầm và những dấu tích địa dư mà các chiến sỹ trước đây phát rẫy trồng màu (lúa, ngô, khoai, sắn...). Vào bên trong vành đai là trung tâm của Tỉnh đội (1968-1971), nơi đây như một quần thể kết cấu của nhà và hầm nối tiếp nhau. Từ trên đồi đi xuống vẫn còn vết tích hầm của Tỉnh đội, có độ dài 2,5m, rộng 0,9m. Hầm làm theo kiểu chữ Z để tiện cho việc đi lại - một cửa vào và một cửa ra. Tiếp đến là căn nhà ở và làm việc từ 1968-1969 của đồng chí Bùi Đức Thành (Năm Nhân) - Tỉnh đội trưởng, và sau đó là đồng chí Nguyễn Văn Thanh, Tỉnh đội trưởng ở và làm việc từ 1969-1971. Ngược dòng chảy của con suối Đắk Đ'Rouk khoảng 1 km là tới căn cứ của Liên tỉnh IV và Tỉnh uỷ B4, thuộc địa bàn thôn 2, buôn Ja Rah, xã Nậm Nung (Krông Nô), di tích hiện còn là một nền đất hình*

chữ nhật, có diện tích 13,5m<sup>2</sup>, độ sâu so với mặt đất 0,15m, bốn bên là tre nứa bao trùm, nơi trước đây là căn nhà của Tỉnh ủy B4 và Liên tỉnh IV đóng và làm việc. Tháng 10/1960 Liên tỉnh IV tách văn phòng Tỉnh ủy B4 xây dựng văn phòng riêng. Tại địa điểm này, có thể dễ dàng quan sát thấy nền nhà Tỉnh ủy nằm tựa lưng vào hai tảng đá lớn phủ đầy rêu xanh bên lề con suối (phụ lưu phía nam suối Đắc Đ'Rouk). Trước đây nhà là nơi ở và làm việc của đồng chí Trần Phòng (Bảy Biên) - Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Quảng Đức, nền nhà có diện tích 12m<sup>2</sup>, làm bằng gỗ, lợp lá mây hai mái, mặt hướng về phía Bắc. Nằm về phía Tây Bắc khoảng 30m là căn hầm tự nhiên trong vách đá, phía trên hầm được phủ một tầng đá lớn, có sức chứa từ 8 đến 10 người, mặt hầm hướng về phía Bắc nằm cạnh kề phụ lưu suối Đắc Đ'Rouk (nhánh phía bắc) về hướng Đông chừng 50m, là ngọn thác Len Lep Pêl, có độ cao từ 3,5 - 4m. Sau lưng nhà là đường mòn nhỏ, ăn thông với các bon phía Đông căn cứ, như bon Ja Rách, bon Jok Du, bon R'cập... Ngoài ra còn có Hội trường nằm tựa lưng vào dòng chảy của thác, có diện tích 84m<sup>2</sup>, làm bằng gỗ, lợp lá mây, hai mái nơi đã tổ chức Đại hội Tỉnh ủy tỉnh Quảng Đức lần thứ nhất (5-9-1969). Ngoài khu vực căn cứ Tỉnh ủy B4 và Liên tỉnh IV, Khu di tích còn địa điểm huyện ủy Đắc Mil đóng. Theo hướng Tây Nam qua suối Đắc Đ'Looung chừng 50m là đến bếp Hoàng Cầm và hội trường của Huyện ủy Đắc Mil (cuối năm 1968 sau khi tỉnh Quảng Đức chuyển xuống phía Nam Nam Nung, Huyện ủy Đắc Mil chuyển về đây, đến năm 1973 chuyển ra suối Đắc P'ri). Cũng như căn cứ của Liên tỉnh IV và Quảng Đức (B4) ở suối Đắc Đ'Rouk, hiện nay nhà và bếp Hoàng Cầm không còn nữa, nhưng nền bếp vẫn còn nguyên vẹn, nằm cách hội trường Huyện ủy 4,5m về hướng Đông Nam, có diện tích 4m<sup>2</sup> (2m x 2m), độ sâu 0,15m so với mặt đất. Đi về hướng Tây Bắc 4,5m là nền hội trường Huyện ủy, có diện tích 22m<sup>2</sup> (5,5m x 4m), sâu 0,1m, mặt hướng về phía Tây Nam (suối Đắc R'Looung). Có thể nói, Khu căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV giữ vai trò vừa là tiền tuyến vừa là hậu phương, là nơi xây dựng lực lượng cách mạng và tham gia sản xuất cung cấp lương thực, thực phẩm cho tiền tuyến, cho các vùng khác để cứu đói. Đồng thời cũng là nơi tổ chức các trận đánh lớn ngay trên địa bàn căn cứ, làm tiêu hao sinh lực địch, khai thông đường hành lang chiến lược, phục vụ đắc lực cho chiến trường miền Nam. Di tích lịch sử cách mạng Căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV là minh chứng khẳng định tình đoàn kết gắn bó keo sơn giữa các dân tộc anh em Kinh - Thượng; khẳng định sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong việc tổ chức bộ máy lãnh đạo các cấp, xây dựng được thể trận lòng dân, tranh thủ sự nhiệt tình ủng hộ của quần chúng nhân dân với cách mạng trong điều kiện hết sức khó khăn. Đồng thời di tích là nơi giáo dục truyền thống yêu nước, yêu độc lập tự do cho các tầng lớp nhân dân các dân tộc, tình đoàn kết gắn bó keo sơn giữa các dân tộc anh em, truyền thống yêu nước xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Không chỉ có ý nghĩa về mặt lịch sử, di tích lịch sử cách mạng Căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV còn có ý nghĩa về mặt du lịch sinh thái với môi trường tự nhiên đa dạng, phong phú.



Cả khu di tích như nằm lọt thỏm giữa màu xanh của những ngọn núi cao, thảm rừng nguyên sinh bạt ngàn, tới đây du khách có thể được tận hưởng không khí trong lành, tắm mát trên dòng suối, nằm nghe tiếng chim hót, tiếng róc rách của con suối Đắc P'Rí, Đắc R'Looung. Tại đây, vẫn còn lại nhiều loại động vật quý hiếm như: Trăn gió, đại bàng, lợn, na, mè, gấu, khỉ, trâu... và nhiều loại thực vật như: Chò xốt, dầu đỏ, trắc, kiền kiền, sao, ... Trong quần thể di tích còn có những ngọn núi cao, thảm rừng nguyên sinh bạt ngàn xanh biếc, được bao bọc bởi các dòng suối, những ngọn thác nhỏ thơ mộng, làm tăng thêm vẻ đẹp huyền bí của đất Tây Nguyên hoang sơ. Bên cạnh đó, ẩn mình dưới những dãy núi cao hùng vĩ là các bon làng với dân cư chủ yếu là người dân tộc M'Nông, Mạ mang đậm nét văn hóa truyền thống độc đáo người bản địa. Quần thể Di tích lịch sử căn cứ kháng chiến B4 - liên tỉnh IV đã được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là di tích cấp Quốc gia tại ngày 17/3/2005. Cùng với những giá trị về mặt lịch sử, ý nghĩa về mặt địa chất và sinh thái - văn hóa, nơi đây là điểm đến lý tưởng thu hút sự quan tâm của du khách với vẻ đẹp tự nhiên sẵn có bên cạnh những truyền thống văn hoá độc đáo, lâu đời của các bon làng người M'Nông. Đây thực sự là một trong những tiềm năng phát triển lịch sử - văn hoá - du lịch - kinh tế của tỉnh Đắk Nông nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

**<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=2&ItemID=200&PublishedDate=2011-10-12T21:00:00Z>**

**N.T. Di tích Anh hùng N'Trang Gul / N.T // <http://daknong.gov.vn/>.- 2011.- Ngày 12 tháng 11.**

Tù trưởng N'Trang Gul, tên thật là Y Gul H'Đók, là người dân tộc Ê Đê, sinh khoảng năm 1845, tại buôn Choáh Kplang, một buôn của nhóm Êđê Bih khu vực bờ sông Krông Nô. Tại đây, ông đã kiên cường cùng đồng bào đứng lên kháng chiến chống Pháp trong suốt 14 năm ròng (1900-1914), là một trong những cuộc kháng chiến lớn nhất ở Tây Nguyên thời bấy giờ. Để ghi dấu những chiến công lẫy lừng của người tù trưởng buôn làng người Ê đê N'Trang Gul, người anh hùng của các dân tộc Tây nguyên trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, ngày 02/8/2011 Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch công nhận nơi đây là di tích lịch sử cấp quốc gia.

**<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=2&ItemID=199&PublishedDate=2011-10-12T22:00:00Z>**

**N.T. Di tích Anh hùng N'Trang Long / N.T // <http://daknong.gov.vn/>.- 2012.- Ngày 27 tháng 11.**

*Khu di tích lịch sử về phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của đồng bào M'Nông do tù trưởng N'Trang Long lãnh đạo (gồm Đồn Buméra và Đồn Bu Nor) nằm trên địa bàn xã Đắc R'tih và xã Đắc Buk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông đã được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 04 /2007/QĐ-BVHTTDL, ngày 27/8/2007. Cách đây hơn 70 năm, chính tại nơi này, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của người M'Nông dưới sự lãnh đạo của tù trưởng N'Trang Long kéo dài liên tục từ cuối năm 1911 đến đầu năm 1935 đã để lại một trong những trang sử chói lọi về lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết đấu tranh giành độc lập của đồng bào các dân tộc trên vùng đất Tây Nguyên anh hùng. N'Trang Long tên thật là Long, sinh khoảng năm 1870 tại Buôn Bupar, một làng M'nông Biệt dưới chân núi Nam Drôn thuộc khu vực suối Đắc Nha, phía bắc cao nguyên M'nông. Cuộc khởi nghĩa của các đồng bào dân tộc thiểu số chống thực dân Pháp xâm lược kéo dài 24 năm (1911 – 1935) do thủ lĩnh N'Trang Long đứng đầu bị kẻ thù đàn áp, dập tắt. Nhưng ý chí kiên cường, tinh thần đoàn kết các dân tộc trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung của N'Trang Long và nghĩa quân đã khích lệ các thế hệ người M'Nông, Stiêng, Ê đê, Mạ, Chăm, Kinh, K'ho ở Đắk Nông, Krông Nô, Đắc Mil... kế tiếp nhau đứng lên chống bọn xâm lược và tay sai. Thân thế và sự nghiệp của anh hùng N'Trang Long là trang lịch sử đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam trước khi có Đảng; là sự nối kết giữa đồng bào các dân tộc Tây Nguyên với công cuộc giải phóng khỏi ách áp bức bóc lột của thực dân Pháp trên cả nước và khối đại đoàn kết các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.*

**<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=2&ItemID=237&PublishedDate=2012-11-27T10:50:00Z>**

**N.T. Di tích lịch sử Ngục Đắc Mil / N.T // <http://daknong.gov.vn/>.- 2011.- Ngày 4 tháng 10.**

*Di tích lịch sử Ngục Đắc Mil hiện nay thuộc địa phận Thôn 9A, xã Đắc Lao, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông. Lịch sử Ngục Đắc Mil gắn liền với di tích lịch sử Nhà đày Buôn Ma Thuật, một di tích Quốc gia đã được công nhận ngày 10/7/1980. Khi thực dân Pháp rời tỉnh lỵ Đắc Lắc từ Buôn Đôn về Buôn Ma Thuật năm 1904, chúng đã cho xây ngay một trại giam ở Buôn Ma Thuật. Năm 1940, do số lượng tù chính trị tại Nhà đày Buôn Ma Thuật ngày càng đông và để phục vụ thi công tuyến đường xuyên qua cao*

nguyên M'Nông, thực dân Pháp lập thêm một nhà ngục ở Đăk Mil. Ngục Đăk Mil được xây dựng trên một khoảnh đất nhỏ trong khu rừng già gần trung tâm Đại lý Đăk Mil (tên huyện Đăk Mil lúc bấy giờ), gồm có 9 gian, bao quanh bằng một hàng rào gỗ chông khít nhau và dây thép gai bên ngoài. Bên trong có 2 dãy sàn gỗ làm chỗ ngủ cho tù nhân và một lối đi ở giữa, có đủ cùm chân, xiềng tay. Ngục Đăk Mil giam giữ một phần tù nhân chuyển từ Nhà đày Buôn Ma Thuột tới. Đầu tháng 11/1941, đoàn tù đầu tiên bị đày tới ngục Đăk Mil gồm 45 tù nhân. Sau đó, số tù nhân dần tăng lên 120 người. Tại đây, ngoài công việc lao dịch nặng nề, dưới những trận roi tàn bạo của cai ngục, anh em tù nhân còn phải sống trong khí hậu của một vùng “rừng thiêng nước độc”. Ngoài giờ đi làm, tối về ngủ, tù nhân phải tra chân vào cùm và có lính khổ xanh canh gác. Gần 3 năm tồn tại, Ngục Đăk Mil đã từng là nơi giam giữ một số chiến sỹ cách mạng ưu tú như: Đồng chí Nguyễn Tạo – Nguyên Tổng Cục trưởng Tổng cục Lâm Nghiệp; đồng chí Hoàng Anh – Nguyên Bộ trưởng Bộ Tài chính; Đ/c Võ Bẩm – Thiếu tướng, nguyên Trưởng đoàn Binh đoàn Trường Sơn năm 1959; đồng chí Trần Hữu Dực – Nguyên là Phó Thủ tướng Chính phủ... Ngục Đăk Mil là dấu tích tội ác của thực dân Pháp xâm lược đối với nhân dân Việt Nam còn tồn tại trên mảnh đất Đăk Nông. Ngục Đăk Mil còn là địa chỉ đồ phản ánh ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất của các chiến sỹ cách mạng, dù bị kẻ địch hành hạ cả về thể xác lẫn tinh thần vẫn hiên ngang khí tiết kiên trung, thà chết chứ không nao núng, không đầu hàng trước kẻ thù hiểm ác. Nơi đây còn là bằng chứng của sự thất bại nặng nề trong việc mở rộng mạng lưới cai trị vùng đồng bào M'Nông của thực dân Pháp. Từ đây, ánh sáng và lý tưởng cách mạng đã đến với vùng Tây Nguyên xa xôi, dìu dắt nhân dân các dân tộc địa phương tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa 1945 thành công, là cơ sở và tiền đề cho đại thắng mùa xuân năm 1975. Ngục Đăk Mil đã khẳng định tình đoàn kết giữa các dân tộc anh em trong nước, giữa miền ngược và miền xuôi, giữa đồng bào Kinh – Thượng, nhất là trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trải qua một thời gian dài, nhà ngục Đăk Mil đã bị đổ nát và trở thành phế tích. Sau nhiều đợt xác minh, sưu tầm các hiện vật và tìm gặp các tù chính trị còn sống, năm 2004 hồ sơ khoa học lịch sử ngục Đăk Mil được xây dựng hoàn thiện và năm 2005 được Bộ Văn hoá – Thông tin xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia. Ngày 31/12/2010, sau hơn hai năm tiến hành trùng tu, tỉnh Đăk Nông đã hoàn thành việc khôi phục, xây dựng Di tích lịch sử quốc gia Ngục Đăk Mil tại thôn 9A, xã Đăk Lao (Đăk Mil). Toàn bộ di tích nằm giữa khu dân cư đông đúc với diện tích khoảng gần 1 ha, với 2 hạng mục chính là nhà ngục và nhà trưng bày các hiện vật. Nhà ngục đã được tái hiện lại với diện tích tương tự nhà ngục trước đây thực dân Pháp đã dựng nên, hiện vẫn còn nền móng cũ. Ngày nay, để đến được Di tích lịch sử Ngục Đăk Mil, du khách đến trung tâm thị trấn huyện Đăk Mil, ngay giao điểm của Quốc lộ 14 và Quốc lộ 14C, theo Quốc lộ 14C khoảng 01 km, đến Hồ Đăk Ken, rẽ phải khoảng 200m là chúng ta đến khu di tích, để mỗi chúng ta hiểu thêm chế độ hà khắc của nhà tù thực

dân, để ôn lại truyền thống bất khuất, kiên cường của các thế hệ cha anh đi trước và để càng yêu hơn, có trách nhiệm hơn đối với xã hội hôm nay.

**[<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=2&ItemID=201&PublishedDate=2011-10-04T22:00:00Z>]**

**Thác Bảy tầng trên núi Nậm Nung / <http://daknong.gov.vn/>.- 2011.- Ngày 24 tháng 11.**

*Khu bảo tồn thiên nhiên Nậm Nung là điểm dừng chân lý tưởng cho du khách mỗi khi muốn trở về với thiên nhiên hoang dã. Đường đến rừng Nậm Nung tuyệt đẹp với những cung đường đất đỏ uốn cong, dốc núi ẩn hiện, triền thông rì rào, không khí trong lành và vắng vẻ, khiến du khách như lạc vào chốn thiên thai cùng cảm giác bình an, thanh thản lạ. Đến Nậm Nung, du khách sẽ được thưởng ngoạn khung cảnh hoang sơ, yên tĩnh, non nước hữu tình, rừng nguyên sinh xanh ngắt, ngút ngàn, được đắm mình trong những dòng suối mát trong lành. Tới đây là du khách đã lên tới nóc nhà của tỉnh Đắk Nông với mái nhà bắc nghiêng về dòng sông Serepôk nhằm hướng tây thẳng tiến, với mái nhà nam nghiêng về thượng nguồn sông Đòng Nai ào ào thác đổ. Đỉnh ngọn núi cao nhất Nậm Nung cao hơn 1.500m, sẽ là điểm du lịch dã ngoại lý tưởng cho những ai thích khám phá và mạo hiểm, cho những ai thích được thu vào tầm mắt mình cả cao nguyên M'ông mênh mông, hùng vĩ. Thác 7 tầng bắt nguồn từ trên đỉnh Nậm Nung, hùng vĩ, hoang sơ và đẹp đến ngỡ ngàng. Giữa những cánh rừng nguyên sinh miền nhiệt đới, thác 7 tầng có dòng chảy trong xanh, len lỏi qua các vách đá, dưới những tán lá rừng xanh ngắt, bạt ngàn. Thế thác, màu của cây cỏ, nắng vàng khiến thác mang một nét đẹp thanh thoát, bình yên.*

**[<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=1&ItemID=196&PublishedDate=2011-11-24T10:00:00Z>]**

**Thác Trinh Nữ / <http://daknong.gov.vn/>.- 2011.- Ngày 4 tháng 10.**

*Huyền thoại kể rằng: Xưa có một người con gái Ê đê xinh đẹp, bị cha mẹ ép lấy một tù trưởng già giàu có. Nàng cương quyết chống lại nhưng không được, nên đã gieo mình xuống khúc sông này của dòng Krôngno để giữ trọn tình yêu với một chàng trai*

trong buồn. Cảm động với môi tình của cô gái, nơi nàng trầm mình, thân sông đã tạo nên những ghềnh đá lô nhô với hàng trăm hòn lớn, nhỏ, hình thù kỳ dị, khiến dòng sông chảy đến đây bỗng vắn mình uốn khúc. Nước xô vào các tảng đá, tung bọt trắng xóa, tạo nên những tiếng gầm réo ai oán, nghe như những tiếng khóc than, thương xót cho số phận nàng trinh nữ. Từ đó, dân làng gọi nơi này là thác Trinh Nữ. Trung tâm khu du lịch được xây dựng theo kiến trúc mang đậm bản sắc Tây Nguyên với những dãy nhà sàn bình dị, những ngôi nhà rộng rộng rãi, những hàng cây cổ thụ trầm mặc sum suê. Những con đường dốc cheo leo ẩn mình trong rừng đại ngàn và những hàng trúc xanh rì đưa du khách xuống thác. Tiếng nước chảy ầm ầm và tiếng ve râm ran tạo nên một bản nhạc kỳ diệu. Theo những bậc đá dẫn xuống dưới khoảng 100 m, trước mắt bạn sẽ hiện ra một quang cảnh hùng vĩ, nguyên sơ, kỳ ảo của một dải đá ngổn ngang, trải dài hàng trăm mét, chông chát dọc hai bên bờ suối. Bàn tay tài hoa của thiên nhiên đã để lại cho con người những tác phẩm điêu khắc bằng đá bazan tuyệt đẹp, với đủ hình thù kỳ lạ. Những khối đá tam giác lô nhô, thẳng đứng hay nghiêng ngả, những cụm đá trầm tư, riêng lẻ hay chụm vào nhau thành quần thể, những khối đá chồng lên nhau tạo thành những hang động quanh co, uốn lượn như những bức thành cổ. Rất nhiều những cột đá xám đen nhưng cũng có không ít những phiến đá trắng lố chỗ như san hô. Có cả đá xanh, đá vàng và những vạt đá đủ màu xen kẽ nhau óng ánh. Có những vạt đá xếp lớp như vảy cá, những miếng đá khác màu nằm khít bên nhau như mai rùa, những lớp đá hình sợi như rong biển. Trên những con đường mòn dọc bờ suối và giữa dòng Krôngno cũng có vô số tảng đá với nhiều hình thù kỳ dị: này là chú cóc phơi bụng trong nắng, kia là đôi chim đang cạ mỏ vào nhau, một bác hà mã nặng nề đang chậm chạp trườn lên bờ... Và rất nhiều cột đá nghiêng nghiêng soi bóng xuống dòng suối, suy ngẫm, tư lự. Cả bãi đá mênh mông ấy được che phủ, bao bọc bởi những tán rừng cổ thụ nguyên sinh xanh mướt. Đây đó bên bờ suối, khuất sau các lùm cây đại là những mỏm đá e ấp bao bọc nhau, âu yếm ôm nhau, tạo thành những khoảng không gian kín đáo, là chỗ hẹn lý tưởng cho các đôi trai gái. Sau khi đã thử sức trên những đoạn suối quanh co, nếu mỏi chân, bạn có thể nghỉ ngơi trên những cái chòi bằng gỗ, được treo trên những chạc cây cổ thụ um tùm. Tại đây, bạn có thể vừa nhâm nhi món bún thịt nướng thơm lừng, vừa phóng tầm mắt, ngắm những bãi đá mênh mông trên thượng nguồn hay những khu rừng xanh ngắt trải dài phía hạ lưu. Và, bạn sẽ biết rằng, ngay cả trong cuộc sống vô cùng bận rộn này, bạn vẫn có thể tận hưởng những ngày cuối tuần đẹp như một giấc mơ...

**<http://daknong.gov.vn/dukhach/ttdl/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=1&ItemID=203&PublishedDate=2011-10-04T21:00:00Z>**

**Khu du lịch sinh thái văn hoá cụm thác Dray Sáp - Gia Long - Trinh Nữ / <http://svhttdl.daknong.gov.vn/>.- 2013.- Ngày 23 tháng 4.**

Nằm trên địa bàn hai huyện Cư Júit và huyện Krông Nô, với diện tích khoảng 1.655 ha, cụm thác Dray Sáp - Gia Long - Trinh Nữ là nơi tổ chức tham quan lễ hành duy nhất tại Đắk Nông hiện nay. Từ thác Trinh Nữ đi khoảng 8km nữa là đến thác Dray Sáp và thêm 6 km là thác Gia Long (theo đường nội bộ nối liền giữa Dray Sáp-Gia Long). Cụm thác Dray Sáp - Gia Long - Trinh Nữ hiện ra như một bức tranh thủy mặc, huyền bí và hoang sơ, mỗi thác đều có dấu ấn riêng, gắn liền với sự hình thành tên gọi và vẻ đẹp của nó.

**Thác Dray Sáp - Danh thắng cấp quốc gia**

Với độ cao của thác khoảng 50m, trải dài 100m, có thể nói đây là ngọn thác đẹp và hùng vĩ nhất Tây Nguyên. Thác Dray Sáp theo tiếng tộc người Êđê có nghĩa là thác khói. Theo lời giải thích của người dân nơi đây sở dĩ thác có tên như vậy gắn liền với truyền thuyết nàng H'mi xinh đẹp khi đang ngồi tự tình với người yêu bên con thác thì bị quái vật nuốt chửng biến thành những cột khói khổng lồ, còn chàng người yêu ngày đêm ngồi bên bờ suối than khóc nàng đã biến thành một gốc cây lớn vươn cánh tay lên trời và cắm sâu vào ghềnh đá. Ngọn thác Dray Sáp âm âm tuôn trào suốt ngày đêm bên những vách đá sừng sững - bệ bám của hàng trăm loài dây leo như những con trăn dài khổng lồ nằm vắt vẻo lưng chừng núi. Xung quanh thác là khu rừng đặc dụng có giá trị sinh học cao. Thác Dray Sáp được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xếp hạng thắng cảnh cấp quốc gia năm 1991.

**Hùng vĩ thác Gia Long (thác Dray Sáp thượng)**

Nằm ở thượng nguồn của sông Sêrêpôk đoạn chạy qua tỉnh Đắk Nông nên thác Gia Long là ngọn thác hùng vĩ nhất trong hệ thống 3 thác: Dray Sáp, Gia Long, Trinh Nữ. Tương truyền vua Gia Long đã từng đến đây để nghỉ ngơi và chiêm ngưỡng. Cảnh thác là hồ tắm tiên rộng khoảng 80m<sup>2</sup> và một hang động tự nhiên rất đẹp. Sau một hành trình khám phá rừng đặc dụng và cảnh quan thác, du khách sẽ hoà mình với dòng nước trong xanh và mát mẻ tại hồ tắm tiên để thưởng thức nét đặc sắc riêng của núi rừng Tây Nguyên.

**Thác Trinh Nữ - Thiếu nữ miền sơn cước**

Nằm ở trung tâm thị trấn Ea T'ling, hạ nguồn sông Sêrêpôk. Không hùng vĩ như thác Dray Sáp, thác Gia Long, thác Trinh Nữ êm đềm, nhẹ nhàng ẩn mình dưới

*những tán đá bazan ngậm. Theo những con đường bằng đá uốn lượn quanh ngọn thác, du khách có thể nghỉ chân trong những chiếc chòi mái lá xinh xắn nghe kể câu chuyện về người con gái đã gửi thân mình vào dòng nước bạc khi chuyện tình yêu gặp nhiều trắc trở. Đặc biệt, nơi đây còn có di sản địa chất Trinh Nữ với những tảng đá bazan lớn có kết cấu như than đá, mang những hình thù kỳ dị. Đến với thác Trinh Nữ, du khách còn được thưởng thức các món đặc sản Tây Nguyên như cơm lam, thịt nướng, canh cá lãng với lá giang, ...do Trung tâm du lịch thác Trinh Nữ phục vụ; bàn ghế được làm từ gỗ với những hình dáng tự nhiên cũng tạo nên một cảm giác khá hấp dẫn. Nhà nghỉ cũng như toàn bộ các công trình được quy hoạch, thiết kế, xây dựng và trang trí theo kiểu nhà dài truyền thống của người Ê đê và M'ông ở Tây Nguyên. Di sản địa chất thác Trinh Nữ đang được Bảo tàng địa chất Việt Nam nghiên cứu, xây dựng thành Công viên địa chất.*

**[<http://svhttdl.daknong.gov.vn/TinTuc/dulich/Lists/Posts/Post.aspx?List=8550e510-f748-4610-9427-758635a34ba3&ID=39&Web=b2f220d1-fba9-42d7-a9f7-e7807a15d014>]**

## **C. MỘT SỐ DI TÍCH, DANH LAM THẮNG CẢNH CỦA TỈNH GIA LAI.**

**Biển Hồ (Hồ Tơ Nuêng) / <http://gialai.gov.vn/>.- 2013.- Ngày 7 tháng 12.**

*Nằm cách trung tâm thành phố Pleiku 6km về hướng Bắc. Biển Hồ, trước đây nguyên là một miệng núi lửa đã ngưng hoạt động cách đây hàng triệu năm, với diện tích khu vực 460 ha, trong đó diện tích mặt nước khoảng 250 ha và có độ sâu trung bình 15-18m. Dân trong vùng gọi Hồ là Biển và thế là có tên Biển Hồ. Hồ mang tên Tơ Nuêng - tên một làng cổ trong huyện thoại. Chuyện kể rằng: Làng Tơ Nuêng xưa to và đẹp lắm, dân bản sống yên vui hòa thuận, bỗng một hôm núi lửa ập tới lấp làng Tơ Nuêng, những người sống sót khóc thương làng mình và người thân mãi không nguôi, nước mắt chảy thành suối đổ về làng mà thành Hồ. Hồ giữ lại tên Tơ Nuêng, một kỷ niệm chung của bản làng,... Ngày 16/11/1988, thắng cảnh thiên nhiên Biển Hồ đã được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp bằng: Di tích danh thắng. Biển Hồ ngoài tác dụng trữ nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho dân cư thành phố Pleiku, nó còn tạo ra một vùng sinh thái rộng lớn. Đặc biệt là các di chỉ khảo cổ học được phát hiện tại Biển Hồ đã đem lại*

*một bộ sưu tập hiện vật phong phú, và là bằng chứng chứng minh lịch sử lâu đời của mảnh đất Gia Lai tươi đẹp và huyền bí... Theo đánh giá của các nhà chuyên môn, các chuyên gia địa lý, các nhà khảo cổ học thì nếu được đầu tư đúng mức Biển Hồ sẽ trở thành khu du lịch tổng hợp lý tưởng, bởi đây là một trong những tài nguyên du lịch có giá trị của khu vực Bắc Tây Nguyên.*

[ [http://gialai.gov.vn/Pages/glp-bienho\(hotonueng\)-glptourist-31-glpsite-5.html](http://gialai.gov.vn/Pages/glp-bienho(hotonueng)-glptourist-31-glpsite-5.html) ]

### **Cổng trời Mang Yang // <http://gialai.gov.vn/>.- 2013.- Ngày 11 tháng 12.**

*Người dân Gia Lai vẫn quen với tên gọi khá huyền thoại "Đèo Mang Yang" là Cổng trời (Mang tiếng Jrai có nghĩa là cổng-cửa, Yang tức là trời). Quãng đường đèo không dài nhưng độ dốc đứng tạo cho ta có cảm giác như lên với trời xanh, có lẽ vì đặc điểm này mà nó rất thích hợp với tên gọi đó. Nếu ai từng lên phố núi Pleiku theo quốc lộ 19 và lại vào 2 mùa mưa nắng đặc trưng của cao nguyên này chắc hẳn sẽ không ngỡ ngàng trước vẻ đẹp rất riêng, rất nên thơ của phong cảnh đèo Mang Yang. Nếu du khách đến vào mùa nắng sẽ như lạc vào rừng cúc quỳ vàng rực rỡ dọc theo đoạn đường lên đến đỉnh trời, và nếu là mùa mưa bạn càng không khỏi ngỡ ngàng trước làn sóng nhấp nhô của cỏ tranh đuối nhau trên sườn núi. Cảnh quan của Đèo Cổng trời vừa hùng vĩ vừa nên thơ đã để lại nhiều ấn tượng đẹp trong lòng du khách.*

[ <http://gialai.gov.vn/Pages/glp-congtroimangyang-glptourist-37-glpsite-5.html> ]

### **Đồi thông Đăk Pơ / <http://gialai.gov.vn/>.- 2013.- Ngày 11 tháng 12.**

*Đăk Pơ được thiên nhiên ưu đãi với một khu rừng thông tự nhiên và một thảo nguyên cỏ tranh đã tạo nên một địa danh hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước. Vùng đất này thường được gọi là "Đồi thông Đăk Pơ". Là một rừng thông tự nhiên hơn 40 năm tuổi, có mật độ khoảng 500 đến 600 cây/ha, đường kính cây khoảng 40 cm trở lên, cá biệt có một số cây có đường kính từ 1 m trở lên. Đồi thông nằm ở độ cao trung bình 1.150 m so với mực nước biển, có hệ thống suối chảy qua và nhiều thác nước lớn nhỏ tạo nên một quang cảnh tươi đẹp.*



**MỸ LỆ. Khám phá vẻ đẹp Vườn quốc gia Kon Ka Kinh / <http://vhtttdl.gialai.gov.vn/>.- 2012.- Ngày 27 tháng 4.**

*Vườn quốc gia Kon Ka Kinh của Gia Lai có tổng diện tích 42.057,3 ha, nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Gia Lai, cách thành phố Pleiku 50 km về phía Đông Bắc, thuộc địa bàn hành chính 6 xã của 3 huyện Kbang, Đăk Đoa và Mang Yang. Sở dĩ Vườn quốc gia có tên Kon Ka Kinh vì Kon Ka Kinh là đỉnh núi cao nhất trên cao nguyên Pleiku, được ví như “nóc nhà của tỉnh Gia Lai”. Nơi đây có nhiều điểm đến hấp dẫn như Đỉnh Đá Trắng, Bãi Nai, thác 95...rất thuận lợi phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Leo đến Đỉnh Đá Trắng ở độ cao 1.300 m so với mặt nước biển, du khách sẽ tận mắt chiêm ngưỡng vẻ đẹp hùng vĩ của những cánh rừng xanh kéo dài tít tắp trong cái se lạnh của khí hậu vùng cao. Đỉnh Đá Trắng là một khối đá gồ ghề được hình thành tự nhiên, màu trắng nhũ, điểm trang trên mình những chùm phong lan rừng nở hoa thơm ngát, đây là điểm dừng chân lý tưởng cho du khách nghỉ ngơi, thư giãn. Khu Bãi Nai cách Trung tâm quản lý Vườn quốc gia Kon Ka Kinh hơn 3 km theo lối mòn xuyên rừng, băng qua dòng suối H’ Ngoi nước trong vắt, mát lành. Đây là khu vực quy hoạch cứu hộ, nghiên cứu duy trì giống gốc, cung cấp nguồn giống gây nuôi động vật hoang dã. Do đặc điểm đa dạng về địa hình, khí hậu, nên vườn quốc gia Kon Ka Kinh có hệ thống động thực vật rất phong phú, đa dạng, nhiều chủng loại như vượn má hung, voọc chà vá chân xám, đặc biệt có loài khướu Kon Ka Kinh mới được phát hiện trong vòng 30 năm trở lại đây ở khu vực Châu Á. Đây cũng là nơi duy nhất ở Việt Nam có kiểu rừng hỗn giao giữa các loài cây lá rộng và lá kim, các loài cây quý hiếm như pomu, trắc, chò đũi, kim giao, cây thông 5 lá hàng trăm năm tuổi...và nhiều loại lan rừng như địa lan, lan kim tuyến...Không chỉ có hệ động thực vật phong phú, đa dạng và cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ, vườn quốc gia Kon Ka Kinh còn hấp dẫn du khách với hệ thống thác ghềnh tự nhiên tuyệt đẹp như thác 95, thác ba tầng, thác Đá...Thác 95 có độ cao khoảng 40m, dòng nước uốn lượn trên những tảng đá nhấp nhô trập trùng. Bên cạnh vùng đệm của rừng có các buôn làng của đồng bào dân tộc Bahnar, du khách có thể tìm hiểu về phong tục, tập quán của họ, hòa mình vào không khí của các lễ hội mang đậm bản sắc Tây Nguyên như lễ hội đâm trâu, lễ bỏ mả, mừng lúa mới, tục cưới hỏi...Được thiên nhiên ưu đãi với khí hậu mát mẻ, trong lành, nhiều cảnh quan đẹp, hệ động thực vật phong phú, vườn quốc gia Kon Ka Kinh hứa hẹn trở thành điểm du lịch sinh thái hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước đến tham quan, nghiên cứu.*

**[<http://vhtttdl.gialai.gov.vn/dulich/NoiDung/Kham-pha-ve-%C4%91ep-Vuon-quoc-gia-Kon-Ka-Kinh.aspx>]**

**NHỮ TRANG. Thác Phú Cường - “Dải lụa” vắt ngang núi rừng Tây Nguyên/ Nhữ Trang // <http://tingialai.vn/>.- 2014.- Ngày 9 tháng 3.**

*Được biết đến bởi vẻ đẹp tự nhiên vốn có cùng độ cao 45m, thác Phú Cường đã trở thành một địa điểm không thể bỏ qua của khách du lịch khi đến với núi rừng Tây Nguyên. Tại đây, du khách không chỉ được thưởng ngoạn vẻ đẹp hùng tráng của ngọn thác mà còn được hít bầu không khí rất trong lành. Cách thành phố Pleiku khoảng 45km về phía đông nam, thác Phú Cường nằm trong khu vực mỏ đá Phú Cường, thuộc địa phận xã Dun, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Thác Phú Cường chảy trên nền nham thạch của một ngọn núi lửa đã ngừng hoạt động. Dòng nước của thác bắt nguồn trên một ngọn núi, được đổ ra suối La Peet và chảy ra sông Ayun – nơi có công trình thủy lợi Ayun Hạ. Để có thể đặt chân xuống thác, du khách sẽ đi qua một hệ thống cầu thang dài vũng chắc được xây dựng bằng sắt. Đây cũng được coi là một điểm nhấn, cộng thêm vào sự hấp dẫn cho thác Phú Cường. Đi qua hệ thống cầu thang, vào những giây phút đầu tiên, du khách sẽ cảm thấy ngỡ ngàng khi nhìn chứng kiến hàng trăm phiến đá lớn nhỏ chồng chất lên nhau. Sau khi vượt qua một khoảng không gian rộng được chất đầy các phiến đá lớn nhỏ, cảm giác mệt mỏi của du khách dường như tan biến bởi dòng thác Phú Cường trắng xóa hiện ra trước mắt. Từ trên độ cao 45 m đổ xuống, thác giống như một dải lụa dài nhẹ nhàng vắt qua núi rừng Tây Nguyên. Dưới chân thác là một tảng đá rất lớn và được đan xen thêm những cây hoa, cỏ dại, ngược nhìn lên trên, du khách như có cảm giác được hòa mình vào dòng chảy của ngọn thác. Bên cạnh tiếng nước chảy ồn ào của thác Phú Cường, chỉ cần lắng mình một chút, du khách sẽ được thưởng thức bản âm thanh thú vị bởi sự pha trộn tiếng róc rách của dòng suối với tiếng chim hót gọi bầy bạn. Còn mang đậm vẻ đẹp hoang sơ, nên xung quanh ngọn thác Phú Cường là sự hiện diện của nhiều loại cây cổ thụ với đủ hình dáng khác khác. Như muốn được tắm mát trong dòng nước đầy bọt trắng, mà những loại cây ấy luôn hướng mình về phía ngọn thác. Một điểm đặc biệt không thể quên khi nói đến thác Phú Cường chính là sự xuất hiện thường xuyên của chiếc cầu vồng. Nhờ sự pha trộn của làn hơi nước lớn bốc lên, cùng những tia nắng chiếu qua khe đá mà dải cầu vồng huyền ảo đã hiện ra, điều này đã khiến cho mọi du khách trầm trồ thích thú. Nhờ vẻ đẹp hùng tráng cùng bầu không khí trong lành, Phú Cường luôn thu hút được đông đảo khách du lịch ghé thăm, đặc biệt là vào các ngày cuối tuần hay những dịp lễ tết.*

**<http://tingialai.vn/news/Du-lich/Thac-Phu-Cuong-Dai-lua-vat-ngang-nui-rung-Tay-Nguyen-11853/>**

**PHƯƠNG LINH. Đạo chơi thác Công Chúa / <http://tingialai.vn/>.- 2013.- Ngày 25 tháng 12.**

*Chạy dọc theo con đường đất của làng Mong, bỏ lại sau lưng khu nhà mồ, băng qua những cánh đồng lúa vàng óng với con đường đất trắng rợp bóng cây rừng xanh mát thác Công Chúa dần hiện ra. Càng đi tới gần thác, con đường càng hẹp và thưa dần bóng người để lại một không gian yên bình, tĩnh mịch. Từ trên cao nhìn xuống, thác như một dòng suối uốn lượn nhẹ nhàng qua các triền đá phẳng lặng. Không ào ào, tung bọt trắng xóa như các dòng thác hùng vĩ khác, thác Công Chúa êm đềm, yếu điệu như chính cái tên của nó. Giữa không gian hùng vĩ của núi rừng, dòng thác vẫn nhẹ nhàng, đằm thắm như một nàng công chúa đang khẽ hát du dương bằng điệu nhạc róc rách của tiếng nước lên kẽ đá. Từ phía trên, con nước trải rộng mơ màng qua những phiến đá phẳng lì rồi từ từ đổ xuống dưới, chỉ khẽ tung lên chút bọt trắng điệu đà rồi lại lặng lẽ theo dòng chảy mãi. Ánh nắng dát một lớp vàng mỏng óng ánh trên bề mặt nước. Thác chảy nhẹ nhàng đến nỗi những hàng cây xanh trên bờ vẫn có thể soi bóng mình trên mặt nước ấy...Nếu là người đầu tiên đến đây, hẳn du khách sẽ thắc mắc tại sao thác lại mang tên Công Chúa. Người làng Mong nghe ông bà mình kể lại rằng, từ ngày xưa, rất xưa, con thác này chính là nơi để công chúa tắm và người dân bình thường sẽ không được tới gần. Chính vì vậy, thác mang tên là thác Công Chúa. Theo thời gian, dòng thác trở thành tài sản chung của cả làng, nhưng cái tên Công Chúa thì vẫn còn như một cách lưu giữ lại nét thanh cao, trong sạch cho dòng thác điệu đà này. Ngày nay, sau khi đổ xuống thác, dòng nước tiếp tục len lỏi, theo các kênh mương chảy đến tận các ruộng lúa, ruộng bắp của dân làng, khoác lên chúng một màu xanh tươi mới... Nơi này cũng là nơi dừng chân nghỉ ngơi lý tưởng của dân làng trên quãng đường lên nương, lên rẫy,...Đối với những người thích khám phá, thác Công Chúa là một địa điểm khá thú vị cho một chuyến dã ngoại cuối tuần. Vẻ đẹp hoang sơ, thuần khiết, nhẹ nhàng của nơi nàng công chúa năm xưa từng tắm mình, đùa giỡn cùng dòng nước nhẹ nhàng sẽ là điểm đến níu chân du khách.*

**[<http://tingialai.vn/news/Gia-Lai/Gia-Lai-Dao-choi-thac-Cong-Chua-9523/>]**

**Thác Ya Ma - Yang Yung / <http://gialai.gov.vn/>.- 2013.- Ngày 7 tháng 12.**

*Cách thị trấn Kông Chro 3km, cách thành phố Pleiku 120 km về phía Đông, đây là hai thác nước được tạo bởi khúc gấp của sông Ba đoạn ngang qua thị trấn Kông Chro. Thác Ya Ma (còn gọi là thác nhỏ) có dòng chảy êm dịu, trên nền những bậc đá nối tiếp nhau, du khách đi bộ dọc theo chiều dòng chảy của sông khoảng 3 km sẽ gặp*

*một thác nước khác có cột nước cao hơn, như được nứt ra từ giữa dòng sông, tạo thành hai vách đá dựng đứng hai bên, đó là thác Yan Yung (còn gọi là thác lớn). Bên cạnh thác Ya Ma và thác Yang Yng còn có thác Ia Nhí thuộc xã Nhơn Hòa huyện Chư Sê, cách thành phố Pleiku 70km về phía Nam, được tạo bởi suối la Lốp, tuy không có độ cao bằng thác Phú Cường, song bề mặt của thác rộng, dòng chảy êm dịu. Đây là điểm du lịch sinh thái dã ngoại hấp dẫn, Công ty Dịch vụ - Du lịch tỉnh đã chọn khu vực thác Ia Nhí để mở tour du lịch cưỡi voi dã ngoại trong rừng và nghỉ ngơi picnic tại thác.*

**[<http://gialai.gov.vn/Pages/glp-thacyama-yangyung-glptourist-34-glpsite-5.html>]**

**VĂN PHONG. Bảo tàng Hồ Chí Minh nhánh Gia Lai / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.163.**

*Đến với Gia Lai, du khách không thể không ghé thăm bảo tàng Hồ Chí Minh (chi nhánh Gia Lai). Bảo tàng nằm ngay trong nội ô thành phố Pleiku, là nơi trưng bày các hiện vật có giá trị về cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đó còn có các hiện vật biểu thị lòng tôn kính của người dân các dân tộc Tây Nguyên với lãnh tụ của mình. Nơi đây cũng trưng bày các hiện vật thể hiện sự đoàn kết keo sơn của hai dân tộc Kinh – Thượng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Công viên Lý Tự Trọng / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.162+163.**

*Nằm ngay trung tâm thành phố Pleiku, có diện tích 6ha được xây dựng năm 1998 là nơi vui chơi của thanh thiếu niên Pleiku và là nơi thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thương mại như lễ hội, hội chợ thương mại, triển lãm. Nơi đây có một số mô hình vui chơi cho thiếu nhi như cầu trượt, hồ bơi, nhà rông...*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Hồ Ayun Hạ / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.162.**

*Là hồ nước nhân tạo nằm trên dòng sông Ayun Hạ. Hồ được hình thành khi dòng sông này được chặn lại để xây dựng công trình thủy lợi Ayun Hạ năm 1994. Hồ nằm trên địa bàn xã Chư A Thai, huyện Ayun Hạ, cách thành phố Pleiku 70km về phía Tây. Hồ phục vụ tưới tiêu cho 13.500 ha đất canh tác (chủ yếu là lúa 2 vụ). Diện tích mặt hồ rộng 37m<sup>2</sup> thích hợp cho việc tổ chức các hoạt động thể thao dưới nước, du thuyền phục vụ khách tham quan, dã ngoại.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Hà Nừng / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.162.**

*Nằm cách trung tâm thành phố Pleiku 150km về phía Đông, thuộc địa phận huyện K'Bang với 275.900km<sup>2</sup>. Khu bảo tồn Kon Hà Nừng là nơi có trữ lượng gỗ hơn 40 triệu m<sup>3</sup> và mang đặc trưng của khu hệ sinh thái nhiệt đới ẩm thường xanh. Khu bảo tồn có 2 tiểu khu: Kon Cha Răng và Kon Ka Kinh với tổng diện tích 160.000ha được coi là khu bảo tồn thiên nhiên đặc trưng của vùng rừng Đông Trường Sơn, là nơi sinh sống của nhiều loài động vật hoang dã quý hiếm như: Voi, hổ, báo, chồn dơi, sói đỏ, vượn đen... và nhiều loại gỗ quý. Rừng gồm nhiều tầng cây nguyên sinh, nhiều thảm thực vật xanh tốt quanh năm là nơi tham quan hấp dẫn cũng như nghiên cứu về động, thực vật nhiệt đới.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Khu du lịch Diên Hồng / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.162.**

*Khu du lịch Diên Hồng hay công viên Diên Hồng nằm trong nội ô thành phố Pleiku, cách bưu điện trung tâm Pleiku 1,5km về phía Nam. Công viên có diện tích 12,3ha trong đó có 2ha mặt nước được tạo hình đẹp mắt với cảnh quan hồ, rừng cây, chuồng thú, vườn cảnh, nhà hàng, lễ quán ven hồ...rất thích hợp cho du khách tản bộ vào buổi chiều hoặc đến đây uống cà phê, thưởng thức các món đặc sản Tây Nguyên.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Làng Đê Ktu – Làng truyền thống kiểu mẫu của dân tộc Bana / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.159-160.**

*Từ thành phố Pleiku, xuôi theo đường quốc lộ 19 khoảng 38km đến trung tâm thị trấn Kon Tầng (huyện Mang Yang, Gia Lai) rẽ vào chừng 1,5km nữa, du khách sẽ đến làng Đê Ktu – một làng truyền thống của người Ba Na. Làng có hơn 80 nóc nhà đều được làm theo kiểu nhà sàn truyền thống rất ấn tượng. Mỗi gia đình có từ 2-3 nhà sàn gồm nhà sàn lớn để ở, nhà sàn nhỏ hơn cho con cái nếu gia đình đông con, nhà sàn nhỏ ở chéch một bên hay ở gần ngõ vào nhà kho lúa. Theo phong tục của người đồng bào Ba Na, việc đem lúa về nhà cũng phải cúng thần lúa để hạt lúa biết đường về nhà và phải làm nhà đẹp thì lúa mới ở lại. Nhà nào khá giả hoặc quyền thế thì nhà sàn to và dài hơn những nhà khác. Ở giữa làng là một ngôi nhà rông cao vút khoảng hơn 10m tượng trưng cho sức sống cộng đồng của người Ba Na. Ngôi nhà này được làm hoàn toàn bằng gỗ quý và đã có tuổi đời hàng chục năm, đồng thời được gìn giữ qua nhiều thế hệ. Trong nhà rông còn lưu giữ được các đạo cụ truyền thống của người Ba Na như chiêng, trống, kèn, đàn và bếp lửa. Bậc thang bước lên nhà sàn được đẽo từ cây rừng theo hình dáng người phụ nữ Ba Na với bộ ngực căng tròn đầy sức sống. Phía ngoài sân (trong khuôn viên của nhà rông) là hàng chục cây Polang, có cây 2 người ôm không xuể - đây là một loại cây đã gắn bó với các sinh hoạt cộng đồng có ý nghĩa tượng trưng như cây đa trong các sân đình, làng của người Kinh ở đồng bằng. Theo hướng di chuyển của các cô gái, du khách cũng có thể đến được bến nước của làng nằm cách đó không xa để khám phá một phần cuộc sống thường nhật của người Ba Na qua trang phục của phụ nữ, qua hoạt động tắm gội, lấy nước bằng bầu gùi trên lưng về nhà... Từ năm 1994, làng Đê Ktu đã tổ chức ra một đội văn nghệ gồm 16 nam nữ thanh niên trong làng chuyên luyện tập, biểu diễn chiêng trống, múa xoan trong mỗi dịp lễ hội hay có khách du lịch nước ngoài đến thăm. Cùng với cụm 3 làng Đê Kóp, Đê Đoa và Đê Rol đây là 1 tour du lịch văn hóa Ba Na chính của công ty du lịch Gia Lai. Đến thăm làng Đê Ktu, du khách cũng có dịp biết thêm một ngọn thác mới ở Tây Nguyên – Thác Kon Tầng ở cách đó chừng 2km.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Làng kháng chiến Stor / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.160-161.**

*Cách thành phố Pleiku khoảng 70km về phía Đông, làng Stor thuộc xã Nam, huyện K'Bang gắn liền với cái tên đã đi vào lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ 20 và được coi như là biểu tượng của một Tây Nguyên bất khuất*

*gắn liền với tên tuổi của người anh hùng Núp. Trong lịch sử địa phương đã ghi: Trước cách mạng tháng 8/1945, anh hùng Núp đã chỉ huy thanh niên làng Stor tổ chức thành làng chiến đấu chống quân Pháp xâm lược giữ gìn buôn làng. Bằng những vũ khí thô sơ như cung tên, chông tre, bẫy đá... làng Stor đã tiêu diệt hàng trăm tên địch, nêu tấm gương sáng cho các dân tộc Tây Nguyên noi theo đứng lên giữ nước. Cuộc chiến đấu của dân làng đã được nhà văn Nguyễn Ngọc viết thành sách “Đất nước đứng lên” và cũng đã được dựng thành phim. Ngày 23/3/1993 làng Stor đã được Bộ Văn hóa Thông tin cấp bằng Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Làng văn hóa đồng xanh / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.158-159.**

*Từ trung tâm thành phố Pleiku, đi xe mô tô, ô tô theo hướng Quốc lộ 19, đến km số 10 thuộc địa phận xã An Phú, thành phố Pleiku là “Làng văn hóa Đồng Xanh”. Tới với làng văn hóa du khách sẽ gặp ngay cụm công trình kiến trúc dân tộc Bana độc đáo, là sự hòa hợp giữa không gian vật chất và không gian văn hóa của người miền Thượng. Tiếp đó là nhà rông, nhà dài, nhà sàn, nhà mồ, nhà đựng lúa, chuồng gà của người Jai rai, tất cả đều mang dáng dấp nguyên thủy và hoang sơ. Khu vườn tượng với hàng trăm bức do các nghệ nhân tài ba của dân tộc Ba na, Jai rai tạc nên, được sắp xếp logic từ cảnh sinh hoạt đến vẻ đẹp hình thể phụ nữ. Bên cạnh đó hoạt cảnh các loài thú gắn liền với cuộc sống hoang dã, săn bắn của các bộ tộc hiện lên thật sinh động. Những nghệ nhân đã thổi hồn vào các bức tượng chạm khắc làm nên sự trường tồn, sống động của nhiều thế hệ người bản địa. Giữa những mô hình văn hóa vật chất là một Đài cảnh được thiết kế công phu cao vút thể hiện cái hồn của nền nghệ thuật truyền thống Tây Nguyên. Tới đây du khách còn được thăm khuôn viên động vật như cá sấu, ngựa, chim, khỉ, đà điểu châu Phi... và các hoạt động vui chơi, giải trí gồm dịch vụ câu cá, biểu diễn ca nhạc nhẹ, ca nhạc dân tộc... Hấp dẫn và lôi cuốn du khách nhất vẫn là công viên nước: Một tổ hợp trò chơi thiếu nhi với thác nước 3 tầng, bánh xe nước, súng bắn nước, máng trượt xoắn...Tất cả đều có hệ thống nước chảy làm đà trượt, tạo cảm giác vừa êm ái vừa nhẹ nhàng. Ngoài ra, công viên nước còn có hòn non bộ cao 20m, có thác nước nhiều tầng chảy róc rách suốt ngày đêm. Nhiều loại cây kiểng cổ được tạo hình độc đáo như cây mai chiếu thủy 30 tuổi, được nghệ nhân khéo tay tạo thành rồng chín đầu, rôi hình dáng con Canguru, hình các loại tứ linh Long – lân – Quy – Phụng. Từ hoa, lá, cỏ, cây, khuôn viên đã trở thành vườn thượng uyển đẹp mắt và khắc đậm tính văn hóa. Làng văn hóa Đồng Xanh là trung tâm vui chơi, du lịch, giải trí mang bản*

sắc văn văn hóa Tây Nguyên, là điểm giải trí mới hình thành và hấp dẫn nhất tại Pleiku hiện nay.

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Pleiku – “Một Đà Lạt thứ hai ở Tây Nguyên” / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.156-157.**

*Nếu du khách đã từng biết đến một Đà Lạt đồi dốc thì sẽ rất thích thú với thành phố Pleiku đồi núi chập chùng và có khí hậu mát mẻ hơn so với Buôn Ma Thuột. Pleiku có được dáng dấp của một đô thị văn minh với hệ thống cây xanh, hè phố rộng rãi và nhất là có nhiều tượng. Trong đó, có tượng về người anh hùng Núp đặt trước rạp Diên Hồng, trước khách sạn Pleiku. Thành phố Pleiku xưa kia cũng có nhiều khu vực rừng thông 2 lá hiện hữu nhưng cùng với quá trình đô thị hóa những rừng thông đang mất dần và thành phố đang có kế hoạch trồng lại để tạo vẻ đẹp cảnh quan. Pleiku có 38 làng đồng bào dân tộc thiểu số sống trong và ngoài ô thành phố. Pleiku là điểm giao giữa quốc lộ 19 và quốc lộ 14 nối liền các tỉnh miền Trung với Tây Nguyên và 2 nước bạn Lào – Campuchia.*

**VN.017396**

## **D. MỘT SỐ DI TÍCH, DANH LAM THẮNG CẢNH CỦA TỈNH KON TUM.**

**TÂY THI. Khám phá làng Đăk Răng của đồng bào dân tộc Giê-Triêng ở Ngọc Hồi - Kon Tum / Tây Thi // <http://www.kontum.gov.vn/>.- 2013.- Ngày 7 tháng 11.**

*Từ thị trấn Plei Kần, dọc theo Quốc lộ 14 về hướng Bắc khoảng chừng 18 km tới địa phận làng Đăk Răng thuộc xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi để thăm làng Đăk Răng, đường vào làng đã được đổ bê tông nên du khách có thể tham quan bằng phương tiện ô tô. Làng Đăk Răng được biết đến như một địa điểm tham quan hấp dẫn với những nét văn hóa độc đáo của dân tộc Giê-Triêng còn lưu giữ đến ngày nay. Hiện nay, diện tích làng Đăk Răng khoảng 100 ha với khoảng 200 hộ gia đình và hầu hết là đồng bào dân tộc Giê-Triêng. So với các làng khác đóng trên địa bàn xã Đăk Dục có thể nói làng Đăk Răng là một làng văn hóa lâu đời còn lưu giữ nhiều lễ hội cũng như ngành nghề thủ công truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc nhất. Đặc biệt làng có những đoàn nghệ nhân nổi tiếng tham gia các lễ hội truyền thống trong và ngoài tỉnh,*



tại đây có thể thấy được quá trình chế tác các nhạc cụ truyền thống như: đàn Đinh tút, Ting Ning, sáo, ta-len, ta-lét, bìn, oòng-enh, pin-pui, Pờ-Run, To-rung. Dưới bàn tay khéo léo của các cô gái Giẻ-Triêng đã tạo nên những trang phục truyền thống hay tấm choàng... Hoa văn và màu sắc được tạo ra trong sản phẩm dệt đã tạo nên sắc thái riêng biệt trong trang phục của người Giẻ-Triêng, sản phẩm làm ra chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày, ngày trước thì họ dùng để trao đổi hàng hóa. Nhà sàn của người Giẻ-Triêng thường được dựng trên nền đất hình chữ nhật, sàn thường cách mặt đất từ 0,8 - 1m. Thông thường, ngôi nhà có chiều dài khoảng 15m, chiều rộng từ 6 - 10m. Diện tích ngôi nhà lớn hay nhỏ phụ thuộc vào số thế hệ và số thành viên sống trong gia đình. Thành phần chính để cấu tạo nên một sườn nhà của người Giẻ-Triêng cũng giống như người Kinh, gồm: cột, xuyên, trính, vì kèo, đòn tay, đòn dông... nhưng hình dáng, vị trí và kết cấu của từng bộ phận thì hoàn toàn khác nhau, thể hiện nét văn hóa độc đáo vừa truyền thống vừa tinh tế của cộng đồng. Để làm hoàn thành một ngôi nhà, đồng bào nơi đây phải sử dụng ít nhất 200 đến 250 bó tranh lợp (mỗi bó gồm nhiều mớ, nặng khoảng 20kg) và trên dưới 20m<sup>3</sup> gỗ. Mái nhà hình mai rùa, hai đầu đốc được trang trí bằng hai sừng trâu là hai nét đặc trưng trong kiến trúc nhà sàn của người Giẻ-Triêng. Nhà sàn dài của người Giẻ-Triêng cách bố trí trên mặt bằng sinh hoạt còn có hình thức như: giữa là một hành lang dùng làm lối đi, hai bên là nơi dành cho các hộ gia đình. Trang trí và sắp đặt các vật dụng sinh hoạt trong một ngôi nhà truyền thống của người Triêng luôn tuân thủ nghiêm ngặt theo nguyên lý “Đông-Tây”. Đồng bào quan niệm hướng Đông là hướng quan trọng nhất (là hướng gốc). Theo quan niệm của họ, hướng Đông gắn liền với ánh nắng mặt trời tỏa đi khắp các hướng khác sưởi ấm cho các thần linh, vạn vật của núi rừng để cây cối hoa màu luôn tốt tươi, tạo ra của cải dồi dào, đem lại hạnh phúc cho mọi người dân. Theo truyền thống, nam giới người Giẻ-Triêng để tóc ngắn hoặc đội khăn chàm theo lối chữ nhất trên đầu, có xâu lỗ tai, đeo hoa tai bằng gỗ quý, bằng tre ngà hoặc bằng ngà voi và xăm mình với những đường nét hoa văn hình học khá đơn giản. Ngoài ra đàn ông Giẻ-Triêng còn mặc khố, ở trần, trời lạnh thì mặc thêm tấm áo, khoác ngoài chéo qua vai, màu chàm có các sọc trang trí. Khố của người Giẻ-Triêng là loại khố hẹp, dài không có tua, thân và các mép khố được viền và trang trí hoa văn ở hai đầu trên nền chàm. Nam cũng đeo vòng cổ, vòng ngoài khố mang chuỗi hạt vòng. Trong các dịp lễ, tết, họ mang thêm tấm choàng rộng màu chàm có các sắc màu trang trí phủ kín thân. Trong khi đó, phụ nữ Giẻ-Triêng thường để tóc dài, quấn sau gáy. Họ không mang áo mà mang loại váy dài cao sát nách. Đây là loại váy ống tương đối dài rộng. Đầu váy giữa thân và gấu váy được trang trí các sọc hoa văn màu đỏ trên nền chàm. Lối mặc có tính chất vừa váy, vừa áo này là một đặc điểm rất khác biệt của phụ nữ Giẻ-Triêng ít gặp ở các dân tộc khác từ Bắc vào Nam, rất cổ truyền và cũng không kém phần hiện đại. Đây cũng là một lý do trang phục Giẻ-Triêng được chọn vào "Làng văn hóa các dân tộc" và tham gia vào các

cuộc thi “Trang phục dân tộc”. Cũng như nhiều dân tộc khác, phụ nữ Giẻ-Triêng làm đẹp bằng nhiều loại trang sức như vòng bạc, đồng, chuỗi cườm, đeo cổ tay, chân và tai. Đối với tầng lớp phụ nữ khá giả, họ thường đeo hoa tai bằng ngà voi. Ngày nay, quá trình phát triển kinh tế đã ảnh hưởng tới trang phục truyền thống của đồng bào Giẻ-Triêng, đặc biệt là trang phục của người Việt (dân tộc Kinh) đã thâm nhập đến tận các làng bản xa xôi hẻo lánh. Trong sinh hoạt đời thường, người dân tộc Giẻ-Triêng ăn mặc đơn giản nhưng trong các dịp lễ hội quan trọng, trang phục cổ truyền vẫn được họ trình diễn và ưa chuộng. Lễ ăn trâu là lễ hội lớn của dân tộc Giẻ-Triêng nói riêng và đồng bào Tây Nguyên nói chung, các nghi thức diễn ra trong lễ hội chứa đựng khát vọng về cuộc sống ấm no, thịnh vượng, mùa màng bội thu không những vậy nó còn thể hiện tính cộng đồng rõ nét, đặc trưng văn hóa của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Lễ mừng năm mới được tổ chức hàng năm vào tháng 12 âm lịch những người trong nhà dậy sớm, chủ nhà làm gà và ché rượu cần để cúng Giàng đã phù hộ cho gia đình một năm yên bình và cầu mong Giàng phù hộ một năm mới nhiều may mắn. Sau đó, tập trung cả gia đình lại, cùng ăn bữa cơm đầu năm rồi lần lượt đi thăm từng gia đình trong làng. Lễ mừng năm mới phát huy tinh thần đoàn kết của cộng đồng làng, các thành viên trong làng đi xa có dịp để quay về làng. Lưu giữ bản sắc văn hóa của cộng đồng làng và tính dân tộc. Năm mới với những hy vọng mới, niềm vui mới bắt đầu. Với những nét văn hóa đậm chất dân tộc nêu trên, hy vọng rằng làng Đăk Răng sẽ trở thành địa điểm văn hoá thu hút được nhiều du khách đến nghiên cứu, tìm hiểu và tham quan.

**<http://www.kontum.gov.vn/ttdl/default.aspx?Source=/ttdl&Category=Tin%20t%E1%BB%A9c%20du%20l%E1%BB%8Bch&ItemID=122&Mode=1>**

**VĂN PHONG. Cầu treo Kon Klor – Làng du lịch văn hóa Kon Kotu / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.192.**

Cầu treo KonKlor ở làng Konklor, thị xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum . Cây cầu nối liền hai bờ sông Đăk Bla huyện thoại. Đến đây du khách có thể ghé thăm làng dân tộc Ba Na Kon Klor ở hữu ngạn dòng sông, uống rượu cần với họ rồi lên đường vượt dòng sông qua cầu treo để đến một vùng đất phù sa trù phú. Đó là những vườn chuối, vườn cà phê và các loại cây ăn quả. Vượt qua con đường quanh co khoảng 6km, du khách sẽ đến làng Kon Kotu, một làng dân tộc Ba Na còn giữ nguyên được nét sinh hoạt và cảnh vật thiên nhiên hoang sơ. Làng du lịch văn hóa Kon Kotu có nhà rông cao, đẹp. Du khách sẽ được thỏa mãn nhu cầu ngủ lại qua đêm, tham gia các sinh hoạt giao lưu văn hóa, uống rượu cần, nghe kể Khan bên bếp lửa bập bùng cùng người dân bản địa. Khi

*từ biệt làng trở về, chắc chắn du khách sẽ thấy hài lòng và những món quà lưu niệm do bàn tay khéo léo của người dân ở đây làm bằng vật liệu từ núi rừng.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Di chỉ khảo cổ học Lung Leng / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.191-192.**

*Di chỉ khảo cổ học Lung Leng nằm ở thôn Lung Leng, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy tỉnh Kon Tum. Qua khai quật bước đầu đã làm tái hiện một xã hội Tây Nguyên thời tiền sử. Lung Leng là di chỉ có tầng văn hóa nguyên vẹn phản ánh các giai đoạn phát triển cơ bản từ thời đại đá cũ đến thời đá mới, qua thời kỳ kim khí, thậm chí cả thời kỳ trung đại. Dấu tích cư dân hậu kỳ đá cũ đã được tìm thấy trong lớp đất laterite hóa ở dưới độ sâu 1,4-1,6m với những công cụ ghè đẽo thô sơ, kích thước lớn làm từ cuội thạch anh hoặc đá Bazan như các công cụ mũi nhọn, công cụ chặt rìu lưới dọc, công cụ nạo hình mũi bươi... Kết quả phân tích niên đại cho thấy lớp đất này tương ứng với thời kỳ Cách tân (pleistocene) cách đây trên một vạn năm. Ngay lớp đất trên là vết tích văn hóa hậu kỳ đá mới – sơ kỳ kim khí, tương ứng với niên đại Toàn tân (holocen), từ 2000 đến 4000 năm trước. Đây là nơi tập trung với mật độ cao nhiều loại hình di vật, di tích như rìu bôn đá mài toàn thân, bàn mài, hòn ghè, hòn nghiền, đồ gốm, than tro, lọ nung, mộ táng.... Qua khai quật hàng loạt giới khảo cổ học đã tìm thấy di cốt và dấu vết vỏ trấu, cho thấy tục táng người chết của cư dân cổ, đồng thời xác nhận nghề trồng lúa đã xuất hiện rất sớm tại Tây Nguyên. Những phát hiện bước đầu ở di chỉ khảo cổ học Lung Leng đã được giới nghiên cứu khảo cổ đánh giá cao. Mới đây, thủ tướng Chính phủ đã có quyết định giao cho Trung tâm nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia phối hợp với Bộ khoa học - Công nghệ và Bộ Văn hóa - Thông tin... tiếp tục triển khai giai đoạn 2 (đánh giá, phân loại, bảo quản di vật và hồ sơ khoa học) dự án “Khai quật di chỉ Lung Leng”. Di chỉ khảo cổ học Lung Leng là một trong những di sản văn hóa lớn của cả nước. Qua di chỉ văn hóa này, chứng tỏ người tiền sử đã có mặt, sinh sống ở đây từ trước một vạn năm.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Di tích chiến thắng Đắc Tô – Tân Cảnh / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.193-194.**

*Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Đắc Tô – Tân Cảnh là căn cứ quân sự mạnh nhất của Ngụy quyền Sài Gòn ở Bắc Tây Nguyên. Đầu năm 1972, ở đây có 28 tiểu đoàn bộ binh, 6 tiểu đoàn pháo binh, 4 tiểu đoàn thiết giáp. Phần lớn lực lượng được bố trí ở dãy cao điểm phía Tây sông Pôcô, hình thành tuyến phòng ngự lâm thời từ xa. Về lực lượng quân đội ta, gồm các trung đoàn chủ lực của Tây Nguyên: 28, 66, 95, 24B (Sư đoàn 10 - Đoàn Đắc Tô ngày nay) phối hợp với bộ đội địa phương tỉnh Kon Tum. Đúng 15 giờ ngày 23/4/1972, pháo binh ta nã đạn dồn dập vào căn cứ Tân Cảnh, cứ điểm mạnh nhất của địch. 1 giờ sáng 24/4/1972 xe tăng T54 xông thẳng qua thị trấn Tân Cảnh, lao lên mở cửa phía Đông căn cứ Tân Cảnh. Chớp thời cơ địch còn hoảng sợ khi thấy xe tăng ta, tiểu đoàn 9 cùng đội công tác tỉnh Kon Tum kêu gọi nhân dân nổi dậy. 5 giờ 55 phút ngày 24/4/1972 thị trấn Tân Cảnh được giải phóng. Lúc này cuộc chiến đấu ở căn cứ E42 Tân Cảnh diễn ra dữ dội. Xe tăng T54 - 377 của ta đã tiêu diệt 7 xe tăng địch. Quân ta dần dần làm chủ tình hình. 11 giờ trưa 24/4/1972, trung đoàn 66 của ta hoàn toàn làm chủ căn cứ Tân Cảnh. Quân ta bắn rơi 8 máy bay, thu 9 xe tăng, 20 pháo 105 ly, gần 100 xe quân sự, hàng vạn quả pháo và toàn bộ phương tiện chiến tranh của địch, bắt 429 tù binh ngụy. Ngay khi Tân Cảnh sắp bị tiêu diệt, Bộ Tư lệnh quân giải phóng mặt trận cánh Đông đã cho pháo binh bắn phá căn cứ Đắc Tô 2 (sân bay Phượng Hoàng). 8 giờ sáng 24/4/1972, E1 (F2) đánh thẳng vào Sở Chỉ huy E47 ngay ở sân bay Phượng Hoàng, 4 xe tăng T54 và một pháo tự hành cấp tốc rời căn cứ Tân Cảnh chi viện cho mũi tấn công tại căn cứ Đắc Tô 2. Sức kháng cự của E47 ngụy nhanh chóng bị đè bẹp, quân ta làm chủ căn cứ Đắc Tô 2. Cụm phòng ngự mạnh của địch ở căn cứ Tân Cảnh - Đắc Tô 2 bị tiêu diệt. Quân địch đóng ở các căn cứ Ngọc Bờ lêng, Ngọc Rinh Rua, Tri Lễ, quận Đắc Tô, rút chạy toán loạn. Một vùng đất từ Diên Bình, qua Tân Cảnh đến Đắc Tô, về Đắc Mốt và hàng chục ngàn đồng bào các dân tộc Kontum được giải phóng. Ngày nay, đi qua căn cứ E42 Đắc Tô - Tân Cảnh du khách thấy sừng sững một bia tưởng niệm về chiến tích anh hùng của quân dân ta thời chống giặc cứu nước. Gần đây, tỉnh đã đầu tư xây dựng cụm tượng đài chiến thắng Đắc Tô - Tân Cảnh rất hùng tráng. Bên cạnh tượng đài là hai chiếc xe tăng cách mạng đã từng tham gia trận đánh năm 1972. Năm 1993 khu di tích đã được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Di tích lịch sử cách mạng ngục Kon Tum / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr. 194.**

*Di tích lịch sử Ngục Kon Tum đã được xếp hạng là di tích lịch sử Quốc gia, di tích nằm trên địa bàn thành phố Kon Tum. Đây là nơi thực dân Pháp đã giam giữ các chiến sỹ cách mạng của ta trong thời kỳ năm 1930 - 1931. Một quần thể nhà tưởng niệm, nhà truyền thống, nhà đón tiếp, cụm tượng đài và hai ngôi mộ nằm bên sông Đắc Tô lộng gió, dãn dặt người tham quan về với quá khứ đấu tranh kiên cường bất khuất, đầy đau thương và mất mát, hy sinh nhưng vô cùng kiên cường, anh dũng của dân tộc ta trên con đường giải phóng dân tộc thống nhất đất nước.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Di tích lịch sử, danh thắng Mang Đen (Kon Plong) / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.189.**

*Từ thị xã Kon Tum, đi dọc theo quốc lộ 24 về hướng Đông khoảng 65km, cách huyện Kon Plong chừng 12km du khách sẽ đến một rừng thông bạt ngàn, mênh mông trên bình nguyên có độ cao trên 1.100m so với mặt nước biển. Măng Đen không chỉ có tiềm năng du lịch mà còn là vùng đất nhiều chiến công cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đến đây du khách như thấy mình lạc vào xứ sở khác. Rừng thông mênh mông, có cây được trồng từ thời Pháp thuộc to, cao vút trời xanh. Thông ở đây phát triển mạnh bởi đất đỏ Bazan rất màu mỡ. Khí hậu ôn đới, mát mẻ quanh năm. Bởi vậy, Măng Đen còn được mệnh danh là Đà Lạt của Kon Tum. Với tên gọi nguyên thủy của tộc người M'nâm là T'Măng Đen có nghĩa “đất ở bằng phẳng”. Măng Đen có dòng suối Đắc Ne hiền hòa, mát rượi; có nhiều hồ nước trong xanh. Tiêu biểu là hồ Ly Leng rộng khoảng 2ha; hồ Zin rộng khoảng 1ha, hồ Chàng (Toong Dăm) rộng khoảng 2,5ha...Măng Đen còn có một hệ thực vật phong phú, đa dạng với loại lá kim, rừng hồ giao, nhiều loại đá quý. Khu du lịch Măng Đen được Bộ Văn hóa – Thông tin xếp hạng là khu di tích lịch sử, danh thắng.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Di tích lịch sử ngục Đắc Glei / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.194-195.**

*Ngục ĐắcGlei nằm ở phía Bắc thị trấn Đắc Gle, đi theo quốc lộ 14. Ngục được xây dựng năm 1932 là nơi thực dân pháp đã giam giữ các chiến sỹ cách mạng Việt Nam*

*trong những năm 1932 – 1954, trong đó có nhà thơ Tố Hữu. Di tích ngục Đắc Gleit đã được xếp hạng là di tích lịch sử Quốc gia, nơi đây hàng năm vẫn là điểm hẹn của các cán bộ lão thành ôn lại những kỷ niệm của thời đã qua. Du khách thăm quan khu du lịch này như thấy lại được tinh thần và ý chí cách mạng quật cường của những chiến sỹ cộng sản bị giam giữ, tù đày tại các nhà lao, nhà ngục của bọn thực dân đế quốc.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Nhà thờ gỗ Kon Tum / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.192-193.**

*Do người Pháp xây dựng năm 1913 đến năm 1918. Nhà thờ có diện tích sử dụng trên 700m<sup>2</sup> với vật liệu trang trí nội thất hoàn toàn bằng các loại gỗ quý. Riêng tháp chuông nhà thờ mang phong cách kiến trúc Gothic có chiều cao hơn 20m lại luôn thanh thoát mà vẫn không kém vẻ hoành tráng. Sàn nhà thờ được đặt cao hơn 1m so với mặt đất và hành lang chạy dọc, bao quanh giáo đường đã mang đúng sắc thái của nhà sàn Tây Nguyên. Có thể nói, công trình nhà thờ Gỗ chính là sự kết hợp hài hòa giữa phong cách kiến trúc Roman và kiểu nhà sàn gỗ của người Ba-Na, một sự giao thoa đặc biệt giữa văn hóa Tây Nguyên và văn hóa châu Âu. Với nguyên liệu chủ yếu bằng gỗ cà chít, nhà thờ Gỗ còn là một công trình khép kín gồm thánh đường, nhà khách, phòng trưng bày về phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc, nhà rông. Bước vào trong, không gian giáo đường nhà thờ Gỗ sẽ mở ra thênh thang cùng với các hàng cột gỗ đen bóng. Là nơi sinh hoạt tôn giáo của đồng bào dân tộc bản địa nên giáo đường của nhà thờ cũng được trang trí các hoa văn, họa tiết mang đậm bản sắc Tây Nguyên, tạo ấn tượng vừa trang nghiêm huyền bí vừa hết sức gần gũi với người dân trong vùng. Những dãy ghế gỗ thẳng tắp bên trong giáo đường cũng góp phần tạo chiều sâu cho không gian thêm trang nghiêm, mang đến cảm giác an bình cho du khách khi dừng chân cầu nguyện và chiêm ngưỡng vẻ đẹp cổ kính bao quanh mình. Du khách tham quan giáo đường nhà thờ Gỗ còn rất ấn tượng trước nhiều khung cửa kính màu vẽ các điển tích trong Kinh thánh, với tác dụng lấy ánh sáng và tạo thêm vẻ rực rỡ, tráng lệ cho giáo đường. Trần giáo đường được xây dựng bởi rui, mè tre, đất, rom và dù đã hơn một thế kỷ trôi qua bức trần này vẫn bền, đẹp cùng với thời gian. Nhà thờ Gỗ đã được dựng lên hoàn toàn bằng phương pháp thủ công từ bàn tay tài hoa của các nghệ nhân người Kinh đến từ Bình Định, Quảng Nam, Quảng Ngãi.... Nguyên liệu gỗ sau khi cưa xẻ, đục đẽo đều được gắn kết lại với nhau bằng mộng, không sử dụng đinh hay một thứ kết dính nào khác. Bên cạnh đó, chính sự pha trộn tôn vinh lẫn nhau của hai nét văn hóa kiến trúc vốn khác biệt là Tây Nguyên và phương Tây đã làm nên một công trình tôn giáo có*

*tính thẩm mỹ rất cao. Nhà thờ gỗ Kon Tum ngoài giá trị về kiến trúc văn hóa, còn là nơi hấp dẫn du khách bởi các yếu tố nhân văn.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Rừng đặc dụng Ngọc Linh / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.195.**

*Ngọc Linh là tên ngọn núi cao nhất Tây Nguyên (2.596m), thuộc huyện Đắc Glei, tỉnh Kon Tum, giáp với tỉnh Quảng Nam. Ngọc Linh nổi tiếng cả nước bởi nơi đây đã nuôi dưỡng một loài sâm quý hiếm: Sâm Ngọc Linh (sâm khu V). Rừng đặc dụng Ngọc Linh có diện tích 28.868 ha, nằm trên độ cao 1.000m thuộc hai huyện Đắc Tô và Đắc Glei. Rừng có một hệ động thực vật quý hiếm như: Hổ, nai, bò tót... và nhiều loại gỗ quý.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Suối nước nóng Đắc Tô – Thác Đắc Lung / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.189-190.**

*Từ trung tâm huyện Đắc Tô theo hướng quốc lộ 1A cũ đi về hướng Bắc khoảng 10km tới địa phận xã Kon Đào, rẽ tay phải đi thêm 3km nữa, du khách sẽ tới suối nước nóng Đắc Tô. Đắc Tô theo tiếng dân tộc Sê Đăng, có nghĩa là nước nóng. Nước ở suối Đắc Tô liên tục phun lên từ trong lòng đất được khoan lại trong một lòng hồ nhỏ. Nước nóng từ 500C-700C, rất giàu chất Ca, Mg, Na, Si và nhiều thành phần chất khoáng khác. Khu vực suối nằm trên một địa hình đẹp, một bên là rừng le thoải thoải, ba phía còn lại là ruộng nước. Bên cạnh suối nước nóng Đắc Tô là thác Đắc Lung cách suối khoảng 3km về phía Đông. Thác không lớn, nhưng khung cảnh thiên nhiên rất hài hòa, không gian tĩnh lặng, cảnh vật hoang sơ, rất thích hợp cho những cuộc vui chơi picnic, tìm hiểu đời sống văn hóa dân tộc Sê Đăng.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Tượng nhà mồ làng Rắc (Ya Sir-Sa Thầy) / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.190-191.**

*Từ trung tâm huyện Sa Thầy du khách đi khoảng 8km là tới làng Rắc (Yasir – Sa Thầy). Làng Rắc có trên 707 người, sinh sống chủ yếu bằng nghề nương rẫy và săn bắn. Đến làng Rắc, điều gây ấn tượng đặc sắc cho du khách là quần thể nhà mồ và tượng nhà mồ. Nhà mồ làng Rắc được lợp mái bằng hoặc mái nhọn, vật liệu bằng tre*

*nửa hoặc bằng tranh, quy mô to hoặc nhỏ, số lượng nhiều hay ít tùy thuộc vào kinh tế của gia đình người quá cố. Khi làm lễ bỏ mả, gia đình nào cúng Yàng A Zâu (tức vua Diêm Vương) 3 con trâu trở lên hoặc 1 con trâu trắng hoặc 10 con bò thì mới được chôn trong khu nhà mồ làm theo kiểu nhà rông, có hoa văn, họa tiết trang trí. Phần đầu và chân tượng được dựng cột Bxat cao, vẽ nhiều màu có hình mặt trời. Nhà nào cúng Yang A Zâu 1 trâu hoặc 3 bò trở lên thì được làm nhà mồ 2 mái. Tượng nhà mồ làng Rắc có 7 hàng với 31 khu mộ. Tượng nhà mồ bằng gỗ được tạc bằng nhiều kích cỡ khác nhau, nhưng thông thường, ở hai bên nhà mồ đều có một cặp tượng trai gái đang phô bày cơ quan sinh dục của mình hoặc giao hoan, đứng bên tượng đàn bà chửa. Còn các góc quanh rào là tượng hài nhi hoặc tượng người chồng cầm ngòi khóc, tượng các con chim rùng... Người Gia Rai quan niệm chết tức là đi vào cõi vĩnh hằng, do đó họ tạc tượng nhằm canh giữ giấc ngủ nghìn thu cho người đã khuất. Hiện nay, Sở Văn hóa – Thông tin đang lập dự án xét công nhận khu nhà mồ và tượng nhà mồ Gia Rai (làng Rắc – Ya Sir – Sa Thầy) là khu di tích văn hóa lịch sử.*

**VN.017396**

**VĂN PHONG. Vườn Quốc gia Chư Mom Ray (Sa Thầy) / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.190.**

*Vườn Quốc gia Chư Mom Ray có diện tích 56.612ha, thuộc huyện Sa Thầy và huyện Ngọc Hồi, nằm phía Tây tỉnh Kon Tum. Đây là vườn quốc gia nằm ở vị trí ngã ba Đông Dương, tiếp giáp với hai khu bảo tồn thiên nhiên của Lào và Campuchia, Chư Mom Ray có triển vọng trở thành khu bảo tồn thiên nhiên liên quốc gia của Đông Nam Á để bảo vệ tính đa dạng về sinh thái cũng như khu hệ động vật giàu có ở vùng này. Đặc biệt là bảo vệ các loài thú lớn đang có nguy cơ bị diệt vong như bò xám, hổ, voi... Vườn Quốc gia Chư Mom Ray có hệ thực vật rất phong phú: 508 loài cây, thuộc 324 chi, 115 họ, là một trong những nơi có hệ thực vật cổ nhất nước ta. Nơi đây có nhiều loại gỗ như: Ngành ngạch, lim xẹt, xoan nhũ, săng lẻ, các loại cây họ gạo, cây bụi... Về động vật, có nhiều loại thú móng vuốt như voi, bò tót và nhiều loại chim muông, gồm 325 loài động vật có xương sống, ở cạn. Trong khu vườn Quốc gia Chư Mom Ray có làng Le của dân tộc Rơ Mâm hiện chỉ còn lại trên 200 người. Tới đây du khách vừa có thể thăm quan, dã ngoại, vừa có thể kết hợp nghiên cứu văn hóa, dân tộc học. Khu vườn Quốc gia Chư Mom Ray có tiềm năng du lịch sinh thái lớn và kết hợp với lòng hồ Yaly sẽ tạo nên một cảnh quan thiên nhiên sơn thủy hữu tình.*

**VN.017396**



## **E. MỘT SỐ DI TÍCH, DANH LAM THẮNG CẢNH CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG.**

**BÙI THỊ HẢI YẾN. Chùa Thiên Vương Cổ Sát / Bùi Thị Hải Yến // Tuyển điểm du lịch Việt Nam.- 2007.-H: Giáo dục.- Tr.357.**

*Chùa Thiên Vương Cổ Sát còn được gọi chùa Tàu, chùa được xây dựng vào đầu thập kỷ 50. Từ rất sớm, ngôi chùa này đã là nơi thu hút tín đồ cũng như khách thập phương, bởi chính vẻ u tịch kỳ bí của nó. Đặc biệt chùa trở nên nổi tiếng từ năm 1958 khi có 3 bức tượng Phật bằng gỗ trầm hương được đưa về từ Hồng Kông. Chùa được dân gian gọi là chùa Tàu, có lẽ vì các vị sư sãi ở đây đều là người Hoa và chùa được xây dựng theo phong cách kiến trúc Trung Hoa. Mọi biểu ngữ, danh xưng, chú thích dưới các bức tranh ở đây chủ yếu được viết bằng tiếng Hán.*

**VV.2952**

**BÙI HẢI YẾN. Dinh Bảo Đại / Bùi Hải Yến // Tuyển điểm du lịch Việt Nam.- H: Giáo dục, 2007.- Tr.355-356.**

*Nằm trên đường Triệu Việt Vương, cách trung tâm Đà Lạt 2,5km về phía Nam, dinh được xây dựng năm 1933 khi Bảo Đại còn đang làm vua, khánh thành năm 1937 và Bảo Đại đã dùng nơi đây làm nơi nghỉ mát vào mùa hè. Đến khi Pháp quay lại Việt Nam đưa Bảo Đại lên làm Quốc trưởng vào năm 1950, thì ông dùng nơi đây để ở và làm việc. Dinh có 2 tầng, tầng trệt dùng làm nơi hội họp, yến tiệc, tiếp khách ngoại quốc và quan chức chính phủ gồm các phòng làm việc, tiếp khách thân mật, khánh tiết, phòng bí thư riêng ở ngay cửa ra vào, phòng vui chơi của công chúa và hoàng tử. Tại phòng khánh tiết vẫn còn lại bức tranh đến Ăng Co Vat do Hoàng thân Xi-ha-nuc (Campuchia) tặng vua Bảo Đại. Ở trên là phòng ngủ của vua Bảo Đại, hoàng hậu Nam Phương cùng các thái tử, công chúa. Phía ngoài của phòng ngủ của cựu hoàng là lầu Vọng Nguyệt khá đẹp, là nơi cựu hoàng và hoàng hậu ngắm trăng.*

**VV.2952**

**BÙI THỊ HẢI YẾN. Đèo Prenn / Bùi Thị Hải Yến // Tuyển điểm du lịch Việt Nam.- 2007.-H: Giáo dục.- Tr.358.**

*Từ Đà Lạt về Tp. Hồ Chí Minh theo đường 20 phải đi qua đèo Prenn với chiều dài 10km. Tiếng Chăm, Prenn có nghĩa là vùng xâm chiếm. Theo sử Chăm, Pôrôme (thế kỷ XVII) xây dựng được một vương quốc hùng mạnh về quân sự đã đem quân sang đánh các vùng xung quanh, trong đó có Đà Lạt mà Prenn là ranh giới chiến trường. Từ*

*chân núi Prenn đến Đơn Dương ta còn thấy rải rác một số di tích Chăm. Trên quốc lộ 20 từ Di Linh lên Đà Lạt, trước khi vào thành phố ta gặp ngay một chân thác, đó là thác Prenn nằm ở chân đèo Prenn, cao 6m nước chảy xuống giống như một bức màn, thành thác là những tảng đá vững chắc. Qua làn nước dưới vòm đá có chiếc cầu gỗ bắc qua. Từ quốc lộ 20 vào thác, du khách qua cầu ngắn có thang vịn. Trước năm 1968 ở Prenn có Thảo cầm viên nuôi nhiều thú, chim muông, trồng nhiều hoa cỏ. Từ sau năm 1968, thác bị lãng quên, du khách đến thưa thớt. Từ năm 1978 đến nay Prenn do Công ty du lịch Lâm Đồng quản lý, đã từng bước được nâng cấp, tu bổ các công trình, do đó số lượng du khách đến ngày càng đông.*

**VV.2952**

**BÙI THỊ HẢI YẾN. Ga Đà Lạt / Bùi Thị Hải Yến // Tuyển điểm du lịch Việt Nam.- 2007.-H: Giáo dục.- Tr.358.**

*Ga Đà Lạt nằm ở phía đông thành phố và cách hồ Xuân Hương 500m. Đoạn đường sắt nối Đà Lạt với tháp Chàm (Cam Ranh) được khởi công từ năm 1915 dài 84km, và được đưa vào sử dụng từ năm 1928 đến năm 1964. Ga Đà Lạt được xây dựng vào năm 1928, kiến trúc được giữ nguyên cho đến ngày nay. Nhà ga được thiết kế theo kiểu nhà Rông của các dân tộc Tây Nguyên, mang những giá trị kiến trúc truyền thống. Mặc dù ngày nay tuyến đường sắt Đà Lạt - Tháp Chàm không được sử dụng nữa, nhưng ga Đà Lạt vẫn là điểm tham quan thú vị dành cho du khách, là di tích lịch sử và danh thắng được xếp hạng quốc gia ở Đà Lạt.*

**VV.2952**

**BÙI THỊ HẢI YẾN. Khu du lịch Lang Biang / Bùi Thị Hải Yến // Tuyển điểm du lịch Việt Nam.- 2007.-H: Giáo dục.- Tr.358.**

*Núi Lang Biang là ngọn núi cao nhất trên cao nguyên Lâm viên, độ cao với mực nước biển là 2.163m. Núi nằm cách trung tâm Tp. Đà Lạt 10km phía bắc, thuộc địa phận xã Lác, huyện Lạc Dương. Toàn bộ khu vực núi được bao phủ bởi những rừng thông có hàng trăm năm tuổi. Dưới chân núi là những bản làng, nơi sinh sống của các dân tộc ít người K'ho Chin, K'ho Lạch. Từ trên đỉnh núi Lang Biang, du khách có thể nhìn bao quát một vùng rộng lớn từ ĐanKia, suối Vàng và cả thành phố Đà Lạt. Hiện nay, ở đây đã được quy hoạch thành khu du lịch, có đường ô tô trải nhựa lên tận đỉnh núi. Tại khu du lịch có trung tâm đón khách, có địa điểm dành cho khách cắm trại, đây là một khu du lịch đặc thù cho du lịch dã ngoại, khám phá thiên nhiên, văn hóa. Du khách có thể lên đỉnh Lang Biang bằng xe ô tô hoặc có thể leo núi, thưởng thức phong*

*cảnh hùng vĩ của núi rừng Tây Nguyên. Du khách cũng có thể tham gia giao lưu văn nghệ và tìm hiểu bản sắc văn hóa của các dân tộc ít người ở đây.*

**VV.2952**

**BÙI THỊ HẢI YẾN. Nhà thờ Con Gà (nhà thờ Chánh tòa)/ Bùi Thị Hải Yến // Tuyển điểm du lịch Việt Nam.- 2007.-H: Giáo dục.- Tr.356.**

*Sở dĩ được gọi tên như vậy là vì trên nóc tháp chuông nhà thờ có biểu tượng một con Gà. Nhà thờ được xây dựng năm 1931 với tháp chuông cao 47m, nằm ở trung tâm thành phố Đà Lạt. Khi chưa có tháp Bưu điện tỉnh thì tháp chuông này là công trình xây dựng cao nhất ở Đà Lạt. Đây cũng là ngôi nhà thờ được xây dựng sớm nhất ở Đà Lạt.*

**VV.2952**

**BÙI THỊ HẢI YẾN. Nhà thờ Do Maine / Bùi Thị Hải Yến // Tuyển điểm du lịch Việt Nam.- 2007.-H: Giáo dục.- Tr.357-358.**

*Nhà thờ nằm trong khu Lam Sơn, trên đồi Mai Anh, được xây dựng năm 1940-1944 do phu nhân Toàn quyền Đông Dương Jean Decoux đứng ra quyên góp của các giáo dân, bà tên là Suzanne Humbert. Tên của nhà thờ Domaine De Marie có nghĩa là lãnh địa của Đức Bà. Khi xây dựng nhà thờ, bà Humbert có tâm nguyện lúc mất sẽ được mai táng ở đây. Vào năm 1944 trên đường lên Đà Lạt để hòa giải mâu thuẫn giữa Nam Phương Hoàng hậu và bà Mộng Điệp, bà bị mất do tai nạn giao thông trên đoạn đường Khe Sanh, hiện mộ bà được chôn cất tại đây. Người ta cho rằng nhà thờ được xây dựng bằng những chất liệu kết dính là vôi, mật mía và một số phụ gia khác. Nhà thờ hiện còn lưu giữ được pho tượng Đức Mẹ ban ơn, cao 3m, nặng 1 tấn, là quà tặng của phu nhân toàn quyền Đông Dương Jean Decoux. Nhà thờ chỉ dùng duy nhất một màu sơn hồng đậm để quét tường. Vì vậy dưới ánh nắng, nhà thờ như rực rỡ tỏa ánh sáng của Chúa cho các con chiên. Đứng trên đồi Mai Anh chúng ta có thể nhìn thấy toàn cảnh Đà Lạt. Khi đến thăm Nhà thờ này du khách có thể mua nhiều sản phẩm như áo, mũ, khăn len đẹp, giá rẻ, do các sơ ở đây đan bằng tay.*

**VV.2952**

**BÙI THỊ HẢI YẾN. Sân gôlf Đồi Cù / Bùi Thị Hải Yến // Tuyển điểm du lịch Việt Nam.- 2007.-H: Giáo dục.- Tr.356.**

*Sân gôlf Đồi Cù nằm gần Hồ Xuân Hương và vườn hoa Thành phố. Ở Đà Lạt có 3 đồi Cù được người Pháp xây dựng thành một sân gôlf 9 lỗ, trước đây là nơi cựu hoàng Bảo Đại và các quan chức Pháp thường chơi gôlf. Đầu thập niên 90, Công ty du lịch Lâm Đồng (ĐaLat Tourist) đã liên doanh với Công ty Danow (Hồng Kông), xây dựng và cải tạo sân gôlf Đồi Cù thành sân gôlf 18 lỗ. Sân gôlf có dịch vụ tập gôlf kết hợp tham quan dành cho du khách tại Đồi Cù 2.*

**VV.2952**

**BÙI THỊ HẢI YẾN. Thác Đatala / Bùi Thị Hải Yến // Tuyển điểm du lịch Việt Nam.- 2007.-H: Giáo dục.- Tr.359.**

*Thác có chiều cao 30m nằm ở gần đèo Prenn, cách Đà Lạt 5km. Đatala là địa danh do từ Koho ghép lại: Đà – Tầm – Nhá (nước dưới lá). Dòng suối này có liên hệ với lịch sử Đà Lạt, đến cuộc chiến tranh Chăm – Lạt – Chill. Nhờ có người Lạt giữ được Prenn, giữ được Đà Lạt, do người Chăm không biết “dưới lá có nước” nên phải rút lui sau khi vây đánh người Lạt tại Prenn. Đatala là nguồn sức mạnh của người dân bản địa Đà Lạt. Theo truyền thuyết của người Lạt, Đatala là nơi dừng sĩ Lang đã đánh thắng 2 rắn tinh, 5 chó sói để cứu Biang. Chính vì vậy Đatala là nơi hẹn hò của các đôi tình nhân khác bộ tộc Lang Biang. Nơi đây cảnh núi rừng hoang dã, thác cao 30m đổ xuống thành suối chảy len lỏi trong rừng. Ở đây có nhiều tảng đá nhẵn tương truyền xưa kia các tiên nữ thường xuống đây tắm bên suối nên được gọi là “suối Tiên”.*

**VV.2952**

**BÙI THỊ HẢI YẾN. Thiền viện Trúc Lâm / Bùi Thị Hải Yến // Tuyển điểm du lịch Việt Nam.- 2007.-H: Giáo dục.- Tr.357.**

*Đây là ngôi chùa to nhất, bề thế nhất ở Đà Lạt. Hiện nay chùa tọa lạc trên núi Phụng Hoàng cách trung tâm Đà Lạt 4km. Thiền viện Trúc Lâm do hòa thượng Thích Thanh Từ tổ chức xây dựng từ ngày 28/5/1993 và khánh thành ngày 19/3/1994. Thiền viện có diện tích 24,5ha, được chia thành 3 khu riêng biệt dành cho du khách tham quan. Bản phác thảo đầu tiên có sự tham gia của kiến trúc sư Ngô Viết Thụ. Đây là một thiền viện lớn nhất của Việt Nam, hiện nay nơi tu hành, nghiên cứu về Phật giáo Thiền tông của các hòa thượng và tăng ni. Thiền viện nằm giữa vùng rừng thông bạt ngàn, tĩnh mịch. Từ đây có thể nhìn ra hồ Truyền Lâm, núi Voi thơ mộng. Thiền viện Trúc*

*Lâm được quy hoạch, xây dựng khoa học, theo lối kiến trúc hài hòa với thiên nhiên, có nhiều loài hoa, cây cảnh đẹp, luôn được bảo tồn, giữ gìn sạch sẽ, trang nghiêm. Do vậy, thêm viện Trúc Lâm Đà Lạt đã trở thành một điểm tham quan không thể thiếu của du khách khi đến với thành phố cao nguyên này.*

**VV.2952**

**BÙI HẢI YẾN. Vườn hoa Minh Tâm / Bùi Hải Yến // Tuyển điểm du lịch Việt Nam.- H: Giáo dục, 2007.- Tr.356.**

*Đầu tiên nơi đây là khu biệt thự của người Pháp có tên là David xây dựng năm 1938, sau khi về Pháp ông bán cho ông Nghiệp Đoàn (ông là cha của ông Minh Tâm). Sau giải phóng, ông đã hiến biệt thự này cho Nhà nước. Năm 1978-1979 biệt thự này được dùng làm nhà khách cho Bộ Nội vụ, đến năm 1990 thì được chuyển sang khai thác du lịch. Toàn bộ khu vực vườn hoa có khách sạn Minh Tâm (36 phòng). Vườn hoa Minh Tâm có nhiều loài hoa khoe sắc như mimoza, cẩm tú cầu, xác pháo... đặc biệt là hoa hồng với nhiều màu sắc khác nhau.*

**VV.2952**

**BÙI HẢI YẾN. Vườn hoa Thành Phố / Bùi Hải Yến // Tuyển điểm du lịch Việt Nam.- H: Giáo dục, 2007.- Tr.356.**

*Vườn hoa Đà Lạt được đầu tư xây dựng từ năm 1966, đến năm 1985 được khôi phục lại để trồng các loài hoa. Vườn hoa tọa lạc ở số 2 Phù Đổng Thiên Vương, gần hồ Xuân Hương và sân golf Đồi Cù. Ở đây có tới trên 300 loài hoa quý của Việt Nam và thế giới như: hồng, cúc, lay ơn, lan, cẩm tú cầu, mimmoza, xác pháo... Vườn hoa thành phố đã đáp ứng được nhu cầu thưởng thức, trao đổi về các loài hoa của du khách. Vào dịp Tết Nguyên đán hằng năm, đây là nơi diễn ra Hội hoa xuân. Nhiều nghệ nhân đã mang đến đây những loài hoa, cây cảnh, cây thế tuyệt mỹ của Đà Lạt để thi tài.*

**VV.2952**

**ĐOÀN BÍCH NGỌ. Bộ sưu tập đàn đá độc đáo ở Bảo tàng Lâm Đồng / Đoàn Bích Ngọc // Bản tin Văn hóa Thể thao Du lịch.-2012.- Số16.- Tr.26-27.**

*Đàn đá là loại nhạc cụ cổ xưa nhất của loài người, nó xuất hiện trong thời tiền sử cách ngày nay từ 3.000 năm đến 3.500 năm. Đến nay ở Việt Nam đã tìm được hơn 200 thành đàn đá nằm rải rác ở các tỉnh Đắk Lắk, Khánh Hòa, Đồng Nai, Lâm Đồng, Phú Yên...Nổi tiếng trong đó là các bộ đàn đá như: Đàn đá Khánh Sơn, đàn đá Bắc Ái,*

*đàn đá Lộc Ninh, đàn đá Di Linh... Lâm Đồng là địa phương phát hiện được phát hiện được nhiều đàn đá nhất. Bảo tàng Lâm Đồng hiện nay còn lưu giữ bộ sưu tập đàn đá đồ sộ nhất Việt Nam với 5 sưu tập đàn đá được phát hiện ở nhiều địa điểm khác nhau trên đất Lâm Đồng. Thứ nhất, đàn đá B'laio là bộ đàn đá đầu tiên được phát hiện của tỉnh Lâm Đồng. Thứ hai, đàn đá Đinh Lạc, đàn đá này gồm 12 thanh được phân thành 2 bộ khác nhau. Thứ ba, đàn đá B'nom được chế tác từ loại đá có màu xanh đen, hạt mịn đến rất mịn. Thứ tư, đàn đá Hòa Nam, gồm 47 thanh được phát hiện tại thôn 8, xã Hòa Nam, huyện Di Linh. Thứ năm, đàn đá Liên Đàm được phát hiện năm 2008 tại thôn 9, xã Liên Đàm, huyện Di Linh. Những bộ đàn đá nói trên thực sự là những sáng tạo nghệ thuật của cha ông, là “Tiếng nhạc rừng của vùng Nam Tây Nguyên”, “Những cây thạch cầm xưa nhất trên thế giới”. Hy vọng rằng một ngày gần đây đàn đá Tây Nguyên cũng sẽ được công nhận là di sản văn hóa thế giới như không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên hay Nhã nhạc cung đình Huế.*

**Bản tin Văn hóa Thể thao Du lịch / 2012**

**ĐOÀN BÍCH NGỌ. Ga Đà Lạt - nhà ga cổ kính và cao nhất Việt Nam / Đoàn Bích Ngọ // Báo Lâm Đồng.-2013.-Ngày 7 tháng 8.-Tr.8.**

*Cách trung tâm Đà Lạt chừng 2km về hướng Đông Bắc, nhà ga Đà Lạt là một trong những công trình kiến trúc nổi tiếng của thành phố. Nhà ga Đà Lạt đã được công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 2008. Ga Đà Lạt được xây dựng hoàn tất vào năm 1933 theo đồ án của các kiến trúc sư người Pháp là Revéron và Moncet. Mặt sau nhà Ga, từ dãy hành lang nhìn ra là một đường hỏa xa chạy dài tượng trưng cho chí phiêu lưu tang bồng của Yersin. Bên trong nhà Ga nhìn lên là cả một khoảng không gian rộng lớn với các góc cạnh, đường nét ngay hàng thẳng lối, vừa uy nghi cao cả, cũng như vừa chân thật, giản dị như chính cuộc đời của Yersin. Ngoài ra việc thiết kế trần nhà theo lối vòm cao, xung quanh có các ô kính màu vừa để trang trí vừa để tăng cường chiếu sáng cho nhà Ga, phòng bán vé, phòng khách, phòng nhận hàng...tạo thành một dãy dài nên không án ngữ và làm vướng mắt du khách. Đứng trong nhà Ga người ta có cảm giác như đứng trong lòng dãy núi cao ẩm cứng, vui vẻ, tiếng ồn vang vọng tạo ra ấn tượng mạnh mẽ sâu sắc khó quên trong buổi gặp mặt cũng như lúc chia tay. Trên lớp tường để bao quanh nhà Ga, ở chân cột trụ vòm cửa trước, cửa sau là những khóm hoa đỗ thắm, (một loài hoa có xuất xứ từ nước Pháp). Đứng ngoài nhìn vào ta có cảm giác như nhà Ga được đặt gọn trong một chậu hoa khổng lồ. Về kiến trúc, nhà Ga Đà Lạt được thiết kế theo kiểu mái xuôi của vùng núi miền Trung nước Pháp -vùng Massif Central, nên mái đủ độ dốc như sườn núi và rất hợp với vùng có nhiều mưa như Đà Lạt giúp thoát nước nhanh, khó bám rêu làm bẩn mái. Xung*

quanh có các ô kính chạy để luôn luôn đưa ánh sáng từ các hướng vào phòng Ga, nhờ vậy không bị tối tăm khi không có điện. Ngoài ra nhà Ga còn mang nét đặc thù riêng của Đà Lạt đó là kiến trúc mặt trước của nhà ga lấy hình dáng đỉnh núi cao của dãy Langbiang làm biểu trưng, đồng thời gợi nhớ kỷ niệm về Yersin- nhà bác học có nhiều đóng góp to lớn trong việc khám phá và xây dựng thành phố Đà Lạt. Nhà Ga Đà Lạt còn là nhà Ga “cao nhất” Việt Nam vì nó nằm ở độ cao 1500m so với mặt biển.

Với lối kiến trúc độc đáo, Ga Đà Lạt được coi là nhà Ga đẹp nhất Đông Dương và cả nước Pháp thời bấy giờ. Hiện nay cùng với nhà Ga Hải Phòng, Ga Đà Lạt là nhà Ga cổ kính nhất còn lại ở Việt Nam. Nhưng thật đáng tiếc nhà Ga đã ngừng hoạt động những năm 1970 do chiến tranh làm hỏng một số đoạn đường trên cung đường sắt răng cưa Đà Lạt- Tháp Chàm. Mãi tới tháng 9/ 1991 Liên hiệp Đường sắt khu vực III kết hợp với ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng mới khôi phục lại một đoạn đường sắt Đà Lạt - Trại Mát dài 7km để tổ chức các chuyến du lịch ngắn ra ngoài ô bằng tàu hỏa phục vụ du khách đến Đà Lạt tham quan. Hiện nay hoạt động trên tuyến đường này có hai đầu máy hơi nước. Một do Nhật chế tạo năm 1941 và một do Liên Xô cũ chế tạo năm 1968.

**Báo Lâm Đồng / 2013**

**ĐOÀN BÍCH NGỌ. Núi Voi - căn cứ địa anh hùng / Đoàn Bích Ngọ // Báo Lâm Đồng.-2012.- Ngày 16 tháng 8.- Tr.6-7.**

Căn cứ kháng chiến Núi Voi là một vùng rừng núi liên hoàn trải dài hơn 10 km, có độ cao từ 1.300 m đến 1.750 m so với mực nước biển. Căn cứ nằm về phía Nam thành phố Đà Lạt, thuộc địa phận huyện Đức Trọng. Căn cứ kháng chiến Núi Voi được ra đời từ năm 1950. Với địa hình phức tạp, hiểm trở rất thuận lợi cho các hoạt động quân sự, làm bàn đạp tấn công địch ở Đà Lạt và khống chế đánh địch ở quốc lộ 20, nên từ rất sớm đã được chọn làm căn cứ hoạt động bí mật của Thị ủy Đà Lạt trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Đồng thời cũng là căn cứ tiền phương của tỉnh và của khu VI trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Ngay từ khi thành lập, Núi Voi đã được chọn làm căn cứ hoạt động bí mật của Thị ủy và hoạt động rất tốt, kịp thời liên lạc giữa các tổ chức ở trong và ngoài thị xã. Trong thời kỳ này ta đã xây dựng và phát triển nhiều cơ sở cách mạng. Hiệp định Giơnevơ được kí kết, kết thúc cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương chưa được bao lâu thì đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã trắng trợn phá hoại Hiệp định, ồ ạt đưa quân đánh chiếm nước ta và dựng lên chính quyền bù nhìn miền Nam Việt Nam. Trước tình hình đó, cuối năm 1954, Ban cán sự Đảng Cục Nam lại bố trí nhiều cán bộ cách mạng giỏi lên hoạt động trên các địa bàn để móc nối liên lạc, xây dựng cơ sở cách mạng. Và

*Núi Voi một lần nữa được xây dựng thành căn cứ chiến lược vô cùng quan trọng - là nơi hoạt động, học tập và nuôi dưỡng cán bộ cách mạng của Thị ủy, của tỉnh và của quân khu. Căn cứ kháng chiến Núi Voi không ngừng phát triển lớn mạnh, ngày càng hoạt động có hiệu quả. Ngoài tổ chức cơ sở đảng còn có nhiều hoạt động của các tổ chức như thanh niên, phụ nữ, các đội công tác Quảng Hiệp, Hiệp Thạnh, Định An... và phong trào học sinh sinh viên phối hợp với các lực lượng quân đội chính qui của Thị ủy, tỉnh và quân khu. Từ đó, ta vừa hoạt động bí mật, vừa hoạt động công khai trong lòng địch.*

*Như vậy, Núi Voi là khu căn cứ hoạt động cách mạng vô cùng quan trọng trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Căn cứ Núi Voi là nơi tổ chức hoạt động cách mạng, nơi hoạt động của Thị ủy Đà Lạt đồng thời cũng là căn cứ tiền phương của tỉnh và quân khu. Hiện nay, khu căn cứ Núi Voi vẫn còn lưu giữ được nhiều dấu tích quan trọng như: các hầm chiến đấu, hầm hoạt động bí mật, nơi huấn luyện tân binh của các lực lượng cách mạng đã sống và hoạt động tại đây. Cụ thể như an ninh, quân sự, các đội công tác, các tổ chức thanh niên, phụ nữ... Tuy nhiên các dấu tích không còn nguyên vẹn nhưng vẫn ẩn mình dưới những vòm lá rừng nguyên sinh, cùng với những địa danh bất hủ như: Đồi sân bay, Yên Ngựa, đồi Bà Cả, đồi C1, đồi Ông Danh, dốc Quế, Hồ Bèo, Suối Cát... đánh dấu một mốc son lịch sử của quê hương Lâm Đồng.*

**Báo Lâm Đồng / 2012**

**Độc đáo kiến trúc trường Cao đẳng Sư Phạm Đà Lạt // <http://dulich-dalat.com/>.**

*Những người yêu công trình kiến trúc trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt (Lâm Đồng) luôn dành thời gian để ngắm không chán ngôi trường kỳ lạ này. Thay vì những khuôn mẫu kiến trúc với góc, ngôi trường độc đáo này lại phá cách theo một đường cong mềm mại. Cùng đó, trở về lịch sử công trình này, người yêu văn hóa còn có thêm nhiều thông tin thú vị. Đây là công trình duy nhất ở nước ta từng được Hội Kiến trúc sư thế giới (UIA) công nhận là một trong số 1.000 công trình kiến trúc độc đáo toàn cầu trong thế kỷ XX. Ngôi trường tọa lạc ở số 29 Yersin, thành phố Đà Lạt trước kia mang tên “Petit Lycée Dalat” rồi “Grand Lycée Yersin”, được người Pháp khởi công năm 1927, do kiến trúc sư Moncet tài năng thiết kế và chỉ đạo xây dựng, đến năm 1935 công trình mới hoàn thành. Theo tài liệu bảo tồn di sản của Lâm Đồng, nhà cong cũng là công trình cao tầng đầu tiên của thành phố Đà Lạt. Ở ngôi trường này, những lớp học trong công trình được xây hình vòng cung, gạch xây trường là gạch trần đỏ được chở từ châu Âu sang, mái được lợp bằng ngói làm từ nước Pháp (lớp ngói cũ do không thể*



sử dụng được nữa nên đã được thay thế bằng ngói thường như hiện nay) . Điểm nhấn của dãy nhà hình vòng cung độc đáo là tháp chuông. Phía bên ngoài tháp chuông từng có một chiếc đồng hồ cổ nhưng sau thời gian trường tồn đến nay chỉ còn có thể thấy vết tích in lại trên nền gạch đỏ. Bên trên điểm nhấn tháp chuông cũng không còn chuông do có lẽ đã bị tháo dỡ trước đây. Mặc dù là trường học, mang trong mình những nét kiến trúc cổ điển nhưng trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt vẫn có dáng vẻ ngoạn mục với những đường cong mềm mại ôm lấy một khoảng sân rộng vươn cao những rặng thông xanh biếc soi bóng hồ Xuân Hương, ghi dấu ấn độc đáo vào bức tranh thơ mộng của Đà Lạt. Trong giới kiến trúc của Việt Nam , từng có chuyên gia đề xuất xây dựng, công nhận thành phố Đà Lạt là “Đô thị di sản kiến trúc”. Trong số những giá trị kiến trúc còn lại ở thành phố này, trường Cao đẳng Đà Lạt được cho là một trong những công trình độc đáo nhất trong số hơn 2.000 biệt thự cổ do người Pháp xây dựng còn lại ở đây. Ở góc độ kiến trúc, giá trị và biểu trưng văn hóa của trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt là vô giá.

**[<http://dulich-dalat.com/du-lich-da-lat/du-lich-da-lat/doc-dao-kien-truc-truong-cao-dang-su-pham-da-lat.html>]**

**Hồ Xuân Hương // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.425.**

Nằm ở vị trí trung tâm thành phố Đà Lạt, được xem là một công viên trung tâm của thành phố, Hồ Xuân Hương có độ cao 1.477m so với mặt biển, diện tích 38ha; đường vòng quanh hồ 5km. Hồ Xuân Hương ngày trước là một dòng suối, năm 1919 kỹ sư công chánh Labbé cho xây đập từ Thủy Tạ đến quán Hương đạo cũ, Năm 1923 xây thêm đập phía dưới tạo thành hai hồ. Tháng 3 – 1932, một cơn bão lớn làm hai đập bị vỡ, năm 1934 – 1935 kỹ sư Trần Đăng Khoa cho xây một đập lớn bằng đá gọi là cầu Ông Đạo (Ông Đạo là tên nhân dân Đà Lạt gọi viên quản đạo thời ấy là Phạm Khắc Hòe). Người Pháp đặt tên hồ này là Grand Lac (Hồ Lớn). Năm 1953 ông Nguyễn Vỹ - Chủ tịch Hội đồng Thị chính Đà Lạt đổi tên thành hồ Xuân Hương. Tháng 10 – 1984 chính quyền tỉnh Lâm Đồng cho nạo vét lại lòng hồ. Gia cố móng của đập cầu Ông Đạo. Từ năm 1998 đến năm 2000, một lần nữa chính quyền tỉnh Lâm Đồng cho sửa chữa tôn tạo hồ này với quy mô lớn hơn. Công trình được thi công chủ yếu bằng cơ giới với việc nạo vét lòng hồ trên 1 triệu m<sup>3</sup> đất gia cố lại móng, các cống thoát nước của cầu Ông Đạo, xây bờ kè bằng đá chung quanh hồ, khôi phục lại các “cầu chữ Y”, quanh hồ, lát cỏ và cho xây dựng 4 hồ chống bồi lắng tại các dòng chảy chính trước khi vào hồ.

VV.006741

**Hồ Than Thở // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.426-429.**

*Khởi thủy chỉ là một ao nhỏ về sau người Pháp cho làm đập chặn nước tạo thành hồ và có tên Lac des soupirs, năm 1956 đổi tên thành hồ Than Thở. Từ năm 1975 đổi tên thành hồ Suong Mai, đến năm 1990 sử dụng lại tên cũ là hồ Than Thở. Hồ Than Thở cách trung tâm Đà Lạt 6km về phía bắc. Hồ nằm giữa rừng thông tĩnh mịch, không gian hoang vắng tạo cho hồ một nét buồn man mác, gần đây có Đồi thông hai mộ với một truyền thuyết về một mối tình tan vỡ đã làm cho địa danh này thu hút du khách.*

*Đáng tiếc, trong những năm 1980 – 1990, rừng thông cổ thụ quanh hồ đã bị tàn phá, những hàng thông non tuy đã được trồng lại nhưng không mang lại nét thâm u cô tịch xưa, lòng hồ bị bồi lắng và thu hẹp vì các hoạt động nông nghiệp vùng thượng lưu, nước hồ không còn trong xanh. Để khôi phục và bảo toàn thắng cảnh này, năm 1997, chính quyền đã cho phép Công ty Du lịch Thùy Dương, một doanh nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh bỏ vốn đầu tư trồng rừng, nạo vét hồ, chống bồi lắng, xây dựng các khu vui chơi giải trí. Năm 1999, Hồ Than Thở được Nhà nước công nhận là danh thắng quốc gia để bảo tồn và phát triển.*

VV.006741

**Hồ Tuyên Lâm // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.426.**

*Hồ Tuyên Lâm nằm cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 5km về phía nam, dưới chân ngọn Pinhatt, là hồ nhân tạo, được xây dựng để cung cấp nước tưới cho khu vực Định An, điều tiết nước suối Đa Trea (Suối Tía) và hệ thống thủy lợi Quảng Hiệp – Đức Trọng. Hồ có diện tích 320ha, quanh hồ là những đồi thông trùng điệp, xưa kia nơi đây là khu săn bắn của vua Bảo Đại và của du khách. Trên đỉnh đồi phía bắc là hồ Thiền viện Trúc Lâm một công trình kiến trúc uy nghi của Phật giáo mới được xây dựng năm 1992.*

VV.006741

**KHẮC DŨNG. Hội đủ điều kiện để trở thành di sản thiên nhiên / Khắc Dũng // Báo Lâm Đồng.-2011.- Ngày 8 tháng 9. Tr.5.**

*Với Vườn quốc gia Cát Tiên và cả khu di tích khảo cổ học Cát Tiên, điều mà Hội đồng Di sản quốc gia đặc biệt quan tâm chính là những giá trị đặc biệt về thiên nhiên cùng với các giá trị về mặt văn hóa của nó. Chính nhờ những giá trị về mặt thiên nhiên*

và văn hóa đó mà VQG Cát Tiên cùng với di tích Cát Tiên trở thành một trong 4 đề cử của Việt Nam dự kiến trình UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên – văn hóa của thế giới.

Theo tài liệu của cán bộ chuyên môn VQG Cát Tiên có tổng diện tích 73.878ha (Quyết định 1090/QĐ-TTg ngày 5.12.1998 của Thủ tướng Chính phủ), thuộc địa phận ba tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai và Bình Phước. Hệ động vật rừng ở đây thật phong phú với nhiều loài quý hiếm như tê giác một sừng, voi châu Á, bò tót, gấu chó, gấu ngựa, trâu rừng, hổ, báo hoa mai, báo gấm... Tương tự, hệ thực vật của Vườn cũng phong phú không kém: 1.362 loài thực vật bậc cao, hơn 440 loài cây gỗ quý...; trong đó, riêng hoa lan có đến 60 loài. Năm 2001, UNESCO đã công nhận VQG Cát Tiên là khu dự trữ sinh quyển thế giới; tiếp đến, ngày 4.8.2005, Ban Thư ký Công ước Ramsar công nhận hệ đất ngập nước Bàu Sấu thuộc Vườn là Khu Ramsar thứ 1.499 của thế giới và là thứ hai của Việt Nam. Hồi cuối năm 2010, đại diện tổ chức UNESCO tại Hà Nội đã đề nghị Chính phủ Việt Nam sớm hoàn thiện hồ sơ VQG Cát Tiên để trình UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

**Báo Lâm Đồng / 2012**

**KHẮC DŨNG. Nhìn từ thánh địa Cát Tiên / Khắc Dũng // Báo Lâm Đồng.-  
2012. Ngày 27 tháng 8.-Tr.3-4.**

Khoa học khảo cổ trong những năm qua đã phần nào vén dần bức màn bí mật của cổ dân Nam Tây Nguyên thông qua các hoạt động khảo cổ trải dài trên một vùng rừng núi từ cao nguyên Langbian (Đà Lạt) đến Cát Tiên thánh địa – vùng đất cực nam tỉnh Lâm Đồng. Nếu dòng chảy văn hóa của các cổ dân Nam Tây Nguyên từ cao nguyên Langbian đến vùng tương đối thấp là Di Linh và Bảo Lộc có nét tương đồng khá rõ thì bắt đầu từ Cát Tiên – vùng đất tiếp giáp với các dòng văn hóa Chăm – Chân Lạp – Khmer, dường như đã có một “cát cứ” văn hóa tương đối định hình và không trộn lẫn trong dòng văn hóa chung của Nam Tây Nguyên. Thánh địa Cát Tiên thuộc địa phận huyện Cát Tiên (tỉnh Lâm Đồng ngày nay), nằm trải dài bên tả ngạn sông Đồng Nai, được phát hiện vào giữa những năm 80 của thế kỷ trước bởi hai nhà khoa học trẻ tuổi của Bảo tàng Lâm Đồng. Đó là một đô thị tôn giáo bị chôn vùi trong lòng đất từ hàng nghìn năm nay gây bất ngờ lớn cho các nhà khoa học bởi những hiện vật tìm thấy được qua những lần khai quật khảo cổ. Di chỉ khảo cổ học Cát Tiên của Lâm Đồng đã được Bộ VHTT công nhận là di tích văn hóa – lịch sử - nghệ thuật vào năm 1997.

Tại khu thánh địa này, các nghệ nhân cổ xưa của cư dân bản địa Lâm Đồng đã thể hiện tài năng của mình một cách hết sức điêu luyện thông qua các công trình thuộc

các lĩnh vực tôn giáo, kiến trúc, điêu khắc, lịch sử... bằng các hiện vật để lại như hình ảnh cầm thú, vũ nữ, thiên tiên, đèn tháp... Đặc biệt chiếc thạch ấn được tìm thấy ở thánh địa Cát Tiên có dạng hình tròn dẹt, dày từ 2cm – 3cm, đường kính 11cm, phía trên có tay cầm quai tròn. Điều đặc biệt là mặt dưới của “con dấu” bằng đá này có khắc những hình thù, đường nét rất lạ mà các nhà khoa học hiện đang đặt câu hỏi rằng đó có phải là cổ tự của cư dân chủ nhân di tích Cát Tiên hay không. Hay đây có phải là “con triện” của “vương quốc” cư dân bản địa Cát Tiên? Và, thạch ấn này có liên quan gì đến hình ảnh mukha trên một chiếc linga? Cùng với một chiếc “thạch ấn” trong dòng chảy văn hóa cổ thời đồ đá được tìm thấy tại đây, chúng ta còn có thể “nhìn” dòng chảy văn hóa Nam Tây Nguyên được “định hình” ở thánh địa Cát Tiên từ góc nhìn tôn giáo, kiến trúc... Có thể nói, công trình kiến trúc tôn giáo của khu thánh địa Cát Tiên không chỉ là di tích thể hiện đời sống tâm linh của cư dân bản địa Nam Tây Nguyên mà còn là dấu ấn quan trọng thể hiện trình độ phát triển xã hội của cộng đồng cư dân bản địa trên các phương diện nghệ thuật, đời sống văn hóa và kinh tế. Di chỉ khảo cổ học Cát Tiên là một loại hình kiến trúc tôn giáo cổ có những đặc trưng khác biệt so với các loại hình kiến trúc thông thường. Ở điểm khai quật DT gò 6A, các nhà khảo cổ và kiến trúc đã tìm thấy một đền thờ khá hoàn chỉnh với lối kiến trúc rất đặc trưng “Cát Tiên”.

Ông Lương Nguyên Minh – Trưởng Ban quản lý Khu Di tích Cát Tiên – cho biết: “Nét đặc thù ở đền thờ này được thể hiện ở kiến trúc vuông bẻ góc nhiều lần trước mặt phía đông, và tiền điện được xây theo hình bán nguyệt. Còn ở gò số 7, người ta lại phát hiện ra một đền thờ được xây theo dạng hình vuông, nằm cân đối theo trục bắc – nam, và hoàn toàn không có dấu vết bậc cấp và dấu vết cửa. Điều đặc biệt là cũng tại đền thờ này, lần đầu tiên một “máng nước thiêng” trong di tích Cát Tiên đã được phát hiện; và cùng với máng nước thiêng ấy là hệ thống dẫn nước chạy dọc theo hướng đông – tây có chức năng phân phối nước thiêng đến các đền tháp trong khu vực. Ngay từ những ngày đầu khai quật, tại di chỉ khảo cổ học Cát Tiên, các nhà khoa học đã tìm thấy tại đây những ngẫu tượng linga – yoni và tượng thần Siva cùng với kiến trúc đền tháp mang nhiều ý nghĩa về tôn giáo. Tuy nhiên, cho đến hiện nay, chủ nhân thực sự của vùng đất cổ này vẫn đang còn là vấn đề tranh luận. Chỉ dưới góc nhìn từ Cát Tiên mà thôi thì vấn đề văn hóa cổ dân Nam Tây Nguyên đã có quá nhiều điều để đáng nói, đáng bàn. Một điều đáng quan tâm khác: Cổ dân Nam Tây Nguyên trong lịch sử không hề sống tách biệt với thế giới bên ngoài mà ngược lại, từ những kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy, nhóm dân này có quan hệ với các cộng đồng dân cư lân cận ở phía biển và cả phía núi từ rất sớm.

**KIM ANH. Khám phá hang hùm, thác Cọp / Kim Anh // Tiên phong.-2010.-  
Ngày 21 tháng 3.- Tr.1+4.**

*Thác lẩn khuất trong vùng rừng rậm rạp thuộc thôn Túy Sơn, Xuân Thọ, các trung tâm Tp. Đà Lạt gần 15km. Đường xuống thác gập ghềnh, hiểm trở bởi một bên là núi đá sừng sững, còn bên kia là vực sâu thăm thẳm. Nước từ thác chính (cao 20m) đổ xuống cái hồ xinh xắn rồi tiếp tục chày qua 7 tầng thác phía dưới, mỗi tầng cao chừng 4m; Dòng nước tuôn ào ạt, dội xuống ghềnh đá tung bọt trắng xóa và tiếng thác va vào đá phát ra những âm thanh như tiếng cọp gầm vang xa cả ngàn mét.*

**Tiên phong / 2010**

**NGUYỄN HUY KHUYẾN. Biệt thự của Trần Lệ Xuân tại Đà Lạt / Nguyễn Huy Khuyến // Báo Lâm Đồng. 2011. Ngày 13 tháng 8.- Tr.4.**

*Khu biệt thự mang tên Trần Lệ Xuân ở Đà Lạt được mua lại của ông Trần Bá Đáng tại lô đất số 55 vào ngày 22/12/1958. Sau đó Trần Lệ Xuân đã cho xây dựng trên khu đất này 3 ngôi biệt thự được đặt tên rất hoa mỹ và kiêu kì bậc nhất một thời. Tại khu biệt điện Hồng Ngọc, Trần Lệ Xuân đã cho xây dựng một căn hầm trú ẩn sâu khoảng hơn 2m, rộng 2m, dài 3m, nắp hầm được làm bằng loại sắt dày có thể chống được đạn. Có lẽ do lo sợ sẽ có một vụ đảo chính hay ám sát trong nội bộ mà khi xây dựng biệt thự này, Trần Lệ Xuân đã cẩn thận cho xây dựng căn hầm để đề phòng bất trắc. Bên trong hầm trú ẩn hiện còn một chiếc tủ sắt và một cánh cửa của két sắt có khóa mã cùng một đồng cửa sắt các loại vít ngổn ngang. Ngoài hầm trú ẩn, tại biệt thự này còn có hầm thoát hiểm. Theo nhiều người dân sống ở khu vực này cho biết, bà Nhu đã cho xây dựng căn hầm thoát hiểm thông ra tận sân bay quân sự Cam Ly, cách biệt thự này khoảng 2km. Bên cạnh đó nơi đây còn có hệ thống lò sưởi độc đáo. Có lẽ do tiết trời Đà Lạt lạnh lắm nên tại khu biệt thự này, bất cứ căn phòng nào Trần Lệ Xuân cũng cho xây dựng hệ thống lò sưởi hiện đại mang dáng dấp của kiến trúc Pháp. Với hơn 10 chiếc lò sưởi khác nhau không trùng lắp, lại được bố trí khéo léo từng phòng, thật sự đã tạo nên một vẻ đẹp hài hòa trong kiến trúc của ngôi biệt thự. Đặc biệt trong hệ thống lò sưởi này, có một chiếc rất độc đáo, được làm bằng đồng đỏ từ chân lò sưởi lên đến đỉnh lò sưởi, đặt tại phòng khiêu vũ của biệt thự. Cũng tại biệt thự này, còn lưu giữ được một số những hiện vật đắt tiền như hệ thống labo, bồn tắm, tủ lạnh được nhập khẩu từ các nước Mỹ, Ý... Đặc biệt chiếc tủ lạnh hiện đang được trưng bày tại đây là một vật chứng đáng giá còn lại. Tủ lạnh cao khoảng 2m, rộng gần 1m, tình trạng vẫn nguyên vẹn, được đặt bên cạnh chiếc hầm trú ẩn. Trong khu biệt thự này, Trần Lệ Xuân*

*đã sử dụng biệt thự Lam Ngọc làm biệt thự chính. Nơi đây có phòng khách, phòng ngủ, phòng đọc sách và phòng nhảy.*

**Báo Lâm Đồng / 2011**

**MINH NGỌC. Nhà lao thiếu nhi Đà Lạt: Chứng tích về một thuở bi hùng / Minh Ngọc // Tạp chí Du lịch.-2010.-Số 10.-Tr.7.**

*Dưới thời Mỹ - Ngụy, trên dải đất miền Nam máu lửa, kẻ thù đã dựng lên không biết bao nhiêu nhà lao để giam giữ các chiến sĩ cách mạng. Bên cạnh những nhà lao “khét tiếng” như: Chí Hòa, Côn Đảo, Phú Quốc... còn có một nhà lao “kín tiếng” nhưng hết sức đặc biệt bởi nó gắn liền với những trang sử bi tráng được viết lên bởi những anh hùng nhỏ tuổi. Đó là Nhà lao Thiếu nhi Đà Lạt, nơi vừa được vinh dự đón nhận danh hiệu Anh hùng LLVTND và được công nhận là Di tích Lịch sử cấp Quốc gia. Nhà lao Thiếu nhi Đà Lạt “đặc biệt” bởi nó giam giữ 600 tù nhân chính trị tuổi đời chỉ 12 đến 17. Và để lừa mị dư luận, nhà lao đã núp dưới một cái tên thật “tử tế”: Trung tâm Giáo huấn Thiếu nhi Đà Lạt. một khu biệt thự hình chữ A nằm trên đồi thông thơ mộng, những thiếu nhi mặc đồ kaki xanh, mang giày ba ta..., chủ nhật, lễ Noel có các cha đạo vào tặng quà, thậm chí có những buổi sinh hoạt văn nghệ, vui chơi hướng đạo... tất cả tạo nên cái vỏ bọc hoàn hảo đến mức ngay cả những người dân sống xung quanh cũng không biết đó cũng là một thứ nhà lao tàn bạo như bao nhà lao khác. Nhà lao Thiếu nhi Đà Lạt (thành lập đầu năm 1971) thực chất là nơi để địch giam giữ các tù nhân nhỏ tuổi được gom về từ các nhà tù miền Nam với âm mưu cách ly họ ra khỏi ảnh hưởng của các thế hệ tù nhân đàn anh, tiến tới dụ dỗ, mua chuộc, nhằm biến họ thành tay sai chống phá phong trào cách mạng. Tuy nhiên âm mưu thâm độc này đã bị chính các tù nhân nhí (đều là những thiếu nhi dũng cảm từng tham gia phong trào cách mạng tại các địa phương) sớm nắm rõ và mau chóng tập hợp lực lượng để đấu tranh chống lại. Một trong những mốc lịch sử không thể không nhắc đến ở Nhà lao Thiếu nhi Đà Lạt là cuộc quật khởi làm chủ nhà lao vào ngày 22/2/1973. Sau hàng loạt cuộc đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, trừ gian diệt ác, nổi dậy làm chủ nhà lao rồi tổ chức vượt ngục... Tháng 6/1973 cái gọi là Trung tâm Giáo huấn Thiếu nhi Đà Lạt hoàn toàn bị xóa sổ.*

**Tạp chí Du lịch / 2010**

**QUỲNH UYÊN. Căn cứ kháng chiến Núi Voi được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh / Quỳnh Uyên // Báo Lâm Đồng.-2013.- Ngày 27tháng 6.**

*Căn cứ kháng chiến Núi Voi trải dài hơn 10 km nằm ở 3 xã Hiệp An, Hiệp Thạnh, Liên Hiệp, huyện Đức Trọng vừa được UBND tỉnh Lâm Đồng quyết định xếp hạng là di*

*tích lịch sử cấp tỉnh. Với địa hình phức tạp, hiểm trở, Núi Voi là căn cứ hoạt động bí mật của Thị ủy Đà Lạt trong kháng chiến chống Pháp và cũng là căn cứ tiền phương của Tỉnh ủy Lâm Đồng và của Khu VI trong kháng chiến chống Mỹ. Từ căn cứ địa này, ta đã xây dựng được hơn 2.000 cơ sở cách mạng và đưa hàng ngàn thanh niên thoát ly tham gia kháng chiến, lãnh đạo các phong trào nhân dân. Hiện nay, căn cứ kháng chiến Núi Voi vẫn còn lưu giữ được nhiều dấu tích quan trọng như các hầm hoạt động bí mật, nơi huấn luyện tân binh, hầm an ninh, quân sự, các đội công tác xã hội, tổ chức thanh niên, phụ nữ; những địa danh: đồi Sân bay, đồi Yên Ngựa, đồi Bà Cả, Ông Danh, Dốc Quế, Hố Bèo, Suối Cát...*

**Báo Lâm Đồng / 2013**

**QUỲNH UYỄN. Mùa xuân trẩy hội Pongour / Quỳnh Uyển // Báo Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 5 tháng 3.- Tr.4.**

*Thác Pongour là một ngọn thác nổi tiếng đẹp mơ màng, hùng vĩ, hoang dã nhất của Nam Tây Nguyên. Thác Pongour nằm ở huyện Đức Trọng, cách huyện lỵ 20km và xa trung tâm thành phố Đà Lạt 50 km. Trên quốc lộ 20 Đà Lạt - Sài Gòn. Thác còn có tên gọi là thác Bảy Tầng hay là thác Thiên Thai. Thác đổ xuống hệ thống đá bậc thang bảy tầng từ độ cao gần 40 mét, rộng hơn 100 mét. Từng làn nước đứt quãng theo từng bậc, giăng mắc như phím đàn trời. Một thung lũng đá hừng lầy dòng nước. Pongour là do người Pháp phiên âm từ tiếng K'Ho bản địa: Pon - gou có nghĩa là ông chủ vùng đất sét trắng. Thác Pongour có lịch sử từ nhiều tộc người, trải qua nhiều giai đoạn, và có ngày kỷ niệm cụ thể, nên Pongour trở thành thác nước duy nhất có lễ hội. Như đã đi vào tiềm thức của nhân dân các dân tộc Lâm Đồng, hằng năm vào rằm tháng giêng âm lịch, từng đoàn người nườm nượp trẩy hội thác Pongour như muốn chứng minh lòng trung tín, son sắt, thủy chung.*

**Báo Lâm Đồng / 2014**

**Thác Cam Ly // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.430.**

*Thác nằm trên dòng suối Cam Ly cách trung thành phố 2km về hướng nam. Thác Cam Ly có nhiều truyền thuyết gắn liền với đời sống và các cuộc đấu tranh của đồng bào dân tộc bản địa. Trong quá khứ, đây là một thắng cảnh tuyệt đẹp với nhiều rừng*

*cây bao quanh thác nước, tạo nên một khung cảnh thơ mộng và là nơi dừng chân của nhiều du khách mỗi khi đến với Đà Lạt.*

**VV.006741**

**Thác Đatanla // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.431.**

*Thác nằm ở khu vực đèo Prenn, cách Đà Lạt 5km. Theo truyền thuyết, ngày xưa các tiên nữ thường xuống tắm và đến hong tóc trên những tảng đá quanh thác nên dòng suối gọi là suối tiên. Thác rất hùng vĩ, nước từ độ cao 32m tuôn xuống các ghềnh đá tung bọt trắng xóa, cảnh quan thiên nhiên quanh thác hoang dã, đầy bí ẩn, chân thác là vực tử thần sâu hun hút.*

**VV.006741**

**Thác Đamb'ri // <http://www.lamdong.gov.vn/>.- 2013.- Ngày 28 tháng 3.**

*Thác Đambri nằm cách trung tâm thị xã Bảo Lộc khoảng 18km. Đây là ngọn thác lớn ở Lâm Đồng, nằm giữa khung cảnh rừng nguyên sinh hoang sơ và hùng vĩ. Thác Đambri có độ cao khoảng 60m. Xung quanh thác là một khu rừng hầu như vẫn còn giữ được nguyên vẹn nét đẹp hoang sơ chưa mấy người khám phá với diện tích gần 300ha cùng đủ các loài chim và nhiều cây cổ thụ quý hiếm như sao, kền kền, dôi... gốc to tầm vài ba vòng tay người ôm. Đường vào trung tâm khu du lịch có một cầu xi măng dài hơn 20m bắc ngang suối, gần đỉnh thác. Đứng trên cầu, khách du lịch có thể thưởng thức cảnh tượng hùng vĩ của dòng nước cuộn cuộn đổ từ đỉnh thác xuống. Theo lối mòn ven suối đi về phía thượng lưu, muốn sang bờ bên kia du khách sẽ được một lần thử độ khéo léo và lòng dũng cảm khi chệnh vênh đi trên chiếc cầu dây theo kiểu của đồng bào dân tộc ở địa phương vẫn làm. Cầu được bện từ những thứ dây leo rất sẵn ở rừng như song, mây, giang, lồ ô... Vào buôn của người dân tộc Châu Mạ - một trong những làng văn hoá dân tộc ở Tây Nguyên, khách sẽ được thưởng thức những lễ hội công chiêng, khám phá tìm hiểu về nghề dệt thổ cẩm truyền thống và cũng có thể tự mang lều trại để tổ chức sinh hoạt dã ngoại. Bên cạnh đó du khách còn được thăm đảo khỉ, tại đây có hàng trăm con, hươu nai được nuôi thả tự do khiến du khách không khỏi ngỡ ngàng và thích thú khi bắt gặp. Cũng có cả những khu nuôi gấu, ba ba, rùa. Đặc biệt, có những chú voi đã được thuần dưỡng và ngoan ngoãn tuân theo sự chỉ dẫn của quản tượng. Du khách có thể ngồi trên lưng voi để chụp ảnh lưu niệm. Đi một vòng quanh khu du lịch rộng lớn, du khách có thể nghỉ chân bên hồ nước Đambri rộng hàng nghìn mét vuông, thuê một chiếc thuyền để hưởng thú câu cá trên hồ.*



**Thác Gougah // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.432.**

*Thác nằm cách quốc lộ 20 khoảng 200m và cách Đà Lạt 37km về phía nam, là một thác đẹp và nổi tiếng của Lâm Đồng. Thác Gougah đẹp hùng vĩ với khối lượng nước khổng lồ từ trên cao trút xuống trong nhiều màu sắc sỡ. Ở đây dòng nước phân làm đôi theo chiều dọc: phần nước bên phải âm thầm trong màu vàng đục, phần bên trái bắn tung tóe trong màu trắng như tuyết.*

**VV.006741**

**Thác Pongour // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.430-431.**

*Cách Đà Lạt khoảng 50km về phía nam và cách quốc lộ 20 chừng 7km, thác Pongour huyền bí nằm giữa rừng sâu. Tiếng thác đổ như sấm động từ một vách đá tuyết mịn cao 30m. Thác Pongour là một kỳ quan của thiên nhiên, phong cảnh xung quanh rất hoang dã. Vào tháng 11, 12 trong năm, thác nước như bị ngập chìm trong màu sắc rực rỡ của hoa cỏ núi rừng. Có nhiều huyền thoại gắn với thác nên hàng năm, vào rằm tháng giêng, rất đông du khách tới đây dự lễ hội đầu năm*

**VV.006741**

**Thác Liêng Khương // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.432.**

*Tên đúng của thác là Liêng Khàng, Khàng theo tiếng dân tộc có nghĩa kiến vàng. Theo truyền thuyết nơi đây xưa kia có rất nhiều kiến vàng, cư dân bản địa dùng lửa đốt không hết, phải nhờ sông Đa Nhim dâng nước tràn qua mới trừ nổi. Thác nằm cách Đà Lạt 30km về phía nam. Thác rộng khoảng 100m, cao trên 30m, nước chảy chậm trên nền đá nham huyền vĩ, lờm chờm. Mùa nắng thác ít nước, nhưng mùa mưa rất hùng vĩ.*

**VV.006741**

**Thác Voi // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.432.**

*Nằm ngay trung tâm thị trấn Nam Ban, cách Đà Lạt 40km, thác Voi là một thác lớn và đẹp. Thác cao hơn 35m, dưới chân thác là những tảng đá to như đàn voi dẫm*

*mình trong nước, có nhiều hang động và vách đá cheo leo quanh thác. Những năm gần đây dân địa phương đã đầu tư đáng kể nên thác này càng hấp dẫn du khách.*

**VV.006741**

**Thung Lũng Tình Yêu // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.- Tr.429.**

*Nằm về phía bắc cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 3km, Thung lũng Tình yêu là một khu vực rộng trên 200ha, có hồ Đa Thiện, nhiều đồi thông, bãi cỏ đẹp. Trước đây, phía hạ lưu của hồ Đa Thiện có một thung lũng với những bãi cỏ mượt mà, là nơi có nhiều huyền thoại về tình yêu lãng mạn. Cảnh đẹp và nhiều huyền thoại làm cho du khách không thể không đến đây khi đến thăm Đà Lạt. năm 1999, Thung lũng Tình yêu được công nhận là một danh thắng quốc gia.*

**VV.006741**

**TRỊNH CHU. Đến với "phố" rừng Madagui / Trịnh Chu // Báo Lâm Đồng.- 2014.- Ngày 16 tháng 2.- Tr.4.**

*Khu Du lịch Rừng Madagui tọa lạc km 152, Quốc lộ 20, thị trấn Madaguôi, huyện Đa Huoai. Cách Tp. Hồ Chí Minh 152km, cách Đà Lạt 148km. Bước vào khu du lịch, du khách bị thu hút bởi ở chính giữa công viên là bức tượng Thần Núi uy nghi, cao 15m. Rời khu Công viên Thần Núi, du khách phải vượt cây cầu bê tông dài 120m, bắc ngang con sông Đa Huoai. Tiếp tục men theo những con đường đá chẻ dưới tán rừng, du khách đến với Mê cung trận, rộng chừng 1ha. Thoát khỏi Mê cung trận là đến khu suu tập vườn cây ăn trái 13ha, đủ các chủng loại trái cây nhiệt đới và kế bên là vườn suu tập các loại tre, trúc có diện tích 1,6ha, với 37 giống tre khác nhau. Khu du lịch sinh thái rừng Madagui hiện có một thảm thực vật phong phú với nhiều nhiều loại thực vật rất đa dạng và thuộc nhiều chủng loại khác nhau như tre, lồ-ô, mun và các loại gỗ quý hiếm trên hàng ngàn năm tuổi như cây si, gỗ, bằng lăng. Thảm thực vật của Madagui là một phần thuộc 1.600 loài thực vật, 762 họ, nhiều cây gỗ quý và chuỗi thực vật khép kín. Đặc biệt có cây Konia đặc trưng của núi rừng Tây Nguyên được xem như loài cây thiêng của người dân tộc. Những cây cổ thụ hàng trăm tuổi với bộ rễ dài, nổi cuộn cuộn trên mặt đất, thân cây to tạo hình thù rất độc đáo mà không một nơi nào có thể so sánh được. Ngoài ra còn có các loại thú rừng một phần trong số 300 loài chim, 70 loài bò sát, 40 loài thú và 30 loài cá. Bên cạnh đó rừng Madagui còn được phủ đầy các loại hoa lá hoang sơ, cộng với hệ thống hang động liên hoàn bao quanh tạo nên nét đẹp hùng vĩ nhưng không quá phức tạp và nguy hiểm, rất thích hợp cho hoạt động thám hiểm, nghiên cứu động thực vật. Hệ thống hang động có thể chia làm hai loại: một loại nằm cách sâu dưới mặt đất từ 10m – 15m, một loại hang nằm trên cao cách mặt đất khoảng 10m. Nơi đây cũng là nơi hội tụ những trò chơi cảm giác mạnh, gồm: Chèo*

*thuyền phao vượt ghềnh thác, đứng trong bong bóng nước, đu dây lơ lửng trên không bằng qua dòng sông Dạ Huoai, leo núi cao, trượt cỏ, tập trận giả qua các trò chơi bắn súng sơn, đua xe đạp địa hình, câu cá sấu và còn có thể khám phá những loài thú đi hoang trong khu rừng có diện tích 13ha.*

**Báo Lâm Đồng / 2014**

**TUẤN HƯƠNG. Thác Bảo Đại - Vẻ đẹp hoang sơ của tự nhiên / Tuấn Hương, Xuân Trung // Báo Lâm Đồng.- 2012.- Ngày 19 tháng 6.- Tr.3.**

*Nằm giữa núi rừng Tà Hine thanh vắng, thác Bảo Đại cuộn cuộn tung bọt trắng xóa, tiếng ì ầm âm vang cả một khoảng trời, tạo nên vẻ đẹp vừa hùng vĩ, vừa hoang sơ, bởi chưa bị “nhào nặn” của bàn tay con người. Có lẽ thác Bảo Đại là một trong những ngọn thác hiếm hoi ở Lâm Đồng còn giữ được nét tự nhiên, khơi gợi sự khám phá của những ai đã từng một lần đặt chân đến. Con đường dẫn xuống thác Bảo Đại bắt đầu bằng một cây si già vươn mình như một cánh cổng chào đón du khách. Những bậc đá gồ ghề còn nguyên vẹn vẻ tự nhiên từ thời vua Bảo Đại vẫn thường chọn ngọn thác này làm nơi nghỉ ngơi sau những cuộc săn bắn. Tiếng thác nước như càng thôi thúc bước chân nhanh hơn dù đường xuống thác phải đi “rón rén” để khỏi ngã nhào xuống vực. Nhưng con đường độc đáo nhất để đứng trước ngọn thác lại là đường luôn qua những vách đá dựng đứng, vừa ẩm ướt vừa hoang dã khiến du khách càng muốn khám phá. Đây đó những chùm phong lan vắt trên vách đá, những ngọn dây leo chùng xuống tạo nên một vẻ đẹp nên thơ. Bước chân du khách dường như không biết mỏi, bỗng ngọn thác sừng sững hiện ra ngay trước mặt mới biết mình đã đi hết đường mòn. Một dòng thác tuôn trào chia làm ba nhánh tung bọt trắng xóa khuấy động mặt nước phía dưới. Từng tia nước đuối nhau tạo thành cầu vồng dưới ánh nắng mặt trời khiến du khách mê mẩn không chớp mắt. Người dân bản địa gọi đây là thác đá cao, tương truyền về một câu chuyện tiếng nước chảy qua lưỡi của con cá sấu tạo thành tiếng đàn, khiến dân làng bỏ việc đến để nghe cho đến khi chết đói hóa thành những tảng đá to dưới chân thác.*

**Báo Lâm Đồng / 2012**

**TUẤN LINH. Đình Thái Phiên được công nhận Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh / Tuấn Linh // Báo Lâm Đồng.- 2011.- Ngày 21 tháng 3.- Tr.2.**

*Ngày 21/3, Đình Thái Phiên đã chính thức được UBND tỉnh ký quyết định công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Đình Thái Phiên được xây dựng từ tháng 2/1968 và hoàn thành sau đó một năm, Đình được cất từ chính sự đóng góp của người*

dân trong làng nhằm làm nơi thờ phụng, nơi sinh hoạt và trao đổi văn hóa cho cả ấp. Đình rộng 3 gian, có hình dáng chữ Nhất, quy mô vừa phải và mang dáng dấp đặc trưng của kiến trúc đình làng Việt, gồm: cổng, bình phong, lư phân hóa và sân, bàn thờ Hữu Lâm Huyền, Tả Lâm Huyền, mái hình vòm và nóc đình uốn cong ... Phía trong nội đình gồm, chánh điện, tả ban, hữu ban và nhà trú. Đây là nơi tổ chức nghi lễ thờ cúng tổ tiên, thần bảo hộ, các vị tiền hiền và hậu bối đã có công mở đất lập làng. Đây là nơi chứa đựng những nét văn hóa độc đáo cũng như mang trong mình đạo lý tốt đẹp từ ngày thành lập đến nay của cư dân Thái Phiên (nay là phường 12).

**Báo Lâm Đồng / 2011**

**Văn cảnh chùa Linh Phước – Đà Lạt. <http://dulichvn.org.vn/>- 2014.- Ngày 26 tháng 2.**

Chùa Linh Phước tọa lạc tại số 120 Tự Phước, cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 8 km về hướng Đông Nam. Chùa được khởi công xây dựng từ 1949 đến 1952 mới hoàn thành. Chùa còn có tên gọi khác là chùa Ve chai, vì ở đây có con rồng dài 49m, vây được đắp bằng các mảnh vỡ của 50 nghìn vỏ chai bia. Ngoài kiến trúc độc đáo, nơi đây còn có một đại hồng chung được coi là lớn nhất Việt Nam. Đến với Linh Phước tự, ngoài việc dâng hương lễ Phật, du khách còn được thưởng ngoạn những kiến trúc được xây dựng công phu. Trước hết phải kể đến chánh điện và Tiền đàn bảo tháp, một công trình kiến trúc đồ sộ và độc đáo: chánh điện dài 33 m, rộng 22 m; Tiền đàn bảo tháp cao 27 m được chạm trổ hình rồng. Lầu 1 có gian thờ 108 tượng "Thiên thủ thiên nhãn". Trong nội điện, tượng Phật Thích Ca cao 4,9 m kể cả tòa sen, phía trước được làm bằng bê-tông cốt thép, bên ngoài thiếp vàng, phía trước là bức Cửu long môn uốn mình chầu Phật. Dọc hai bên chính điện là hai hàng cột rồng khảm mảnh sành tương tự như phong cách khảm tại các lăng mộ vua nhà Nguyễn. Bên trên hai hàng cột ấy là những bức phù điêu khảm sành mô tả lịch sử Đức Phật Thích Ca từ giáng sinh đến nhập niết bàn. Phía sau Tổ đường có bức phù điêu Thập bát La Hán và Thập mục Ngưu đồ, tất cả đều có vẻ đẹp hoành tráng làm du khách phải kinh ngạc. Trước sân chùa còn có Bảo đài Quan Thế âm Bồ Tát tạo dáng rất hài hòa cân đối. Ở Linh Phước tự hình tượng con rồng gần như bao quát toàn bộ kiến trúc của ngôi chùa, được chạm khắc, bài trí rất công phu trên các hàng cột, trên mái chùa cong.

**[\[http://dulichvn.org.vn/index.php?category=2500&itemid=25003\]](http://dulichvn.org.vn/index.php?category=2500&itemid=25003)**

**VĂN PHONG. Hồ Tuyên Lâm / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.30-31.**

*Hồ Tuyên Lâm là hồ lớn nhất của Đà Lạt với diện tích 320ha mặt nước và khu dã ngoại cũng thuộc loại cũng thuộc loại lớn nhất với 2000 ha. Du khách có thể leo lên lưng voi để chụp hình hay thuê voi đi dạo trong rừng.*

**VN.01739**

**VĂN PHONG. Hồ Xuân Hương / Văn Phong // Cẩm nang du lịch Tây Nguyên.- H: Văn hóa Dân tộc, 2004.- Tr.30.**

*Năm 1992, theo chủ trương hồi sinh thành phố của toàn quyền P.Doumer, kỹ sư công chánh Labbe đã cho đào một cái hồ nhân tạo, cho xây cái đập ngăn nước dựa trên thung lũng cũ và tạo nên một cái hồ mới là Gran Lake. Năm 1953, theo chủ trương của chính quyền Ngô Đình Diệm cho Việt hóa một số địa danh ở miền Nam nên hồ đã được mang một cái tên mới là Hồ Xuân Hương (tỏa hương thơm vào mùa xuân). Hồ có chu vi 5,5km và độ sâu trung bình 1,5m. Xung quanh hồ có 2 loại cây có thể coi là đặc trưng của Đà Lạt là mai anh đào và liễu rủ. Cứ mỗi buổi chiều, thả bộ dạo một vòng từ khu Hòa Bình đến bờ hồ rồi vòng qua Thủy Tạ hay Thanh Thủy để ngắm cái se se lạnh về đêm của tiết trời ôn đới, du khách sẽ thấy tâm hồn thư thái. Về mặt lịch sử, hồ Xuân Hương chính là nơi xuất phát danh xưng Đà Lạt. Đây là danh thắng đầu tiên của Lâm Đồng được công nhận là di tích cấp quốc gia vào năm 1988.*

**VN.017396**

**Vườn Quốc gia Cát Tiên // <http://www.lamdong.gov.vn/>.- 2013.- Ngày 25 tháng 4.**

*Vườn quốc gia Cát Tiên là một khu bảo tồn thiên nhiên nằm trên địa bàn ba huyện Tân Phú, Vĩnh Cửu (Đồng Nai), Cát Tiên, Bảo Lộc (Lâm Đồng) và Bù Đăng (Bình Phước). Đặc trưng của vườn quốc gia này là rừng đất thấp ẩm ướt nhiệt đới. Năm 1978, Vườn quốc gia này được bảo tồn và được chia thành 2 khu vực: Nam Cát Tiên và Tây Cát Tiên. Khu vực Cát Lộc phía bắc Cát Tiên cũng được bảo tồn do ở đây có loài tê giác Java sinh sống. Chính nhờ loài tê giác này đã làm khu bảo tồn này được cộng đồng thế giới quan tâm. Một điều cuốn hút khác của rừng Cát Tiên là sự tồn tại*

*của đàn bò tót không lồ nặng trên hàng tạ, với số lượng khoảng 70-80 con, hiện cũng đang có nguy cơ tuyệt chủng cao do bị săn bắn trộm và mất chỗ ở vì rừng bị chặt phá. Năm 1998, ba khu này được sáp nhập thành vườn quốc gia. Phát hiện khảo cổ trong khu vực giữa rừng này đang đặt ra dấu hỏi có một nền văn minh cổ đã tồn tại ở đây. Trong thời kỳ Chiến tranh Việt Nam, khu vực này bị chất độc da cam của quân đội Hoa Kỳ hủy hoại nặng nề. Khoảng 50% diện tích của Cát Tiên là rừng cây xanh, 40% là rừng tre, 10% là nông trại. Động vật đặc trưng có: tê giác Java một sừng, voi châu Á, bò tót, gấu chó, gấu ngựa, trâu rừng, hổ, báo hoa mai, báo gấm, nai... Các loài chim của Cát Tiên cũng phong phú đa dạng: đại bàng đen, vịt trời cánh trắng, chim mỏ sừng lớn... Cát Tiên là nơi cư ngụ của 40 loài nằm trong Sách đỏ thế giới, trong đó đặc biệt là loài tê giác. Ngoài số lượng động vật phong phú, Cát Tiên còn là địa bàn của 62 loại lan. Cát Tiên cũng được UNESCO công nhận là "Khu dự trữ sinh quyển".*

**<http://www.lamdong.gov.vn/VI-VN/DUKHACH/DANH-LAM-THANG-CANH/Pages/vuon-qg-cat-tien.aspx>**